

ĐỘN GIÁP KIỂM ĐẦU – QUYỂN 1

1. THANH SỬ VỀ CỤC DỒN LẠI:

Đời Thượng cổ Vua Hoàng đế sai ông Phong hậu là ra Độn giáp 1030 Cục. Đến cụ Thanh sử là Thái công bỏ bớt những cái phiền mà tóm tắt lại những cốt yếu.

2. TRƯỞNG TỬ PHÒNG 18 CỤC ĐẶT RA:

Đến đời Hán, ông Trương Tử Phòng làm sách ĐỘN GIÁP bí lược, dồn thành 18 cục, để xem binh gia thắng thua và các việc Quốc gia - Thiên thời – nhân sự hay dở cát hung.

3. KIỀN KHẨM CÁN CHẤN TỐN LY KHÔN ĐOÀI: thể định bát quái cho rõ.

Kiên ở cung Tuất Hợi, phương Tây Bắc.

Khảm cung Tý phương bắc.

Cấn cung Sửu Dần, phương Đông Bắc.

Chấn cung Mão, phương Đông.

Tốn cung Thìn Tỵ, phương Đông Nam.

Ly cung Ngọ, phương Nam.

Khôn cung Mùi Thân, phương Tây Nam.

Đoài cung Dậu, phương Tây.

4. HỮU SINH THƯƠNG ĐỖ CẢNH TỬ KINH KHAI: tên gọi bát môn.

Hữu thủy môn ở nhất Khảm.

Sinh Thổ môn ở bát Cấn.

Thương Mộc môn ở Tam Chấn.

Đỗ Mộc môn ở tứ Tốn.

Cảnh Hỏa môn ở cửu Ly.

Tử Thổ môn ở nhị Khôn.

Kinh Kim môn ở thất Đoài.

Khai Kim môn ở lục Kiền.

5. LẤY BA NGUYÊN ĐỊNH BA CỤC TRƯỚC:

Ngày Giáp Tý, Giáp Ngọ, Kỷ Mão, Kỷ Dậu là đầu thượng nguyên là thượng cục. Ngày Giáp Dần Giáp Thân, Kỷ Tị Kỷ Hợi là đầu trung nguyên trung cục. Ngày Giáp Thìn Giáp Tuất, Kỷ Sửu Kỷ Mùi là đầu hạ nguyên là Hạ cục gọi là ba nguyên ba cục.

6. CHÍN TINH VÀO CHÍN CUNG:

Chín cung là: Khảm 1, Khôn 2, chấn 3, Tốn 4, Trung 5, Cấn 6, Đoài 7, Cấn 8, Ly 9.

Chín Tinh là: 1-Thiên Bồng Thủy, 2-Thiên Nhậm Thổ, 3-Thiên xung Mộc, 4-Thiên Phụ Mộc, 5-Thiên Anh Hỏa, 6 Thiên Nhuế Thổ, 7-Thiên Trạ Kim, 8-Thiên tâm Kim, 9-Thiên Cầm Thổ. Tham lang Thiên bồng ở khảm thủy, Cự môn Thiên nhuế ở nhị khôn Thổ cung, Lộc Tồn Thiên xung ở tam chấn Mộc cung, Văn khúc Thiên phụ ở tứ Tốn Mộc cung, Liêm Trinh Thiên cầm ở 5 Trung Thổ cung, Vũ khúc Thiên Tâm ở Lục Kiền Kim cung, Phá quân Thiên trạ ở Đoài 7 cung, tá phù Thiên nhậm ở Cấn thổ 8 cung, Hữu bật Thiên Ương (có sách gọi là thiên anh) ở Ly hỏa 9 cung.

7. ĐÔNG CHÍ TỪ KHẨM ĐẾN LY DƯƠNG ĐỘN THUẬN CHO HIỂU:

Tiết đông chí là nhất dương sinh khởi từ khảm 1, khôn 2, chấn 3....cho đến Ly 9 như thế là dương thuận ở Độn.

8. HẠ CHÍ TỪ LY ĐẾN KHẨM ÂM ĐỘN NGHỊCH BIẾT QUA:

Hạ chí là tiết nhất âm sinh, độn khởi từ cửu Ly, bát cần, thất đoài...cho đến khảm 1, như thế âm nghịch độn.

9. MỖI NGUYÊN 5 NGÀY LÀ 1 CỤC:

Lục giáp định ra ba Nguyên, mỗi Nguyên 5 ngày một lần đổi. Thí dụ: ngày Giáp Tý đến Mậu Thìn 5 ngày là 1 Nguyên là Thượng cục. Ngày Kỷ Tỵ đến Quý Dậu 5 ngày là 1 Nguyên, là Trung cục. Ngày Giáp Tuất đến Mậu Dần 5 ngày là 1 Nguyên là Hạ cục.

10. TRỰC PHÙ 10 GIỜ MỘT LẦN THAY:

Trực phù dung làm quan phù đầu Lục giáp, cứ hết 10 giờ lại một lần thay.

Thí dụ: ngày Giáp Tý Đông chí thượng nguyên dương độn 1 cục, giờ Giáp Tý thì lục Mậu Thiên bồng là Trực phù gia ở Khảm. Giờ Ất Sửu thì Lục Mậu thiên bồng trực phù gia thời can ở Ly 9, giờ Bính Dần thì Lục Mậu Thiên bồng Trực phù gia thời can ở Cấn 8.....cho đến giờ Quý Dậu. 10 giờ Trực phù đều gia vào Thời can như vậy. Trực sử cũng cứ 10 giờ một lần thay.

11. LỤC GIÁP LÀM QUAN LỤC NGHI PHÙ ĐẦU: Trời đất một đường khai cục.

Lục giáp là quan Lục nghi là:

Giáp Tý thì Lục Mậu.

Giáp Ngọ thì Lục Tân

Giáp Tuất thì Lục Kỷ

Giáp Thìn thì Lục Nhâm.

Giáp Thân thì Lục Canh

Giáp Dần thì Lục Quý.

Thế thì Lục giáp là quan lục nghi Phù đầu (tuy là Trực phù nhưng có Thiên thượng trực phù là Trực phù trên Thiên bàn và Địa hạ Trực phù là Trực phù của Địa bàn), dùng tinh Âm đến Dương độn khác nhau.

12. LỤC NGHI VỚI TAM KỲ THUẬN NGHỊCH: âm dương theo hai lối dưới đây.

Dương độn thì Lục nghi thuận hành, mà Tam kỳ nghịch hành. Âm độn thì Lục nghi nghịch hành mà Tam kỳ thuận hành. Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm Quý là Lục nghi, Ất Bính Đinh là tam kỳ. Âm Dương độn trước đều khởi Lục nghi, rồi mới đến Tam kỳ.

13. MÔN KIA LÀ KHÁCH:

Hưu Sinh Thương Đỗ Cảnh Tử Kinh Khai là Bát môn.

Môn là Trực sử, Trực sử là Khách, xuất hành đến nhà người ta mà thấy Môn hợp vượng tướng thì tốt, nếu thấy Môn bị Tù Phế đãi sát hay là khắc nhập thì xấu.

14. PHÙ NÀY LÀ CHÍNH CHỦ:

Phù đầu là Trực phù, như Giáp Tý thì Lục Mậu, Giáp Tuất là Lục Kỷ...làm Trực phù. Xem trăm việc hoặc ở nhà, ở doanh trại thấy Trực phù sinh hợp vượng tướng thì tốt, nếu Tù Tử Phế thì hung.

15. TRỰC PHÙ XÉT PHÙ ĐẦU DỰ ĐOÁN CÁT HUNG:

1. Giáp Tý Mậu là trực phù: Mậu nghi thuộc Thổ, tướng ở 4 tháng Thìn Tuất Sửu Mùi thuộc Thổ là đồng loại, vượng ở tháng Thân Dậu thuộc Kim là ta sinh ra. Gặp Vượng Tướng là tốt.

Tù: ở tháng Tỵ Ngọ thuộc Hỏa (Nguyệt sinh ta thì Tù).

Tử: ở tháng Dần Mão thuộc Mộc (Nguyệt khắc ta thì Tử).

Hưu: ở tháng Hợi Tý thuộc Thủy (Nguyệt bị ta khắc thì Hưu)

Nếu bị Tù, Tử, Hưu là xấu.

2. Giáp Tuất Lục kỷ: làm trực phù, Kỷ cũng thuộc Thổ cùng như Lục Mậu ở trên.

3. Giáp Thân Lục Canh là trực phù: Canh Nghi thuộc Kim:

Tướng: ở tháng Thân Dậu là cùng loại.

Vượng: ở tháng Hợi Tý.

Tù: ở tháng Thìn Tuất Sửu Mùi.

Tử ở tháng Tỵ Ngọ.

Hưu: ở tháng Dần Mão.

4. Giáp Ngọ Lục Tân: là trực phù, Nghi Tân thuộc Kim cũng như Canh ở trên.

5. Giáp Thìn Lục Nhâm làm trực phù: Nghi Nhâm thuộc Thủy.

Tướng ở tháng Hợi Tý.

Vượng ở tháng Dần Mão.

Tù ở tháng Thân Dậu.

Tử ở tháng Thìn Tuất Sửu Mùi.

Hưu ở tháng Tỵ Ngọ.

6. Giáp Dần Quý: là trực phù. Quý nghi thủy cũng như Lục nhâm ở trên.

Lục Nhâm gặp Vượng Tướng mà lại gặp Lục Canh ở Âm Dương hai bàn trên dưới thì trong sự tốt lành cũng xảy ra việc trộm cướp (Lục Nghi vượng Tướng mà gặp Lục Canh ở bàn Âm Dương trên dưới tự dung có người đến trộm).

Tử: có nghĩa là tử tang.

Tù: có nghĩa là giam hãm, thường hay gặp quan sự.

Hưu: có nghĩa là bệnh nạn.

Xét lục nghi để biết dở hay:

1. Mậu Kỷ làm Trực phù, xem trong nhà thì Mậu Kỷ là mình, ta khắc là thê tài, khắc ta là quan quý, ta sinh Canh Tân là con cháu, Bính Đinh sinh ta là cha mẹ, Mậu kỷ đồng hành với ta là huynh đệ.

Xem trong quân, ta khắc nhâm quý là binh khí, ta sinh Canh tân là quân sĩ, đồng loại Mậu Kỷ là tướng tá, Giáp ất khắc ta là quan quý (vượng tướng là Quan, hưu tù là Quý).

2. Canh tân làm trực phù: xem trong nhà thì Canh Tân là mình, ta khắc Lục ất là thê tài, ta sinh Nhâm Quý là con cháu, đồng loại Canh Tân là huynh đệ, Bính Đinh khắc ta là Quan Quý, Mậu Kỷ sinh ta là cha mẹ.

Xem trong quân: ta khắc Lục Ất là binh khí, ta sinh Nhâm Quý là quân sĩ, đồng loại Canh Tân là tướng tan gang hang., khắc ta Bính Đinh là Quan Quý, sinh ta Mậu Kỷ là Ân Thụ.

3. Nhâm Quý là trực phù: xem trong nhà, Trực phù là mình, ta khắc Bính Đinh là thê tài, ta sinh Lục ất là con cháu, đồng loại nhâm quý là huynh đệ, khắc ta Mậu Kỷ là Quan Quý, sinh ta Canh Tân là cha mẹ.

Xem trong quân: ta khắc Bính Đinh là binh khí, ta sinh Lục ất là quân sĩ, đồng loại Nhâm Quý là bằng hữu, khắc ta Mậu Kỷ là Quan Quý, sinh ta Canh Tân là ân thụ.

16. TRỰC SỬ LÂM ĐẾN CUNG NÀO, XÉT CHỖ LÂM ẤY Ở ĐỊA BÀN LÀ TINH GÌ THÌ CÁT HUNG ĐÃ RÕ:

VD: Ngày Giáp Tý, giờ Giáp Tý, Đông chí thượng nguyên dương độn 1 cục.

Giờ Giáp Tý thì Hưu môn Trực sử ở cung Khảm 1. Ở Khảm là bản gia của sao Thiên bình là Thái dương đại hung tinh gặp mùa Đông tháng Tý, Thiên bình được tướng khí. Kinh rằng: Đại hung tinh gặp vượng tướng biến ra trung bình.

Giờ Ất Sửu thì Hưu môn Trục sử ở Khôn 2 cung. Thời hạ ở Khôn có sao Thiên nhuế là Thái âm đại hung tinh, Thiên nhuế gặp mùa đông tháng Tý là Hưu khí. Kinh rằng: đại hung vô khí là hung.

Giờ Bính Dần: Hưu môn Trục sử gia Chấn 3 cung có sao Thiên xung là Thái dương tiểu cát tinh, Thiên xung mùa đông tháng Tý là Tù khí. Kinh rằng: Tiểu cát vô khí rất hung.

Giờ Đinh Mão: Hưu môn Trục sử gia Tốn 4 cung thời Hạ có sao Thiên Phụ là Thái dương đại cát tinh, Thiên phụ mùa Đông tháng Tý bị Tù khí. Kinh rằng: Đại cát tinh tù khí lại là hung.

Giờ Mậu Thìn: Hưu môn Trục sử gia trung cung, gặp sao Thiên cầm là Thái dương tiểu cát tinh. Thiên cầm mùa Đông tháng Tý là Hưu khí. Kinh rằng: tiểu cát vô khí rất hung.

Giờ Kỷ Ty: Hưu môn Trục sử gia Kiền 6 cung. Tại Kiền có sao Thiên tâm là Thái Âm tiểu cát tinh. Thiên tâm mùa Đông tháng Tý là Vượng khí. Kinh rằng: Tiểu cát tinh vượng khí rất tốt.

Giờ Canh Ngọ: Hưu môn trục sử gia Đoài 7 cung, có sao Thiên Trự là Thái âm tiểu hung tinh, Thiên trự gặp mùa Đông tháng Tý được vượng khí. Kinh rằng: tiểu hung tinh vượng khí rất tốt.

Giờ Tân Mùi: Hưu môn trục sử gia Cấn 8 cung, có sao Thiên nhậm là Thái dương đại cát tinh. Thiên nhậm gặp mùa Đông tháng Tý bị hưu khí. Kinh rằng: đại cát vô khí rất hung.

Các giờ khác cứ thế mà suy.

Thái dương tinh:

Thiên Bồng Thủy: Thái dương đại hung tinh:

Vượng : ở tháng Dần Mão

Tù : ở tháng Thân Dậu.

Tướng : ở tháng Hợi Tý.

Tử : ở tháng Thìn Tuất Sửu Mùi.

Hưu : ở tháng Ty Ngọ.

Thiên nhậm Thổ: Thái dương đại cát tinh.

Vượng : ở tháng Thân Dậu

Tù : ở tháng Ty Ngọ.

Tướng : ở tháng Thìn Tuất Sửu Mùi.

Tử : ở tháng Dần Mão.

Hưu : ở tháng Hợi Tý.

Thiên xung mộc: Thái dương tiểu hung tinh.

Vượng : ở tháng Ty Ngọ

Tù : ở tháng Hợi Tý.

Tướng : ở tháng Dần Mão.

Tử : ở tháng Thân Dậu

Hưu : ở tháng Thìn Tuất Sửu Mùi.

Thiên Phụ mộc: Thái dương đại cát tinh. Vượng tướng như Thiên xung.

Thiên Cầm Thổ: Thái dương tiểu cát tinh

Vượng : ở tháng Thân Dậu

Tù : ở tháng Ty Ngọ

Tướng : ở tháng Thìn Tuất Sửu Mùi.

Tử : ở tháng Dần Mão

Hưu : ở tháng Hợi Tý.

Thái Âm tinh:

Thiên Anh Hỏa: Thái âm tiểu cát tinh.

Vượng : ở tháng Thìn Tuất Sửu Mùi

Tù : ở tháng Dần Mão.

Tướng : ở tháng Ty Ngọ.

Tử : ở tháng Hợi Tý

Hưu : ở tháng Thân Dậu.

Thiên nhuế Thổ: Thái âm đại hung tinh.

Thiên Trạ Kim: Thái âm tiểu hung tinh

Thiên Tâm Kim: Thái âm tiểu cát tinh.

Vượng : ở tháng Hợi Tý

Tù : ở tháng Thìn Tuất Sửu Mùi

Tướng : ở tháng Thân Dậu.

Tử : ở tháng Ty Ngọ

Hưu : ở tháng Dần Mão.

17. CHỦ ĐẠI TƯỚNG, KHÁCH ĐẠI TƯỚNG:

Độn dương: Thiên thượng Trục phù là Chủ đại tướng.

Địa hạ trục phù là Khách đại tướng.

Độn âm: Thiên thượng Trục phù là Khách đại tướng.

Địa hạ Trục phù là Chủ đại tướng.

Thiên thượng trục phù là Phù đầu gia ở thời.

Địa hạ Trục phù là Phù đầu nguyên vị ở địa bàn.

VD1: ngày Bính Dần, giờ Tân Mão. Đông chí thượng nguyên dương độn 1 cục.

Xem về binh sự, đem Thiên xung -

Mậu 1

Tân 4

Ất 9

Trục phù Giáp Thân Canh gia lên Địa hạ

Kỷ 2

Nhâm 5

Bính 8

lục Tân thời can ở Tồn 4 cung, gọi là

Canh 3

Quý 6

Đinh 7

Thiên thượng trục phù cung. Thế là Chủ

tướng ở phương Đông nam. Trục phù

Canh thuộc Kim sắc trắng, thấy có mây

trắng đến che là Chủ tướng được trời

giúp. Nếu Chủ tướng ở Bắc thấy quân

địch ở tây bắc, đến đánh trước thì thắng.

Canh kim ở Tồn là được trường sinh.

Địa hạ Trục phù Canh ở Chấn 3

cung thế là Khách đại tướng ở phương

Đông, tuy gặp Cửu Thiên, nhưng gặp

Bính gia Canh gọi là Huỳnh nhập Bạch.

Nếu Khách đại tướng ở Bắc nên lui binh cố thủ thì tốt. Thấy mây đỏ đến che, tất Khách binh kinh động. Vậy thoái thì tốt, tiến thì hung.

VD2: ngày Giáp Tý, giờ Bính Dần. Tiểu thử, Âm độn 8 cục.

Xung-Canh Tử-Phù Tân	Phụ-Tân Kinh-Xà Ất	Anh-Ất Khai-Âm Kỷ
Nhâm-Bính Cảnh-Thiên Canh	Nhâm	Nhuế-Kỷ Hưu-Hợp Đinh
Bồng-Mậu Đỗ-Địa Bính	Tâm-Quý Thương-Huyền Mậu	Trạ-Đinh Sinh-Bạch Quý

Xem binh sự đem Giáp Tý Mậu Trục phù-sao Thiên nhậm gia lên thời can Bính ở khâm 1 cung phương Bắc. Phương Bắc có Thiên thượng trực phù cung, âm độn nên là Khách đại tướng. Được Mậu gia Bính gọi là “ Long phản thủ ” là cách rất tốt.

Xem Thiên thượng trực phù giáp Tý mậu từ cung Cấn gia sang Khâm, hắc là khách tướng chiếm cứ bản quốc mà làm ngăn trở muôn quân, nhìn về phương đông bắc có mây vàng đến che và lại có mây đỏ ở phương ấy nên hắc là Khách binh có trời giúp, nên tránh đi chớ có phạm vào.

Địa hạ trực phù lục mậu ở Cấn 8 cung phương Đông Bắc, tuy có Cửu thiên, nhưng bị Lục Quý gia vào nên thân cao 8 thước là thiên võng bát trượng. Giờ này thủ thì tốt, tiến thì hung.

Chủ Đại tướng nên giữ trại đợi địch đến mà đánh thì thắng, lấy nghĩa là Địa hạ Mậu nghi thổ khắc lên thiên thượng Lục Quý thủy vậy.

18.DỤ BINH VÀ PHỤC BINH:

Lấy: **Lục Đinh gia lâm là chủ dụ binh.**

Thái âm gia lâm là chủ phục binh.

Lục Canh gia lâm là khách dụ binh.

Huyền vũ gia lâm là khách phục binh.

Xem chỗ gia lâm thấy hòa hợp thì không có, thấy khắc nhập là tất có.

Thí dụ: Ngày Kỷ Hợi, giờ Đinh Mão, Xuân phân trung nguyên dương độn 9 cục.

Xem việc binh, thấy Thiên thượng Trục phù Giáp Tý Mậu gia lâm địa hạ Thời can Đinh ở kiền 6 cung. **Lục Đinh Thời can là Chủ dụ binh**, phi gia lên Địa hạ Lục Tân ở Chấn chính Đông, thế là Chủ dụ binh ở Đông. Đinh Hỏa gặp mùa Xuân tháng mao bị Tu khí, xét Đinh hỏa đến khắc Tân Kim, lại gặp tu khí, đi đánh thấy giặc hồi lui thì thoái binh, nếu cố tiến thì thua.

Thái âm là Chủ phục binh ở Cấn 8 cung, có Lục Bính gia lên Lục Ất ở Cấn Đông bắc. Xét ra Bính hỏa đến Cấn là Trường sinh địa bản, cung Cấn có Sửu

Mậu 8	Tân 5	Ất 9
Kỷ 7	Nhâm 4	Bính 1
Canh 6	Quý 3	Đinh 2

Anh-Ất Tử-Huyền Nhâm	Nhuế-Đinh Kinh-Bạch Ất	Trụ-Kỷ Khai-Hợp Đinh
Phụ-Nhâm Cảnh-Địa Quý	Tân	Tâm-Canh Hưu-Âm Kỷ
Xung-Quý Đỗ-Thiên Mậu	Nhậm-Mậu Thương-Phù Bính	Bồng-Bính Sinh-Xà Canh

Mậu 9	Tân 3	Ất 8
Kỷ 1	Nhâm 4	Bính 7
Canh 2	Quý 5	Đinh 6

Bồng-Kỷ Tử-Bạch Nhâm	Nhậm-Ất Kinh-Huyền Mậu	Xung-Tân Khai-Địa Canh
Tâm-Đinh Cảnh-Hợp Tân	Quý	Phụ-Nhâm Hưu-Thiên Bính
Trụ-Bính Đỗ-Âm Ất	Nhuế-Canh Thương-Xà Kỷ	Anh-Mậu Sinh-Phù Đinh

Dần mà lại là chỗ vị phục binh lâm, nhưng Cấn lại có Thiên trụ gia lâm gặp Mão hưu khí, hẳn là Chủ phục binh đánh trước hơi thắng, sau loạn binh mà thua, nghĩa là Thiên trụ kim đã hưu khí lại bị binh hỏa khắc nữa.

Thiên thượng Lục Canh là khách dụ binh là rút binh ở Khâm chính Bắc, Canh gia Kỷ gọi là Thiên Địa hình cách, lại gặp Đẳng xà vây, đánh trước hơi lợi, lui thời tốt, nếu viễn chinh xa mã bại vong, nửa đường là thua.

Huyền vũ gia lâm là khách phục binh, Huyền vũ ở Ly chính nam. Ất kỳ đến gọi là đắc sử, thế là khách phục binh ở phương Nam, thấy cây xanh lại

Mậu 7	Tân 4	Ất 8
Kỷ 6	Nhâm 3	Bính 9
Canh 5	Quý 2	Đinh 1

che là trời hợp người, nếu tiến binh đánh rất tốt.

VD: Ngày Giáp Tý, giờ Đinh Mão, Thu phân thượng nguyên âm độ 7 cục.

Đem thiên thượng Trục phù Giáp Tý Mậu Thiên Trụ gia lên Địa hạ Lục Đinh thời can ở Khâm.

Lục Đinh thời can là Chủ dụ binh lâm địa hạ lục nhâm ở chân chính đông,

thế là Chủ dụ binh ở Đông. Xét Đinh hỏa gặp mùa Thu tháng Dậu bị hưu khí, lại gặp Nhâm thủy khắc lên Đinh hỏa, đạo binh này không đánh mà tự vỡ.

Thái âm ở Đoài chính Tây, thế là Chủ phục binh ở Tây, thấy Lục Bính gia lên Lục Mậu phù đầu gọi là điều diệt huyết là cách tốt, thấy phương Nam có mây đỏ nổi lên mà phương này có mây vàng nổi lên ứng thế là Chủ phục binh được trời giúp, quân rất mạnh.

Lục canh gia lên địa hạ Lục Kỷ ở Kiền Tây bắc, gọi là thiên địa hình cách, cách xấu, thế là Khách dụ binh ở Tây bắc, được Canh kim gặp tháng Dậu là tướng khí, hẳn là Khách dụ binh, trước đánh đại thắng, nên thắng thì lui hồi quân mã, nếu viễn chinh tất thua.

Huyền vũ gia lâm cung Tốn ở Đông Nam, thế là Khách phục binh ở Đông Nam, nhưng Lục Ất gia Lục Tân ở Tốn là Long đào tẩu, xem việc binh gặp cách này là quân tan vỡ.

19.CHỦ BẠN BINH, KHÁCH BẠN BINH PHẢI VỠ:

Trục sử gia lâm là **chủ bạn binh**, Nhật Can gia lâm là **khách bạn binh**.

VD: ngày Bính Tý, giờ Nhâm Thìn, Vũ thủy Hạ nguyên dương độ 3 cục.

Nhâm-Ất Kinh-huyền Tân	Xung-Nhâm Khai-Bạch Bính	Phụ-Tân Hưu-Hợp Quý- canh
Bồng- Đinh Tử-Địa Nhâm	Canh	Anh-Bính Sinh- Âm Mậu
Tâm-Kỷ Cánh-Thiên Ất	Trụ-Mậu Đỗ-Phù Đinh	Nhuế-Quý canh Thương-Xà Kỷ

Đem thiên thượng Lục Canh Giáp Thân Thiên cầm Trục phù gia lên Địa hạ Lục Nhâm thời can ở Đoài, thấy Tử môn Trục sử ở Tốn Đông nam, như vậy là Chủ bạn binh ở Đông Nam. Thời hạ được sao Thiên phụ là Thái dương đại cát tinh gặp mùa Xuân tháng Dần được tướng khí, Kinh rằng: Cát tinh phùng vượng tướng, vạn sự công chắc thành. Nếu lại thấy Đông nam có mây vàng kéo đến, như vậy là chủ bạn binh được Trời giúp.

Lục Bính Nhật can gia lên Lục Quý thủy ở Cấn Đông bắc, thế là Khách bạn binh ở Đông bắc. Bính hỏa vào Cấn là Trường sinh Địa, nhưng gặp tháng Dần, tù khí, lại Quý thủy ở địa bàn khắc lên, Bính Hỏa sợ Khách bạn binh không am đạo lộ, ra vào kinh mê cho nên dừng lại cố thủ thì tốt, tiến binh ắt gặp hung.

20. CHỦ TƯỚNG HIỆU, KHÁCH TƯỚNG HIỆU CHO MINH:

Thời can sở lâm là chủ tướng hiệu.

Thời chi là chủ quân sĩ.

Nguyệt can sở lâm là khách tướng hiệu.

Nguyệt chi là khách quân sĩ.

VD: Năm Quý Hợi, tháng Bính Thìn, ngày Giáp Tý, giờ Đinh Mão lập hạ, thượng nguyên dương độn 4 cục.

Đem thiên thượng lục mậu giáp tý Thiên phụ Trục phù ở Tốn gia lên địa hạ lục Đinh thời can ở Khảm. Thiên thượng lục Đinh thời can gia lên địa hạ lục Bính tại Khôn, thế là Lục Đinh thời can Chủ tướng hiệu lâm vào Khôn, tuy Đinh Hỏa gặp tháng Thìn vượng khí, hiềm nổi lâm mộc dục địa bàn (Đinh âm hòa trường sinh ở Dậu, vậy Khôn là mộc dục) và gặp Huyền vũ ở đây, hẳn là Chủ tướng hiệu có hai ông: một là văn chức thư sinh, bất minh, kỹ thuật và một ông là cường bạo: hữu dũng vô mưu, không đáng kể về việc binh.

Thời Chi là chủ quân sĩ, nguyên ở Mão cung địa bàn gặp sao Thái âm.

Khai môn và Lục Đinh gia Lục Ất ở đấy, tất tướng mạnh mà quân yếu, nửa thích đánh nửa thích lui. Xét mao Chi gặp Khai môn Bính Kỷ cùng đến, Kim Hỏa khắc nhau. Kinh rằng: “Thủ quân tất toan qui nghi vô công”. Tháng bính Thìn, nguyệt can là Bính, là Khách tướng hiệu. Thiên bàn Bính gia lên Mão là Mộc đắc địa rất xấu, gặp tháng Thìn vượng khí, hẳn ông khách tướng hiệu là người trước văn sau võ, tính người khác bác cường bạo, dụng sự hồ nghi hết quyết, có thể lập kế bắt được.

Mậu 3	Tân 6	Ất 2
Kỷ 4	Nhâm 7	Bính 1
Canh 5	Quý 8	Đinh 9

Xung-Mậu Tử-Huyền Kỷ	Phụ-Kỷ Kinh-Địa Đinh	Anh-Đinh Khai-thiên Ất
Nhậm-Quý Cánh-Bạch Mậu	Canh	Cầm-Canh Hưu-Phù Nhâm
Bồng-Bính Đỗ-Hợp Quý	Tâm-Tân Thương-Âm Bính	Trụ-Nhâm Sinh-Xà Tân

Mậu 4	Tân 7	Ất 3
Kỷ 5	Nhâm 8	Bính 2
Canh 6	Quý 9	Đinh 1

Trụ-Tân Hưu-Hợp Mậu	Tâm-Canh Sinh-Bạch Quý	Bồng-Đinh Thương-Huyền Bính
Nhược-Bính Khai-Âm Ất	Kỷ	Nhậm-Nhâm Đỗ-Địa Tân
Anh-Quý Kinh-Xà Nhâm	Phụ-Mậu Tử-Phù Đinh	Xung-Ất Cánh-Thiên Canh

Nguyệt Chi là khách quân sĩ ở cung Thìn gặp Lục Tân gia Mậu, Tân gặp tháng Thìn bị tù khí, lại có Lục Hợp, toàn quân này hẳn là không vâng theo tướng mệnh mà chỉ thích trốn.

21.TUẾ CAN DÙNG XEM NGÔI THIÊN TỬ:

Tuế Can dùng xem ngôi Thiên tử, phạm xem việc Quốc gia phải dùng Tiết Lập xuân đầu năm mà quyết định, lấy Tuế Can xem ngôi Thiên tử.

VD: Năm Quý Hợi tháng giêng, ngày Quý Mùi, giờ Quý Sửu, tiết Lập xuân Dương độn 8 cục.

Đem Thiên thượng Trục phù Giáp Thìn Nhâm sao Thiên xung gia lên địa hạ Lục Quý thời Can ở Tồn. Năm nay Tuế Can là Quý có Lục Nhâm đến đó, tất có người có Can Quý là Thiên tử, xét

Nhâm là Dương thủy, trường sinh ở Khôn, tính đến Tồn là Tuyệt địa, thấy Thiên Nhậm cùng Lục Mậu thuộc Thổ lại khắc Nhâm thủy ở Chấn. Mà Quý Tuế Can lại gia sang Lục Kỷ gặp Đằng xà, hẳn là Thiên Tử đến năm Giáp Tý, tháng Tị Ngọ Tuế chi gặp ách nạn, nghĩa là Quý Tuế can là Thiên Tử ở Tồn gia sang Ngọ gặp Đằng xà, xét năm Giáp Tý tháng Tị Ngọ có Vũ sĩ mưu loạn, nghĩa là thấy Quý Tuế can gia sang Ngọ, tất có người vũ sĩ ở phương Nam mưu loạn, ngó số hạn là tháng 9 thì việc tan vỡ, Quý nghi Thủy gặp Đằng xà Hỏa, Thủy khắc Hỏa, khắc ta là Quan quý cho nên nói: là Quý động vậy.

22.TUẾ CHI LÀ CHỦ SÚY DANH:

Trên vua đã trao cho tiết viết động xuất binh như tiết chế thiên hạ, gọi là Chủ súy. Nếu người không có sinh sát tiết viết, lúc binh cư, lúc hành doanh, theo Bản mệnh tuế danh của ông ấy mà xem.

VD: Năm Quý Hợi, tháng Giêng, ngày Quý Mùi, giờ Quý Sửu, tiết Lập xuân, thượng nguyên Dương độn 8 cục. Xem Chủ súy thế nào?

Lấy Thiên thượng Lục Nhâm Giáp Thìn Thiên xung Trục phù gia lên Địa hạ thời can Lục Quý tại Tồn. Thấy Tuế Chi là Hỏa ở Kiền, thấy Bạch hổ lâm vào vị chủ súy. Lại thấy Lục Bính ở Kiền là Nhập Mộ. Rồi Bính kỳ gia sang Khảm, là Hỏa vào Thủy Địa, gọi là Thụ chế, hạn là năm Hợi Tý, tháng Hợi Tý có bệnh ách. Kinh nói rằng: Hợi nguyệt ách tạt hung (Tý nguyệt ách tạt tiên trọng hậu kinh), lấy nghĩa là Bính đến Khảm trước hung sau cát, đến năm Tý được quyền hành phát huy uy lực, đến năm Sửu, Dần thì đãi vi, lấy nghĩa là Bính đến Khảm đã gặp Thụ chế lại gặp Huyền vũ nên phải phòng đạo tặc, gian phi. Đến năm Sửu

Mậu 8	Tân 2	Át 7
Kỷ 9	Nhâm 3	Bính 6
Canh 1	Quý 4	Đinh 5

Xung-Nhâm Thương-Phù Quý	Phụ-Quý Đỗ-Xà Kỷ	Anh-Kỷ Cảnh-Âm Tân
Nhâm-Mậu Sinh-Thiên Nhâm	Đinh	Nhuế-Tân Tử-Hợp Át
Bồng-Canh Hưu-Địa Mậu	Tâm-Bính Khai-Huyền Canh	Trụ-Át Kinh-Bạch Bính

Mậu 8	Tân 2	Át 7
Kỷ 9	Nhâm 3	Bính 6
Canh 1	Quý 4	Đinh 5

Xung-Nhâm Thương-Phù Quý	Phụ-Quý Đỗ-Xà Kỷ	Anh-Kỷ Cảnh-Âm Tân
Nhâm-Mậu Sinh-Thiên Nhâm	Đinh	Nhuế-Tân Tử-Hợp Át
Bồng-Canh Hưu-Địa Mậu	Tâm-Bính Khai-Huyền Canh	Trụ-Át Kinh-Bạch Bính

Dần ở cung Cấn lại gặp Cửu địa cho nên nói vậy.

23. PHÙ LÀ CHỦ SÚY, SỬ LÀ THIÊN TY HƯU VƯỢNG PHẢI XÉT:

Trực phù Lục Nghi làm chủ súy, dương độ lấy Thiên thượng Trực phù làm Chủ súy, Trực sử bát môn sở lâm là Thiên ty, gặp vượng tướng thì tốt, hưu phế tù tử thì hung. Âm độ thì Chủ súy ở Địa hạ Trực phù.

VD: ngày Giáp Tý, giờ Ất Sửu Đông chí thượng nguyên Dương độ nhất cục.

Mậu 1	Tân 4	Ất 9
Kỷ 2	Nhâm 5	Bính 8
Canh 3	Quý 6	Đinh 7

Lấy Thiên thượng Lục Mậu Giáp Tý Thiên bồng Trực phù gia lên Địa hạ Lục Ất thời Can ở Ly. Vậy ở Ly có Chủ súy, vì gặp mùa đông tháng Tý bị hưu khí, ở Ly lại gặp Địa hạ Lục ất Mộc khắc lên và lại là quẻ Phán ngâm. Giờ này Chủ súy nên ở trong dinh mà thủ binh thì tốt, tiến ất hung.

Tâm-Quý Kinh-Thiên Tân	Bồng-Mậu Khai-Phù Ất	Nhâm-Bính Hưu-Xà Kỷ
Trụ-Đinh Tử-Địa Canh	Nhâm	Xung-Canh Sinh-Âm Đinh
Nhuế-Kỷ Cảnh-Huyền Bính	Anh-Ất Đỗ-Bạch Mậu	Phụ-Tân Thương-Hợp Quý

Hưu môn Trực sử, giờ Ất Sửu ở Khôn là vị Thiên Ty. Hưu môn Thủy gặp mùa Đông tháng Tý được tướng khí, lại vào

Khôn là gặp trường sinh địa, hãn là Thiên ty là người kiêu dũng hơn người, có thể thành công, nhưng thời hạ là sao Thiên nhuế là Thái âm đại hung tinh, vào mùa Đông tháng Tý thì Thiên nhuế bị hưu khí, và lại gặp Đằng xà ở đây sợ có tướng ty ít thuật vô mưu, hành sự hồ nghi không quyết, thành kinh sợ dài dài.

VD: ngày Giáp Tý giờ Bính Dần, Hạ chí Âm độ 9 cục.

Lấy Thiên thượng Lục Mậu Giáp Tý Thiên Anh trực phù ở Ly là vị chủ súy gia lên Lục Bính Địa hạ thời can ở Khôn. Gọi là Thiên thượng trực phù cung, **âm độ thì Chủ súy ở Địa hạ Trực phù** ở Ly chính Nam.

Xung-Đinh Sinh-Âm Quý	Phụ-Quý Thương-Xà Mậu	Anh-Mậu Đỗ-Phù Bính
Nhâm-Kỷ Hưu-Hợp Đinh	Nhâm	Nhuế-Bính Cảnh-Thiên Canh
Bồng-Ất Khai-Bạch Kỷ	Tâm-Tân Kinh-Huyền Ất	Trụ-Canh Tử-Địa Tân

Xét chủ súy ở cung Ly có Lục Quý và sao Đằng xà, lại gia rất xấu, nhưng mang Mậu Thổ khắc Quý thủy, chủ súy có bệnh ách nhưng không hại gì.

Giờ này Thiên vông thân cao chín thước, binh thủ thì tốt, tiến thì hung. Cảnh môn Trực sử gia ở Đoài chính tây là Thiên ty. Cung Cảnh môn Hỏa gặp tháng Ngọ tướng khí, lại gặp Cửu Thiên, vậy nên Thiên ty tất là hiền tướng, có thể bàn việc binh mà thành công được.

24. PHÙ LỢI HẬU CỨ, SỬ LAI TIỀN CỨ, THUA ĐƯỢC TỔ TÌNH:

Trực phù là chủ lợi ở hậu cứ, hậu cứ thì thắng Trực sử là khách, lợi ở Tiền cứ, Tiền cứ thắng.

VD: Ngày Quý Mùi, giờ Mậu Ngọ, Kinh chấp Thượng nguyên dương độn nhất cục.

Mậu 1	Tân 4	Ất 9
Kỷ 2	Nhâm 5	Bính 8
Canh 3	Quý 6	Đinh 7

Xem việc binh được thua. Lấy Thiên thượng Lục Quý Giáp Dần Thiên Tâm Trục phù gia lên Địa hạ Lục Mậu thời can ở Khâm, gọi là Trục phù cung. Quý thủy gặp mùa Xuân tháng Mão vượng khí, Khâm lại là cung Lâm quan của Quý thủy. Trông Tẩy bắc có mây đen nổi lên như ma trăn, lại che Khâm cung là được trời giúp, Chủ về binh cường đánh sau tất được đại thắng.. Nhưng ở Khâm Địa bàn là Mậu Thổ

Xung-Canh Thương-Hợp Tân	phụ-Tân Đỗ-Bạch Ất	Anh-Ất Cảnh-Huyền Kỷ
Nhâm-Bính Sinh-Âm Canh	Nhâm	Nhuế-Kỷ Tử-Địa Đinh
Bồng-Mậu Hưu-Xà Bính	Tâm-Quý Khai-Phù Mậu	Trụ-Đinh Kinh-Thiên Quý

khắc lên Quý thủy, nên phải phòng quân bạn thế nhị tâm dẫn đường dụ ta. Giờ này Lục Quý Giáp Dần ở Kiền, khởi Khai môn ở Kiền, tính đến giờ Mậu Ngọ thì Khai môn là Trục sử gia vào cung Khâm. Khai môn Kim gặp mùa Xuân tháng Mão bị hưu khí và Khai môn dương Kim đến khảm là Tử địa, tất là khách binh suy yếu đánh trước đại bại.

Giờ này Địa bàn Mậu Thổ sinh lên Thiên bàn Khai môn kim tất là khách binh vong. Ngôn rằng: khách binh lại mà không thấy đánh, dường thành tiến đánh mà trong tự thoái tang. Ta nên củng cố mặt trận, triệt sau mà đánh, đại thắng.

VD: Ngày Bính Thìn, giờ Canh Dần, bạch lộ Trung nguyên Âm độn 3 cục.

Mậu 3	Tân 9	Ất 4
Kỷ 2	Nhâm 8	Bính 5
Canh 1	Quý 7	Đinh 6

Xem được thua. Lấy Thiên thượng Lục Canh Giáp Thân Thiên Bồng Trục phù gia lên Địa hạ Lục Canh thời can tại Khâm, là cách Thiên Ất Phục cung, hay Trục phù Phục ngâm. Phàm xem binh sự mà thấy Thiên Ất phục cung hay Trục phù phục ngâm gặp hai cách này chỉ nên cố thủ thì tốt, nếu ra trận tất đại tướng bị bắt, cứ đợi đánh sau thì thắng, trong phương ấy có mây trắng nổi lên là Chủ binh có Trời giúp, nếu không là Trời không giúp thì nên thoái binh, tiến thì hung.

Phụ-Ất Hưu-Huyền Ất	Anh-Tân Sinh-Bạch Tân	Nhuế-Kỷ Thương-Hợp Kỷ
Xung-Mậu Khai-Địa Mậu	Bính	Trụ-Quý Đỗ-Âm Quý
Nhâm-Nhâm Kinh-Thiên Nhâm	Bồng-Canh Tử-Phù Canh	Tâm-Đinh Cảnh-Xà Đinh

Giờ này Hưu môn Trục sử ở Tốn Đông Nam, Hưu Thủy gặp mùa Thu tháng Dậu là bị Tử khí, mặt khác Thủy đến Tốn là đất tuyệt địa, đánh trước thì thua, trông Đông Nam thấy mây đen lại che thì khách không đánh cũng tự vỡ. Đại để Bát môn xem về việc binh sự là thuận theo Trời, thấy ở Trời có khí ứng thì được, nếu không có khí ứng thì thua, người làm tướng nên xét kỹ.

25. PHÂN BIỆT CHỦ KHÁCH:

Sao Thái xung ở mao gọi là Thiên mục là Khách. Sao Tòng Khôi ở Dậu gọi là Địa nhĩ là Chủ. Phàm xem binh sự thấy Chủ tinh lâm cát phương là Chủ mạnh. Khách tinh lâm cát phương là khách mạnh. Trái lại nếu lâm hung phương thì yếu.

Phép này lấy Nguyệt tướng gia thời xem hai sao lâm vào đầu. Lâm Sửu Dần là vào Cấn, lâm Thìn Tỵ là vào Tốn, lâm Ngọ là vào Ly, Lâm Mùi Thân là vào Khôn, lâm Dậu là vào Đoài. Lâm Tuất Hợi là vào Kiền, lâm Tý là vào Khảm.

VD: Ngày Ất Sửu, giờ Mậu Dần, Kinh chập Thượng nguyên dương độn 1 cục.

Đem Nguyệt tướng Đẳng minh Hợi gia Dần thì thấy Khách binh Mão Thiên mục lâm vào cung Ly, Chủ binh Dậu Địa nhĩ lâm Tý Khảm cung. Lại đem Lục Kỷ Giáp Tuất Thiên nhuế Trục phù gia lên Địa hạ Lục Mậu thời can ở Khảm, tức là Chủ tinh ở Khảm được Trục phù cát tinh gia lâm thì Chủ tinh có vẻ cường thịnh. Khách tinh lâm vào Ly, Ly gặp bạch hổ là hung tinh, khách binh có cái vẻ ốm đau tang tóc. Xem thế đủ biết Chủ Khách thịnh suy.

	Dần Tý	Mão Ngọ	Thìn Mùi	
Sửu	Bồng-Mậu Hợp Tân	Nhâm-Bính Hỗ Ất	Xung-Canh Huyền Kỷ	Tý
Thìn	Tâm-Quý Âm Canh		Phụ-Tân Địa Đinh	Thân
Tý	Trụ-Đinh Xà Bính	Nhuế-Kỷ Phù Mậu	Anh-Ất Thiên Quý	Ngọ
Mão		Nhâm		Dậu
Hợi				Mùi
Dần	Tuất Sửu	Dậu Tý	Thân Hợi	Tuất

26.XÉT NỘI DUNG CHẤN NGUY TÌNH HÌNH:

Chủ Khách hai sao, hễ lâm vào cát tức là chân, mà lâm vào hung tức là nguy. Phàm người học trò cần cù học đạo, đợi thời lập công, nghe có người dấy quân, có người đến báo mình thì lập tức lấy Nguyệt tướng gia chính thời xem để xét thực hư biết rõ tình hình.

VD: Tháng tư ngày Canh Tý, giờ Đinh Sửu, hạ chí trung nguyên Âm độn 3 cục.

	Tý Tý	Sửu Ngọ	Dần Mùi	
Hợi	Nhâm-Nhâm Bạch Ất	Xung-Mậu Hợp Tân	Phụ-Ất Âm Kỷ	Mão
Thìn	Bồng-Canh Huyền Mậu	Bính	Anh-Tân Xà Quý	Thân
Tuất	Tâm-Đinh Địa Nhâm	Trụ-Quý Thiên Canh	Nhuế-kỷ Phù Đinh	Dậu
Mão				Tý
Dậu				Tuất
Dần	Thân Sửu	Mùi Tý	Ngọ Hợi	

Đem nguyệt tướng Truyền tổng Thân gia lên chính thời Sửu. Thấy Chủ

tinh Dậu Địa nhĩ lâm đến cung Cấn. Khách tinh là Mão Thiên mục lâm Thân Khôn cung. Lại đem Thiên thượng Lục Kỷ Giáp Tuất Thiên nhuế Trục phù gia lên địa hạ Lục đinh thời Can ở Kiền thì Khách tinh ở Khôn gặp Thái âm, hẳn là có việc bỏ dở. Mà Chủ tinh ở Cấn gặp Cữu địa, hẳn là chủ có việc trốn tránh. Chủ Khách đều dãi lải, việc không thành.

VD: ngày Quý Mùi, giờ Quý Sửu, Lập Xuân Dương độ 8 cục.

Đem nguyệt tướng Đăng minh Hội gia lên Sửu chính thời.

Thấy Khách tinh lâm Tý ở Tốn mà Chủ tinh lâm Hợi ở Kiền. Lại đem Thiên thượng Lục nhâm Giáp Thìn Thiên xung Trục phù gia lên Địa hạ Lục Quý thời can ở Tốn. tức là khách tinh được Trời giúp, Chủ tinh lâm Kiền gặp Bạch hổ, hẳn là chủ có việc ốm đau chết chóc. Nhưng Khách tinh lâm cung gặp phải Lục Quý là Thiên vồng lâm vào, Khách cũng phải phòng ốm đau một chút.

27.CỬU THIÊN SINH MÔN TRỰC PHÙ:

xuất quân phương này mà tiến.

Cung Cửu thiên là đệ nhị thắng, Sinh môn là đệ Tam thắng, cung Trục phù là đệ nhất thắng. Ba cung này nên dựa lưng vào mà không nên công kích.

VD: Ngày Mậu Thìn, giờ Tân Dậu, Xuân phân thượng nguyên dương độ 3 cục.

Lấy Thiên thượng Lục Quý giáp Dần Thiên nhâm Trục phù gia lên Địa hạ Lục Tân thời can ở Kiền. Tại Kiền có Trục phù là đệ nhất thắng và Sinh môn là đệ tam thắng. Nên đem binh theo phương ấy mà công kích sang phương Đông Nam. Ở Đoài có Cửu thiên là đệ nhị thắng, nên đem binh từ phương này mà công kích sang phương Đông thì đại thắng.

VD: Ngày Canh Tuất, giờ Canh Thìn, Hạ chí thượng nguyên Âm độ 9 cục.

Đem Thiên thượng Lục Kỷ Giáp Tuất Thiên nhâm Trục phù gia lên Địa hạ Lục Canh thời can ở Đoài. Âm độ dung địa hạ Lục Kỷ Trục phù ở Cấn Đông Bắc, tại đây thấy có đệ nhất thắng, nên theo phương này mà công kích sang phương Tây Nam.

Lại xét ra ở tây nam có Sinh môn và ở Đông Bắc có Tử môn, nên tránh dung có xung kích, nên tìm đệ nhị thắng là Cửu Thiên ở Kiền Tây Bắc, theo phương này mà đánh tất đại thắng. Còn đệ tam thắng Sinh môn ở Khôn, theo đây đánh ra ta gặp phải

	Mão Tý	Thìn Ngọ	Tý Mùi	
Dần	Xung- Nhâm Phù	Phụ-Quý	Anh-Kỷ	Ngọ
Thìn	Quý	Xà Kỷ	Âm Tân	Thân
Sửu	Nhâm- Mậu Thiên Nhâm	Đinh	Nhuế-Tân	Mùi
Mão	Thiên Nhâm	Hợi	Hợp Át	Dậu
Tý	Bồng- Canh	Tâm- Bính Huyền Canh	Trục-Át	Thân
Dần	Địa Mậu	Bạch Bính	Bạch Bính	Tuất
	Hợi Sửu	Tuất Tý	Dậu Hợi	

Mậu 3 Tân 6 Át 2
Kỷ 4 Nhâm 7 Bính 1
Canh 5 Quý 8 Đinh 9

Nhuế-Át Tử-Bạch Kỷ	Trục-Nhâm Kinh-Huyền Đinh	Tâm-Tân Khai-Địa Át
Anh-Đinh Canh-Hợp Mậu	Canh	Bồng-Bính Hưu-Thiên Nhâm
Phụ-Kỷ Đỗ-Âm Quý	Xung-Mậu Thương-Xà Bính	Nhâm-Quý Sinh-Phù Tân

Mậu 9 Tân 6 Át 3
Kỷ 8 Nhâm 5 Bính 2
Canh 7 Quý 4 Đinh 1

Trục-Canh Khai-Hợp Quý	Tâm-Tân Hưu-Âm Mậu	Bồng-Đinh Sinh-Xà Bính
Nhuế-Bính Kinh-Bạch Át	Nhâm	Nhâm-Kỷ Thương-Phù Canh
Anh-Mậu Tử-Huyền Kỷ	Phụ-Quý Canh-Địa Đinh	Xung-Át Đỗ-Thiên Tân

Trực phù, hai cung này nên kiêng.

28. TỬ MÔN, ĐĂNG XÀ, BẠCH HỒ: CHÓN ẤY CHỚ ĐEM QUÂN ĐI.

Tử môn là đại bại cung, Đăng xà là đại phế cung, Bạch hồ là đại phế cung, không nên mang quân từ phương ấy đi sợ gặp hại.

Mậu 1	Tân 4	Ất 9
Kỷ 2	Nhâm 5	Bính 8
Canh 3	Quý 6	Đinh 7

VD: Ngày Bính Dần, giờ Tân Mão, Đông chí thượng nguyên dương độ 1 cục.

Xung-Canh Tử-Phù Tân	Phụ-Tân Kinh-Xà Ất	Anh-Ất Khai-Âm Kỷ
Nhâm-Bính Cảnh-Thiên Canh	Nhâm	Nhuế-Kỷ Hưu-Hợp Đinh
Bồng-Mậu Đỗ-Địa Bính	Tâm-Quý Thương-Huyền Mậu	Trụ-Đinh Sinh-Hổ Quý

Đem Lục Canh Giáp Thân Thiên xung Trực phù gia lên địa hạ Lục Tân thời can ở Tốn. Thấy Đăng xà ở Ly chính Nam là Đại phá cung, Bạch hồ ở Kiền Tây Bắc là Đại phế cung, Tử môn ở Tốn Đông Nam là Đại hại cung, không nên xuất quân từ phương ấy ra.

29. NGHI KÍCH HÌNH KHÔNG NÊN ĐỘNG:

Lục nghi kích hình là những nghi là Lục Giáp phù đầu (trực phù) lâm vào hình địa như :

Lục Mậu Giáp Tý trực phù lâm chân (Tý Mão tương hình).

Lục Kỷ Giáp Tuất trực phù lâm Khôn (Tuất hình Mùi).

Lục Canh Giáp Thân trực phù lâm Cấn (Thân hình Dần).

Lục Tân Giáp Ngọ trực phù lâm Ly (Ngọ hình Ngọ).

Lục Nhâm Giáp Thìn trực phù lâm Tốn (Thìn hình Thìn).

Lục Quý Giáp Dần trực phù lâm Tốn (Dần hình Tý).

Những giờ như thế rất hung không nên dụng sự.

VD: ngày Giáp Tý giờ Canh Ngọ, Đông chí thượng nguyên Dương độ 1 cục.

Đem Lục Mậu Giáp Tý trực phù Thiên bồng gia lên địa hạ Lục Canh thời can ở Chấn, thế là Tý Mão tương hình rất hung.

VD: Ngày Ất Canh giờ Bính tỵ, Hạ chí thượng nguyên Âm độ 9 cục. Đem Lục Kỷ Giáp Tuất Thiên nhâm trực phù gia lên địa hạ Lục Bính thời Can ở Khôn. Thế là Trực phù Giáp Tuất gia Khôn có Mùi nên Tuất hình Mùi. Giờ này rất hung không nên dụng Sự.

Mậu 1	Tân 4	Ất 9
Kỷ 2	Nhâm 5	Bính 8
Canh 3	Quý 6	Đinh 7

Nhâm-Bính Tân	Xung-Canh Ất	Phụ-Tân Kỷ
Bồng-Mậu Canh	Nhâm	Anh-Ất Đinh
Tâm-Quý Bính	Trụ-Đinh Mậu	Nhuế-Kỷ Quý

Quý	Mậu	Nhâm-Kỷ Trực phù Bính
Đinh	Nhâm	Canh
Kỷ	Ất	Tân

30. THỜI BÁT NGỌ: Trăm việc đều xấu.

Thời can khắc Nhật can gọi là Thời bất Ngộ. Giờ này trăm việc đều xấu. Âm Thời can khắc Âm Nhật can, Dương Thời can khắc Dương Nhật can, Kinh nói rằng: “Thời Nhật tương khắc tắc tổn kỳ mình” nếu có gặp Kỳ Môn cũng chẳng nên dung.

Giờ Canh Ngọ khắc ngày Giáp
Giờ Tân Tỵ khắc ngày Ất.
Giờ Nhâm Thìn khắc ngày Bính.
Giờ Quý Mão khắc ngày Đinh.
Giờ Giáp Dần khắc ngày Mậu.
Giờ Ất Sửu khắc ngày Kỷ.
Giờ Bính Tý khắc ngày Canh.
Giờ Đinh Dậu khắc ngày Tân.
Giờ Mậu Thân khắc ngày Nhâm.
Giờ Kỷ Mùi khắc ngày Quý.

Như thế là Thời Can khắc Nhật can, Chủ Khách đều bất lợi, rất xấu.

31.MÔN PHÙ PHẢN NGÂM, PHỤC NGÂM: HÀNH BINH KHÔNG LỢI.

Phản ngâm là Thiên bàn Giáp Tý gia xuống Địa bàn Giáp Ngọ, Thiên bàn Giáp Tuất gia xuống địa bàn Giáp Thìn...gọi là Trục phù Phản Ngâm. Nếu gặp được Kỳ môn, cát tinh thì cũng không đến nỗi hung hại, nếu không thì tai hại đến ngay, không nên hành động việc gì, chỉ có việc phát chẩn thì tốt.

Sinh môn gia sang từ môn, Hưu môn gia sang Cảnh môn.....gọi là Trục sử phản nhâm.

Trục phù thiên bàn gia trục phù tại bản cung gọi là Trục phù Phục ngâm, trăm sự đều hung.

VD: Ngày Giáp Tý, giờ Ất Sửu, Đông chí thượng nguyên dương độn 1 cục.

Đem Lục Mậu Giáp Tý Thiên bong Trục phù gia Lục ất thời can tại Ly. Thế là Trục phù phản ngâm. Giờ này hành binh không lợi, cố thủ thì tốt.

Tâm-Quý	Bong-Mậu	Nhâm-Bính
Tân	Ất	Kỷ
Trụ-Đinh	Nhâm	Xung-Canh
Canh	Đinh	Đinh
Nhuế-Kỷ	Anh-Ất	Phụ-Tân
Bính	Mậu	Quý

32.TAM KỲ NHẬP MỘ: THỤ CHẾ BẠI TRẬN.

Tam kỳ nhập Mộ là Ất kỳ đến Khôn, Bính kỳ đến Kiền, Đinh kỳ đến Cấn..

Tam Kỳ thụ chế là : Ất kỳ đến Kiền, Bính Đinh kỳ đến Khâm. Thụ chế tuy hung nhưng còn có thể dung được. Nếu nhập Mộ thì rất xấu, có gặp Kỳ môn cách cát cũng không nên hành binh, trăm việc đều xấu.

VD: Ngày Giáp Tý, giờ Giáp Tý tiết Xuân phân thượng nguyên Dương độn 3 cục thì thấy Ất kỳ đến Khôn là Nhập mộ. Bính Kỳ đến Khâm là Bính kỳ thụ chế.

Mậu 3	Tân 6	Ất 2
Kỷ 4	Nhâm 7	Bính 1
Canh 5	Quý 8	Đinh 9

33.DƯƠNG TINH GIA THỜI LÀ GIỜ KHAI DỪNG ĐƯỢC:

Trục sử môn gia vào cung nào, gặp được Dương tinh là Khai (Cửu tinh nguyên vị ở địa bàn).

Kinh rằng: “Lục Giáp Lục Thời, nhất khai nhất hợp, năng tri Lục Giáp tân khai, bất tri Lục giáp tân hợp”. Ngày của Lục Giáp là Giáp Tý, Giáp Tuất, Giáp Thân, Giáp Ngọ,

Giáp Thìn, Giáp Dần. Dương tinh là Thiên bồng, Thiên Nhậm, Thiên xung, Thiên Phụ, Thiên Cầm, đều là Dương tinh gia vào thời là Khai. Giờ khai đem quân khách thắng, trăm sự đều tốt lành, nhưng nếu không được kỳ môn, chỉ được giờ khai thì cũng không nên dung.

VD: Ngày Giáp Tý, ngày Quý Dậu, hưu môn đến Khâm, thời hạ có thiên bồng là Thái dương tinh, cử động tốt.

34. ÂM TINH GIA THỜI LÀ GIỜ HỢP DÙNG LÀM CHI:

Trực sử môn gia vào cung nào gặp Âm tinh là đóng (nguyệt vị địa bàn tinh). Âm tinh là: Thiên Anh, Thiên Nhuế, Thiên trụ, Thiên Tâm. Âm tinh gia thời hợp (đóng) là dụng binh rất xấu.

VD: Ngày Giáp Tý, giờ Kỷ Ty, dương độn 1 cục thì Hưu trực sử ở Kiền, thời hạ có sao Thiên tâm là Thái âm tinh, cử động trăm sự đều xấu.

Cảnh Tân	Tử Ất	Kinh Kỷ
Đỗ Canh	Nhâm	Khai Đinh
Thương Bính	sinh Mậu	Hưu Quý

35. MỆNH TRỌNG GIÁP THỜI: QUÂN NÊN CỔ THỦ.

Dần Thân là Mạnh. Tý Mão là Trọng. Trong độn giáp Thượng nguyên cục là: ngày Giáp Tý thì giờ Giáp Tý, ngày Bính Tân thì giờ Giáp Ngọ, giờ này hình cục tại môn, không nên ra vào, dụng binh thì thua. Chủ Khách đều thương, chỉ lợi về trốn tránh.

Mạnh Giáp trung cục là: ngày Mậu Quý thì giờ Giáp Dần, ngày Ất Canh thì giờ Giáp Thân, giờ này vượng khí ở trong, Âm khí ở ngoài, không nên xuất quân. Lợi Chủ mà không lợi Khách. Chỉ nên tàng binh cổ thủ.

36. QUÝ GIÁP HẠ NGUYÊN BINH ĐỘNG TỨC THÌ:

Tuất Thìn là Quý.

Quý Giáp hạ cục là ngày Đinh Nhâm thì giờ Giáp Thìn, ngày Giáp Kỷ thì giờ Giáp Tuất. Giờ này Âm khí ở trong, Dương khí ở ngoài, cử binh động chúng trăm sự tốt, lợi Khách, không lợi Chủ.

Mậu 1	Tân 4	Ất 9
Kỷ 2	Nhâm 5	Bính 8
Canh 3	Quý 6	Đinh 7

37. THỜI GIA ẤT: QUYẾT LÀ TRẬN THẮNG.

Ất là Nhật kỳ, là Thần Thiên đức. Thiên đức chủ đem quân khách thắng, phạm sự chỉ có mừng, không có lo, đi hay gặp việc ăn uống, trăm việc đều tốt.

VD: Ngày Giáp Tý, giờ Ất Sửu, Tiết Đông chí, Dương độn, Thượng nguyên 1 cục.

Lúc ấy, Trực phù Giáp Tý mậu – sao Thiên Bồng ở trên can giờ Ất địa bàn gia Ly 9 cung.

Tâm - Quý Kinh-Thiên Tân	Bồng-Mậu Khai-Phù Ất	Nhâm-Bính Hưu-Xà Kỷ
Trụ - Đinh Tử-Địa Canh	Nhâm	Xung-Canh Sinh-Âm Đinh
Nhuế - Kỷ Cảnh - Vũ Bính	Anh - Ất Đỗ - Bạch Mậu	Phụ-Tân Thương-Hợp Quý

Thiên thượng Ất kỳ gia khâm (bắc), xuất hành hoặc đem quân từ phương này ra thì rất tốt. Nhưng tại Khâm có Bạch hổ cũng nên kiêng.

38. BÍNH LÂM MỘC: đừng cắt quân đi.

Bính là nguyệt kỳ, là thần Thiên uy (oai trời), giờ này Bính nếu thấy Kim tinh thì binh có giỏi cũng không nên dùng. Nếu đi chinh phạt (hỏi tội) thì theo phương Thiên uy mà đi rất tốt.

VD: Ngày Giáp - Kỷ, giờ Bính Dần, Tiết Đông chí, hạ nguyên dương độn 4 cục.

Giờ này Trục phù Giáp Tý mậu-Sao Thiên phụ trên Can giờ Bính ở khôn 2 cung. Thiên thượng nguyệt kỳ Bính gia trên Càn (tây bắc), xuất hành hoặc đem quân đi từ phương này rất tốt, Nhưng giờ này Bính đến Càn còn gọi là Nhập Mộ là cách hung. Cho nên cố giữ thủ là hơn.

Nhâm-Nhâm Khai- Địa Mậu	Xung- Ất Hưu-Thiên Quý	Phụ-Mậu Sinh-Phù Bính
Bồng- Đinh Kinh-Huyền Ất	Kỷ	Anh-Quý thương-Xà Tân
Tâm-Canh Tử-Bạch Nhâm	Trụ-Tân Cảnh-Hợp Đinh	Nhuế-Bính Đỗ- Âm Canh

39.ĐÌNH LÀ SAO THÁI ÂM GIA THỜI: ba quân chiến đấu rất tốt.

Đình là tinh kỳ: là thần Ngọc nữ, là Thái âm, giờ này địch quân không dám xâm phạm phương Đình kỳ gia lâm, ra quân phương đó chủ thắng, trăm sự đại cát.

VD: ngày Giáp Tuất, giờ Đình Mão. Tiết lập xuân, Hạ nguyên dương độn 2 cục.

Giờ này, Giáp Tý Mậu – sao Thiên nhuế là trục phù gia Can giờ Đình địa bàn ở cung cấn 8 (Đông bắc), Thiên thượng Đình kỳ bay trên Khôn 2 cung (tây nam). Tại Khôn đem binh ẩn hình giờ này rất tốt.

Tâm-Nhâm Đỗ- Âm Canh	Bồng- Ất Cảnh-Hợp Bính	Nhâm- Đinh Tử-Bạch Mậu
Trụ-Quý Thương-Xà Kỷ	Tân	Xung-Kỷ Kinh-Vũ Quý
Nhuế-Mậu Sinh-Phù Đinh	Anh-Bính Hưu-Thiên Ất	Phụ-Canh Khai- Địa Nhâm

VD: Ngày Giáp Tý, giờ Đình Mão, Tiểu tuyết, Thượng nguyên âm độn 8 cục.

Giờ này, Trục phù Giáp Tý mậu – sao Thiên nhâm gia trên Can giờ Đình địa bàn ở Khôn 2 cung, gọi là Trục phù bị phản ngâm. Tại cấn 8 có Thiên thượng Đình kỳ gặp Bạch hổ tại đó. Đình kỳ tại cấn 8 là nhập Mộ là cách hung, phương này giờ này xấu, cũng nên tránh sợ gặp tai họa.

Tâm-Canh Phụ- Âm Nhâm	Bồng-Bính Cảnh-Xà Ất	Nhâm-Mậu Tử-Phù Đinh
Trụ-Kỷ Thương-Hợp Quý	Tân	Xung-Quý Kinh-Thiên Kỷ
Nhuế- Đinh Sinh-Bạch Mậu	Anh- Ất Hưu-Huyền Bính	Phụ-Nhâm Khai- Địa Canh

40.LỤC MẬU LÀ THẦN THIÊN VŨ: Mậu gia thời, thì phương Mậu tới những phường hung ác không dám ho he.

Mậu là Thiên môn, thần thiên vũ, xuất hành muôn dặm trăm việc đều tốt. Là Thiên môn cho nên các loại hung ác không dám vây theo, phương này ra quân lợi Khách thì đại thắng, phạm sự chỉ có mừng, không có lo.

VD: ngày Giáp Kỷ, giờ Mậu Thìn, Lập xuân, trung nguyên dương độ 5 cục.

Giờ này, Trục phù Giáp Tý Mậu sao Thiên cầm bay đến can giờ mậu địa bàn 5 cung gửi ở khôn. Phương này xuất binh tiến đánh thì rất tốt.

VD: ngày ất canh, giờ Mậu Dần, Hạ chí, trung nguyên âm độ 3 cục.

Trục phù Giáp Tuất kỷ sao Thiên nhuê bay đến can giờ Mậu địa bàn tại cung chấn 3.

Giờ này tại cung càn 6 có Thiên thượng can Mậu bay đến. Tại cung càn giờ này hành binh từ phương này đi rất tốt.

41.LỤC KỶ: thâm doanh hãn được của.

Kỷ là địa hộ, ra vào một mình không ai thấy được, chỉ nên là những việc bí mật, nếu không biết mà dùng lục Kỷ để làm các việc rõ rệt ắt gặp chuyện không may. Những việc thâm doanh tiến hành từ phương này đi thì rất tốt.

VD: ngày Giáp Tý, giờ Kỷ Tỵ, Xuân phân, thượng nguyên dương độ 3 cục.

Giờ này Trục phù giáp Tý mậu bay trên can giờ Kỷ ở Tốn.

Thiên thượng Lục Kỷ bay đến cung Ly 9. Phạm cướp doanh thì nên tiến hành đi từ phương này là tốt, có thể được của.

Phụ- Ất Cảnh- Địa Ất	Anh-Nhâm Tử-Thiên Nhâm	Cầm-Mậu Kinh-Phù Đinh-mậu
Xung-Bính Đỗ-Huyền Bính	Mậu	Trụ-Canh Khai-Xà Canh
Nhâm-Tân Thương-Bạch Tân	Bồng-Quý Sinh-Hợp Quý	Tâm-kỷ Hưu- Âm Kỷ

Nhuê-Kỷ Thương-Phù Ất	Trụ-Quý Đỗ-Thiên Tân	Tâm-Đinh Cảnh-Địa Kỷ
Anh-Tân Sinh-Xà Mậu	Bính	Bồng-Canh Tử-huyền Quý
Phụ-Ất Hưu-Âm Nhâm	Xung-Mậu Khai-Hợp Canh	Nhâm-Nhâm Kinh-Bạch Đinh

Mậu 3	Tân 6	Ất 2
Kỷ 4	Nhâm 7	Bính 1
Canh 5	Quý 8	Đinh 9

Xung-Mậu Cảnh-Phù Kỷ	Phụ-Kỷ Tử-Xà Đinh	Anh- Đinh Kinh- Âm Ất
Nhâm-Quý Đỗ-Thiên Mậu	Canh	Nhuê- Ất Khai-Hợp Nhâm
Bồng-Bính Thương- Địa Quý	Tâm-Tân Sinh-Huyền Bính	Trụ-Nhâm Hưu-Bạch Tân

42.LỤC CANH: cường xuất ất thua ghê:

Canh là Thiên **ngục**, phương này không nên hành động. Có câu rằng: “Nếu biết 6 Canh, tránh tên, gỗ, gạch. Không biết sáu Canh, có ngầy vào ngục hoặc bị người lẳng nhục”. Giờ này dùng binh thì Chủ thắng, lợi Chủ mà không lợi Khách. Chỉ nên dồn binh cố thủ, ra chợ mua bán thì gặp thịt chết, không có lợi. Nếu mình cường xuất thì tất gặp hình phạt hoặc là tai họa.

VD: Ngày Ất Canh, giờ Canh Thìn, Đông chí Thượng nguyên dương độn 1 cục.

Giờ này Trục phù Giáp Tuất Kỷ-Sao Thiên nhuế bay trên Can giờ Canh ở Chấn 3 cung, gọi là Thiên Ất phi cung cách. Thiên thượng Sáu Canh bay trên Càn. Giờ này phương này không nên lộ diện e rằng bị lẳng nhục, tổn hại vậy.

Mậu 1	Tân 4	Ất 9
Kỷ 2	Nhâm 5	Bính 8
Canh 3	Quý 6	Đinh 7

Trụ- Đinh Khai-Xà Tân	Tâm-Quý Hưu- Âm Ất	Bồng-Mậu Sinh-Hợp Kỷ
Nhuế-Kỷ Kinh-Phù Canh	Nhâm	Nhâm-Bính Thương-Bạch Đinh
Anh- Ất Tứ-Thiên Bính	Phụ-Tân Cảnh- Địa Mậu	Xung-Canh Đỗ-Huyền Quý

43.LỤC TÂN:hành quân đi gặp nhiều trắc trở:

Tân là Thiên đình-La võng, giờ này hành quân ra vào đều hung, xuất hành gặp người chết, nếu mình cưỡng mà ra đi tất bị tội phạt đến thân mình. Hành quân lợi Chủ, không lợi Khách.

VD: Ngày Đinh Nhâm, giờ Tân Sửu, Hạ chí thượng nguyên âm độn 9 cục.

Giờ này Trục phù Giáp Ngọ Tân- sao Thiên Tâm bay đến địa hạ can giờ Tân ở Càn 6 cung. Gọi là trục phù Phục ngâm. Phương này không nên xuất binh, sợ hại tướng tổn binh.

Mậu 9	Tân 6	Ất 1
Kỷ 8	Nhâm 5	Bính 2
Canh 7	Quý 4	Đinh 3

Phụ-Quý Sinh-Bạch	Ương-Mậu Thương- Hợp Mậu	Nhuế-Bính Đỗ-Âm
Quý		Bính
Xung- Đinh Hưu-Huyền Đinh	Nhâm	Trụ-Canh Cảnh-Xà Canh
Nhâm-Kỷ Khai- Địa Kỷ	Bồng- Ất Kinh-Thiên Ất	Tâm-Tân Tứ-Phù Tân

44.LỤC NHÂM: xuất trận, trận võ khó không chế:

Sáu nhâm là Thiên lao. Giờ này xuất nhập đều hung. Cố cưỡng mà ra đi ắt là bị bắt vào lao ngục, không nên xuất quân ở phương này. Dùng binh lợi Chủ, lợi về tiềm phục, che đậy. Nếu cưỡng lại ắt bại.

VD: Giờ Nhâm thân. Xuân phân thượng nguyên dương độn 3 cục.

Giờ này Trục phù Giáp Tý mậu – sao Thiên xung bay trên địa hạ can giờ Nhâm ở Đoài 7 cung, gọi là Trục phù Phán ngâm. Trục phù Giáp Tý mậu trên đoài (dậu) còn bị cách phá (Tý phá Dậu).

Giờ này Thiên thượng lục Nhâm bay trên Chấn 3 cung gặp địa hạ lục Mậu.

Tâm-Tân Hưu- Huyền Kỷ	Bồng-Bính Sinh-Địa Đinh	Nhâm-Quý Thương- Thiên Ất
Trụ-Nhâm Khai-Bạch Mậu	Canh	Xung-Mậu Đỗ-Phù Nhâm
Nhuế- Ất Kinh-Hợp Quý	Ương- Đinh Tứ-Âm Bính	Phụ-Kỷ Cảnh-Xà Tân

Phương này xấu lắm, e không làm được việc gì và còn gặp Tý Mão tương hình.

45.SÁU QUÝ BỐN MẶT TRỜI GIĂNG: trốn cũng không lợi mà đánh cũng không lợi.

Sáu Quý là Thiên tàng, là Thiên vồng. Quý thần lâm vào cung 1-2-3-4 là lưới trời còn thấp, còn có thể trốn tránh được, người ta không trông thấy. Nếu lâm vào cung 5-6-7-8-9 là lưới trời đã giăng cao, muôn vật bị hại. Nếu cưỡng mà xuất quân ắt hẳn là đổ máu. Trốn cũng không lợi mà đánh cũng không lợi.

VD: Ngày Giáp Tý, giờ Quý Dậu. Đông chí thượng nguyên dương độn 1 cục.

Lúc này Trục phù Giáp Tý Mậu – sao Thiên bồng bay trên địa hạ can giờ Quý ở Càn 6 cung.

Thiên thượng Lục Quý bay đến Đoàn 7 cung là thần cao 7 thước, lưới trời giăng 4 mặt, muôn vật tổn hại. Phương này không nên hành quân. Cho nên có câu rằng: “bất tri sáu Quý, xuất môn tất tử” rất xấu, không nên ra vào.

Ương-Ất Đỗ-Bạch Tân	Nhuế-Kỷ C ánh-Huyền Ất	Trụ-Đinh T ử-Địa Kỷ
Phụ-Tân Thương-Hợp Canh	Nhâm	Tâm-Quý Kinh-Thiên Đinh
Xung-Canh Sinh-Âm Bính	Nhâm-Bính H ưu-Xà Mậu	Bồng-Mậu Khai-Phù Quý

46.TÁM CỬA BÁCH ÉP: cát hung ra sao?

Môn bách:

Khai, kinh môn: lâm cung Chấn Tốn.

Hưu môn: lâm Ly.

Sinh, Tử môn: lâm Khảm.

Thương, Đỗ: lâm Khôn Cấn.

Môn ép:

Khai, kinh môn: lâm cung Ly.

Hưu môn: lâm Khôn Cấn.

Sinh, Tử môn: lâm Chấn, Tốn.

Thương, Đỗ: lâm Kiền Đoài.

VD: Ngày Giáp Dần, giờ Nhâm Thân, Lập hạ trung nguyên dương độn 1 cục.

Giờ này Trục phù Giáp Tí Mậu-Sao Thiên Bồng bay trên địa hạ can giờ Nhâm ở Khôn 2cung.

Giờ Nhâm Thân cửa Hưu gia Ly 9 cung. Hưu thủy khắc Ly Hỏa là Môn khắc Cung.

47.LONG PHẢN THỦ TRĂM ĐIỀU KHOÁI LẠC: Thoái binh thì thuận, tiến binh thì nghịch.

Mậu 1	Tân 4	Ất 9
Kỷ 2	Nhâm 5	Bính 8
Canh 3	Quý 6	Đinh 7

Trụ-Đinh Khai-Địa Tân	Tâm-Quý Hưu-Thiên Ất	Bồng-Mậu Sinh-Phù Kỷ-nhâm
Nhuế-Kỷ Kinh-Huyền Canh	Nhâm	Nhâm-Bính Thương-Xà Đinh
Anh-Ất Tử-Bạch Bính	Phụ-Tân Cánh-Hợp Mậu	Xung-Canh Đỗ-Âm Quý

Thiên thượng sáu giáp gia địa hạ sáu Bính gọi là Long phản thủ. Giờ này xuất binh hành quân lợi ở Khách, đem quân muôn dặm, ra vào khoái lạc. Theo Sinh môn rag Tử môn thì một người địch với vạn người.

Quân mình lấy Canh là Phù thì được. Bính Đinh thì không thể cho quân đi.

VD: ngày Giáp Tý, giờ Bính Dần, lập hạ trung nguyên dương độn 1 cục.

Giờ này. Trục phù Giáp Tý Mậu bay trên địa hạ can giờ Bính ở Cấn 8 cung là cách “Long phản thủ”. Sinh môn ở Tốn đánh sang Tử môn ở Kiền. Xuất hành đại lợi.

48. ĐIỀU DIỆT HUYỆT MỌI SỰ HẠNH THÔNG:

Thiên thượng Lục Bính gia lâm Địa hạ Lục Giáp Phù đầu gọi là “Phi điều diệt huyệt”. Giờ này tiến binh gọi là Vân long tụ hội, cử động trăm việc hanh thông đều tốt. Theo Sinh môn đánh sang Tử môn tất đại thắng.

VD: Ngày Giáp Dần giờ Tân Mùi, Đại hàn Trung nguyên Dương độn 9 cục.

Đem Thiên thượng Lục Mậu Giáp Tý Trục phù Thiên Anh gia lên Địa hạ Lục Tân thời Can ở Chấn. Thấy Lục Bính gia lên Lục Mậu ở cung Ly, gọi là “Phi điều diệt huyệt”. Sinh môn ở Tốn Đông Nam, Tử môn ở Kiền Tây Bắc, theo Sinh môn đánh sang Tử môn đại thắng. Giờ này muôn việc động dụng đều tốt, đem quân đi xa đại lợi.

49. XÀ YÊU KIỀU, TƯỚC ĐẦU GIANG CÓ GẶP KỲ MÔN CŨNG KHÔNG CÁT:

Lục Quý gia lên Lục Đinh gọi là “Đằng xà yêu kiều”. Lục Đinh gia lên Lục Quý gọi là “Tước đầu giang”. Thủy Hỏa tương khắc cho nên trăm việc không lợi, lại chủ về binh nghi bất an.

VD: Ngày Bính Tân giờ Mậu Tý, Đông chí, Hạ nguyên Dương độn 4 cục.

Đem Lục Canh Giáp Thân Thiên tâm Trục phù gia lên Lục Mậu thời can ở Tốn (Trục phù phản ngâm). Thấy Lục Quý ở Ly gia lên Lục Đinh ở Khảm, gọi là “Đằng xà yêu kiều”. Giờ này rất xấu tuy có Bính kỳ, Hưu môn ở Cấn cũng bị kinh hại. Lại thấy Lục Đinh ở Khảm gia lên Lục Quý ở Ly, gọi

Mậu 1	Tân 4	Ất 9
Kỷ 2	Nhâm 5	Bính 8
Canh 3	Quý 6	Đinh 7

Xung-Canh Sinh-Âm Tân	Phụ-Tân Thương-Hợp Ất	Ương-Ất Đỗ-Bạch Kỷ
Nhâm-Bính Hưu-Xà	Nhâm	Nhuế-kỷ Cảnh-Huyền Đinh
Canh		
Bồng-Mậu Khai-Phù Bính	Tâm-Quý Kinh-Thiên Mậu	Trụ-Đinh Tử-Địa Quý

Nhuế-Canh Sinh-Xà Nhâm	Trụ-Bính Thương-Âm Mậu	Tâm-Đinh Đỗ-Hợp Canh
Anh-Mậu Hưu-Phù Tân	Quý	Bồng-Kỷ Cảnh-Bạch Bính
Phụ-Nhâm Khai-Thiên Ất	Xung-Tân Kinh-Địa Kỷ	Nhâm-Ất Tử-Huyền Đinh

Mậu	4	Tân	7	Ất	3
Kỷ	5	Nhâm	8	Bính	2
Canh	6	Quý	9	Đinh	1

Tâm-Canh Thương-Phù Mậu	Bồng-Đinh Đỗ-Xà Quý	Nhâm-Nhâm Cảnh-Âm Bính
Trụ-Tân Sinh-Thiên Ất	Kỷ	Xung-Ất Tử-Hợp Tân
Nhuế-Bính Hưu-Địa Nhâm	Anh-Quý Khai-huyền Đinh	Phụ-Mậu Kinh-Bạch Canh

là “Tước đầu giang”, vì Đinh Hòa là Chu tước, Quý thủy là giang, Đinh gia Quý là Hỏa vào Thủy, thụ khắc, giờ này ở nhà phòng việc kinh nghi quái mộng, dụng binh phòng gian kẻ, trăm việc đại hung.

VD: Ngày Giáp Kỷ, giờ Nhâm Thân, Hạ chí, Trung nguyên Âm độ 3 cục.

Đem Lục Mậu Thiên xung Trục phù gia lên Địa hạ Lục Nhâm thời can ở Cấn. Thấy Lục Đinh ở Kiền gia lên Lục Quý ở Đoài nên gọi là Chu tước đầu giang, chủ về khẩu thiệt, quân sự rất xấu. Tuy có Sinh môn Ất kỳ ở Cấn cũng không dùng được.

50.HỔ XƯƠNG CUỒNG, LONG ĐÀO TẮU: NÓI VỀ BINH SỰ RẤT HUNG.

Tân Kim là Bạch hổ, Ất mộc là Thanh long. Lục Tân gia lên Lục Ất, Kim khắc Mộc gọi là “Bạch hổ xương cuồng”, giờ này không nên xuất binh, chủ khách đều hại, cử binh ra vào tất có sự kinh động. Lục Ất gia lên Lục Tân gọi là “Thanh long đào tẩu”, Ất gia Tân, Mộc vào Kim thụ khắc, không nên động binh, sợ có sự tan vỡ, mất mát, thua chạy.

Mậu	2	Tân	8	Ất	3
Kỷ	1	Nhâm	7	Bính	4
Canh	9	Quý	6	Đinh	5

Xung-Ất Kinh-Hợp Bính	Phụ-Bính Khai-Âm Canh	Anh-Canh Hưu-Xà Mậu
Nhậm-Tân Tứ-Hổ Ất	Đinh	Nhuế-Mậu Sinh-Ph ù Nhâm
Bồng-Kỷ Tân	Tâm-Quý Kỷ	Trụ-Nhâm Quý

VD: Ngày Giáp Kỷ, giờ Nhâm Thân, Tiểu thử Trung nguyên Âm độ 2 cục.

Đem Lục Mậu Trục phù ở Khôn gia lên Lục Nhâm thời can ở Đoài. Thấy Lục Tân gia Ất ở Chấn là cách “Bạch hổ xương cuồng”, tuy có Bính kỳ-Khai môn ở Ly cũng không dùng được..

VD: Ngày Bính Tân, giờ Kỷ Hợi, Lập Thu thượng nguyên Âm độ 2 cục.

Đem Lục Tân Trục phù ở Cấn gia lên Lục Kỷ thời can ở Khảm thấy Lục ất gia Lục Tân ở Cấn gọi là “Thanh long đào tẩu”, tuy có Bính kỳ-Sinh môn ở Chấn cũng không nên dụng binh.

51.CANH GIA NHẬT CAN LÀ PHỤC, HẠI NẪM BÊN CẠNH:

Lục Canh gia Nhật can gọi là “Phục can Canh”, giờ này ra vào không lợi, ra trận tướng bị bắt.

VD: Ngày Giáp Tý, giờ Nhâm Thân, Tiểu mãn, thượng nguyên Dương độ 5 cục.

Đem Lục Mậu Thiên Cầm Trục phù gia lên Lục Nhâm thời Can ở Ly, thấy Lục Canh ở Đoài gia lên Giáp Tý Nhật can ở ngũ cung ký Khôn gọi là “Phục Can Cách”, giờ này rất xấu, Chủ Khách chiến đấu đều bất lợi.

	Cầm-Mậu	Trụ-Canh
Ất	Nhâm	Đinh-Mậu
Bính	Mậu	Canh
Tân	Quý	Kỷ

52.NHẬT CAN GIA CANH LÀ PHI, HÌNH Ở BÊN TRONG:

Nhật can gia Canh gọi là “Phi Can Cách”, giờ này Chủ Khách tương hình không lợi xuất nhập, lại một nghĩa nói lợi Chủ không lợi Khách.

VD: Ngày Bính Thân, giờ Đinh Dậu, Tiểu mãn, thượng nguyên dương độn 5 cục.

Đem Lục Tân Giáp Ngọ Thiên Nhậm Trục phù ở Cấn gia lên Lục Đinh thời can ở khôn, gọi là “Trục phù phản ngâm”, thấy Lục Bính nhật can ở Chấn gia lên Lục Canh ở Đoài, thế gọi là “Phi can cách”.

Mậu	5	Tân	8	Ất	4
Kỷ	6	Nhâm	9	Bính	3
Canh	7	Quý	1	Đinh	2

Ất	Nhâm	Nhậm-Tân Đinh-Mậu
Bính	Mậu	Xung-Bính Canh
Tân	Quý	Kỷ

53.LỤC CANH VỚI TRỤC SỬ CÙNG ĐI TỒN HAO TỒN TRONG KHI GIAO CHIẾN:

Lục Canh với Trục sử phi cùng đi ra chiến rất hung, hẳn là hao tổn sĩ tốt.

VD: Ngày Giáp Tý, giờ Kỷ Tỵ, Đông chí thượng nguyên dương độn 1 cục.

Đem Lục Mậu Giáp Tý Thiên bồng Trục phù ở Khảm gia lên Lục Kỷ thời can ở Khôn. Thấy Lục Canh ở Chấn gia Kiền. Thế mà Hưu môn Trục sử ở Khảm, tính đến giờ Kỷ Tỵ gia vào cung Kiền. Như vậy là Lục Canh và Hưu môn đều ở Kiền, giờ này rất hung, ra chiến phòng hao tổn sĩ tốt.

Mậu	1	Tân	4	Ất	9
Kỷ	2	Nhâm	5	Bính	8
Canh	3	Quý	6	Đinh	7

Tân	Ất	Bồng-Mậu Phù Kỷ
Canh	Nhâm	Nhậm-Bính Đinh
Bính	Mậu	Xung-Canh Hưu Quý

54.TRỤC SỬ ĐẾN LỤC CANH CÙNG CHỖ: SỢ TỒN TƯỚNG LÚC GIAO TRANH:

Trục sử phi đến chỗ Lục can Canh (Địa bàn), ra trận sợ tồn tướng.

VD: Ngày Giáp Tý, giờ Bính Dần, Đông chí, thượng nguyên dương độn 1 cục.

Thấy Trục sử Hưu môn ở Khảm phi đến Chấn gặp Canh. Như vậy là Trục sử và can Canh cùng chỗ.

55.PHỤC CUNG LÀ CANH GIA TRỤC PHÙ, HUNG LẮM LẮM:

Thiên thượng Lục Canh gia địa hạ Trục phù gọi là “Thiên át Phục cung cách”, là Thái bạch, giờ này tinh khí suy, Chủ Khách đều bất lợi. kinh rằng: Canh gia Trục phù phục cung cách thêm hung”, giao phong bất lợi, Chủ Khách đều không thành công.

Mậu	1	Tân	4	Ất	9
Kỷ	2	Nhâm	5	Bính	8
Canh	3	Quý	6	Đinh	7

Tân	Ất	Kỷ
Hưu Canh	Nhâm	Đinh
Bồng-Mậu Bính	Mậu	Quý

VD: Ngày Giáp Kỷ, giờ Nhâm Thân, Lập Xuân Dương độn 2 cục.

Đem Lục Mậu Thiên nhuê Trục phù ở Khôn gia lên địa hạ Lục Nhâm thời can ở Kiền. Thấy Lục Canh ở Tốn gia lên địa bàn Trục phù ở Khôn gọi là “Thiên át phục cung cách”, dụng binh bất lợi, chỉ nên nghinh địch. Kinh rằng: “Lục Canh gia Trục sử chủ bất lợi, phục cung chỉ cách sự tương hung việc....Thiên Ất Thái bạch cách chủ tướng đương thời định thất đồ.

Canh	Bính	Phụ-Canh Mậu
Kỷ	Tân	Quý
Tâm-Nhâm Đinh	Trụ-Quý Ất	Nhuê-Mậu Nhâm

56. PHI LÀ TRỤC PHÙ GIA CANH: HỌA TRÙNG TRÙNG:

Thiên thượng trục phù gia địa hạ Lục Canh gọi là “Thiên át phi cung cách”. Chủ Khách đều bất lợi, nên cố thủ, ra trận thì tướng bị bắt.

VD: Ngày Giáp Tý, giờ Canh ngọ, Xuân phân, Trung nguyên dương độn 9 cục.

Đem Lục Mậu Giáp Tý Thiên anh Trục phù gia lên địa hạ Lục Canh thời can ở khôn gọi là Thiên át phi cung cách, rất hung. Kinh rằng: “Trục phù gia Canh cung, bất lợi phi cung cách, mắc mưu mô, Hưu đặng Thiên át Thái bạch cách, nhược hưu trận binh tướng tốt tồ.

Nhâm	Mậu	Anh-Mậu Canh
Tân	Quý	Bính
Ất	Kỷ	Đinh

57. CANH GIA KỶ LÀ HÌNH CÁCH, NGHĨA: ĐÂM QUÂN, ĐI NGỰA NGÃ.

Thiên Lục Canh gia Lục Địa Kỷ gọi là Thiên Địa hình cách. Giờ này ngàn dặm mang quân thì xa bại mã vong, sĩ tốt trốn tránh, chủ chiếu họa, nửa đường bỏ dở. Kinh rằng: “Lục Canh gia Lục Kỷ xích địa thu thiên lý, xuất binh sĩ tốt vong, viễn hành xa mã trụ, chủ tướng thương trung đạo, sĩ tốt bàn đô chỉ”.

Nhuê-Canh Kỷ	Đinh	Ất-Canh
Mậu	Canh	Nhâm
Quý	Xung-Mậu Bính	Tân

VD: ngày Giáp Kỷ, giờ Bính Dần, Đại hàn thượng nguyên Dương độn 3 cục.

Đem Lục Mậu Thiên xung Trục phù ở Chấn gia lên địa hạ Lục Bính thời can ở Khảm, thấy Lục Canh ở ngũ trung ký Khôn lâm vào Lục Kỷ ở Tốn gọi là “Thiên địa hình cách”, giờ này không nên hành quân trăm việc đều bất lợi.

58. CANH TRÊN QUÝ LÀ ĐẠI CÁCH: NỬA ĐƯỜNG QUÂN CHẾT, XE ĐỔ.

Thiên thượng Lục Canh gia Địa hạ Lục Quý là Thiên Địa đại cách. Giờ này mang quân đi, xe ngựa bại vong, dụng sự đều hung. Kinh rằng: “Thái Bạch Canh Gia Quý, đồ mưu vi khả thống, cầu nhân chúng bất kiến, đoán tọa tức hoàn cung”. Giờ này đến tìm người không thấy, tự nhiên ở nhà thấy người về.

VD: Ngày Giáp Kỷ, giờ Bính Dần, Thu phân, hạ nguyên âm độn 4 cục.

Lấy Thiên thượng Lục Mậu giáp Tý Thiên phụ Trục phù gia lên Địa hạ Lục Bính thời can ở Càn. Trục phù Thiên phụ gia Kiền gọi là trục phù Phản ngâm. Thấy Canh gia Quý ở Cấn là Thiên

Mậu	Nhâm	Canh
Kỷ	Ất	Đinh
Nhuê-Canh Quý	Tân	Phụ-Mậu Bính

địa hình cách. Giờ này không nên dụng binh, trăm việc đều hung.

59.CANH GIA NHÂM LÀ TIỂU CÁCH: GIỜ NÀY HUNG, BINH CHẴNG DÁM DỪNG.

Thiên bàn Canh gia Địa bàn Nhâm gọi là Thiên địa Tiểu cách. Giờ này xấu không nên dùng.

VD: Ngày Giáp Kỷ, giờ Tân Mùi, Đông chí, Thượng nguyên, dương độn 1 cục.

Lấy Thiên thượng Lục Mậu giáp Tý Thiên bồng Trục phù gia lên Địa hạ Lục Tân thời Can ở Tốn. Thấy Canh ở Chấn bay đến trên Nhâm ở ngũ trung ký ở cung Khôn gọi là Thiên Địa Tiểu cách.

Bồng-Mậu Tân	Ất	Xung-Canh Kỷ-Nhâm
Canh	Nhâm	Đinh
Bính	Mậu	Quý

60.CANH GIA ẤT: ĐÁNH TRƯỚC THÌ THẮNG.

Thiên bàn Canh gia Địa bàn Ất hay gia lên Thiên xung, Thiên Phụ hay Cửa Thương, Đổ đều là trên khắc dưới, đánh trước là thắng, dù còn một ngựa, một đao cũng thắng. Tại sao vậy: vì Thiên bàn là Khách, là động trước, Địa bàn là Chủ (động sau).

VD: Ngày Giáp Kỷ, giờ Canh Ngọ, Đông chí, thượng nguyên, dương độn 1 cục.

Đem Phù đầu giáp Tý Mậu sao Thiên bồng gia lên Địa hạ Lục Canh thời can ở Chấn. Thấy rằng Thiên thượng Lục Canh bay đến cung Ly gia lên Ất. Canh gia Ất thì lợi về đánh trước. Nghĩa là thượng khắc hạ.

Tân	Xung-Canh Ất	Kỷ-Nhâm
Bồng-Mậu Canh	Nhâm	Đinh
Bính	Mậu	Quý

61.CANH GIA BÍNH ĐINH: ĐÁNH TRƯỚC THÌ THUA.

Thiên bàn Canh gia địa bàn Bính Đinh, cũng là Ly, Canh môn đều là dưới khắc trên. nếu đánh trước thì thua, dù có thiên binh vạn mã cũng không về được.

VD: Ngày Giáp Tý, giờ Ất Sửu, hạ chí, thượng nguyên, Âm độn 9 cục.

Đem trục phù Giáp Tý Mậu Thiên Anh Trục phù gia lên Địa hạ Lục Ất thời can ở Khảm. Thấy Thiên thượng Lục Canh gia lên địa hạ Lục Đinh ở Chấn, là Canh gia Đinh, Đinh khắc Canh, dưới khắc trên. Giờ này không nên đánh trước, đánh trước sẽ thua, lợi Chủ và không lợi Khách.

Quý	Mậu	Bính
Trụ-Canh Đinh	Nhâm	Canh
Kỷ	Anh-Mậu Ất	Tân

62.BÍNH GIA CANH, GIẶC ĐÃ LUI TRƯỚC:

Thiên bàn Bính gia địa bàn Canh gọi là Huỳnh nhập Bạch. Giờ này mang quân đi đánh giặc thì giặc đã trốn xa. Kinh rằng: “Nhật tinh tự tương nhập, Hung tinh tương hoành, Quý đắc kỳ môn (dầu được kỳ môn), việc thân việc hanh (cũng chớ vội vàng), cất quân trước thì tốt, sau thì hung”.

VD: Ngày Giáp Tý, giờ Bính Dần, Hạ chí, thượng nguyên, Âm độn 9 cục.

Trục phù Giáp Tý Mậu sao thiên Nhuế gia lên Địa hạ Lục Bính thời can ở Khôn. Thấy thiên thượng Bính kỳ bay trên Canh ở Đoài là Cách

Âm - Đinh Quý	Xà - Quý Mậu	Phù - Mậu Bính
Hợp - Kỷ Đinh	Nhâm	Thiên - Bính Canh
Hổ - Ất Kỷ	Vũ - Tân Ất	Địa - Canh Tân

Huỳnh nhập Bạch. Giờ này xem giặc, giặc đã bị rút lui.

63.CANH GIA BÍNH GIẶC SẮP TỚI NƠI:

Thiên thượng Lục Canh gia Địa hạ lục Bính, gọi là “Bạch nhập Huỳnh”, giờ này giặc tất đến, nên phòng. Kinh nói: “hung tinh tương nhập hung tinh đồ, mặc ý kỳ môn cường chiến tranh”, Chủ Khách bại động sau tốt.

VD: Ngày Ất Canh, giờ Mậu Dần, hạ chí Trung nguyên Âm độn Tam cục, đem Lục kỷ Trục phù ở Khôn gia Lục Mậu thời can ở Chấn. Thấy Lục Canh ở Khảm gia Lục Bính ở ngũ trung ký ở Khôn gọi là Bạch nhập huỳnh. Chủ khách đều bất lợi. Nếu cậ có Kỳ môn ở Khảm mà xuất quân thì thua.

Thiên - Quý Ất	Địa - Đinh Tân	Vũ - Canh Kỷ - Bính
Phù - Kỷ Mậu	Bính	Hổ - Nhâm Quý
Xà - Tân Nhâm	Âm - Ất Canh	Hợp - Mậu Đinh

64.BỐ MẸ ANH EM XÉT CANH GIA Ở CAN TUẾ, NGUYỆT:

Tuế Can, nguyệt can gặp Lục Canh gia vào tất có sự không yên, xem gia trạch thì Can Năm là cha mẹ, Can tháng là anh em. Binh sự thì can Năm là Thiên tử, can tháng là tướng soái, Nếu gặp Canh gia: trong nhà thì người trong nhà không yên, xem trong quân thì sĩ tốt tổn thương. Về chiến lợi chủ không lợi khách, cất quân đánh trước thì thua.

VD: Năm Tân Sửu, ngày Giáp Tý, giờ Quý Dậu, Lập xuân, Trung nguyên Dương độn 5 cục.

Đem Lục Mậu Trục phù Thiên cầm gia lên Địa hạ Lục Quý thời can ở Khâm. Thấy Lục Canh ở Đoài gia Lục Tân Tuế Can ở Cấn gọi là Tuế cách, lại có Đằng xà lâm vào phòng bố mẹ có sự lo nghĩ, hoảng hốt không yên.

Hợp - Quý Ất	Hổ - Tân Nhâm	Vũ - Bính Đinh - Mậu
Âm - Kỷ Bính	Mậu	Địa - Ất Canh
Xà - Canh Tân	Phù - Mậu Quý	Thiên-Nhâm Kỷ

VD: Năm Quý Hợi, tháng Ất Mão, Ngày Giáp Tý, giờ Canh Ngọ, Kinh chập Thượng nguyên Dương độn 1 cục.

Đem Lục Mậu Trục phù Thiên bồng gia lên Địa hạ Lục Canh thời can ở Chấn. Thấy Canh gia Lục ất Nguyệt can ở Ly, gọi là “Nguyệt cách”. Lại gặp Kinh môn lâm vào nên phòng anh em có lo ngại. Xét ở Dương cung thì đàn ông con trai; mà ở Âm cung thì đàn bà con gái có lo ngại.

Xà - Bính Tân	Âm - Canh KINH Ất	Hợp - Tân Kỷ - Nhâm
Phù - Mậu Canh	Nhâm	Hổ - Ất HUÛU - Đinh
Thiên - Quý Bính	Địa - Đinh Mậu	Vũ - Kỷ Quý

65.VỢ CON BẢN MỆNH XÉT CANH GIA Ở CAN NGÀY, CAN GIỜ:

Can Ngày, Can giờ gặp Canh gia lên tất có truyện, giờ này không nên động chúng, xem ở trong nhà thì can Ngày là mình, can giờ là vợ con. Trong quân thì can Ngày là tướng hiệu, can giờ là quân sĩ.

VD: Ngày Giáp Kỷ, giờ Bính Dần, Tiểu thử, Hạ nguyên, Âm độn 5 cục.

Hợp - Canh KINH - Kỷ	Âm -Kỷ KHAI - Quý	Xà - Quý Tân - Mậu
Hổ - Đinh TỬ - Canh	Mậu	Phù - Mậu Bính
Vũ - Nhâm Đinh	Địa - Ất Nhâm	Thiên - Bính Ất

Dem lục Mậu Thiên Cầm Trục phù ở Trung ngũ gia lên địa hạ Lục Bính thời can ở Đoài gọi là “Long phản thủ”. Thấy Lục Canh ở Chấn gia Lục Kỷ ở Tốn gọi là Nhật cách, lại gặp Kinh môn lâm phòng, mình có lo nghĩ.

VD: Ngày Bính Tân, giờ Kỷ sửu, Thu phân, hạ nguyên, âm độ 4 cục.

Dem lục canh trục phù thiên nhuế gia lên địa hạ lục kỷ thời can ở chấn, gọi là Thời cách, gặp hưu môn lâm tất vợ con có hy sự.

66.BÍNH GIA NHẬT CAN TÊN LÀ BỆT, LOẠN NGHỊCH LÚC NÀY ẤT CHẴNG SAI:

Lục Bính gia Nhật can gọi là Bệ, giờ này ất trong quân kỷ cương rối loạn. Kinh rằng: “Bính Đinh là Bệ hỏa tinh huỳnh bạch cách. Gia trạch tha an, nhiên thu nguyệt vân sầu khóc”.

VD: Ngày Ất Sửu, giờ Mậu Dần, Đông chí Thượng nguyên Dương độ 1 cục.

Dem Lục Kỷ Trục phù Thiên Nhuế gia Địa hạ Lục Mậu thời can ở Khảm. Giờ này Lục Bính ở Cấn gia Lục Ất Nhật can ở Ly gọi là “Nhật Nguyệt Bệ” chủ kỷ cương rối loạn, rất xấu.

Hợp-Xả-Mậu Tân	Hồ-Ất-Bính Đinh	Vũ-Canh Kỷ
Ấm-Quý Mậu	Nhâm	Địa-Cấn Canh
Canh-Cấn Đinh	Nhâm	Đinh-Quý Mậu
Xả-Hưu Đinh	Phù-Kỷ Thiên	Thiên-Ất Đinh
Nhâm Quý	Mậu-Mậu Tân	Quý-Vũ Kỷ
		Bính

VD: Ngày Đinh Tỵ, giờ Đinh Mùi, Đông chí Trung nguyên Dương độ 7 cục.

Dem Lục Nhâm Thiên Nhuế trục phù gia lên Địa hạ Lục Đinh thời can ở Tốn. Thấy Lục Bính ở ngũ trung gửi ở Khôn 2, nay Bính gia lên Đinh ở Tốn 4, Đinh là can ngày nên gọi là “Thái bệ, nhật bệ”, rất xấu.

Phù-Nhâm - Bính Đinh	Xả-Mậu Canh	Ấm-Ất Nhâm – Bính
Thiên - Canh Quý	Bính	Hợp – Tân Mậu
Địa - Đinh Kỷ	Vũ - Quý Tân	Hồ - Kỷ Ất

67.SAO TỐT MÀ GẶP HƯU TỬ, BA QUÂN CHỖ TIỀN:

Sao tốt là Thiên Phụ, Thiên Cầm, Thiên Tâm, Thiên Xung, Thiên Nhậm.. Trục sử gia lâm cung nào mà cửu tinh ở địa bàn cung ấy được vượng thì dung, nếu bị hưu tử tử phế thì không nên ra quân.

VD: Ngày Giáp Kỷ, giờ Đinh Mão, Đông chí, Thượng nguyên, Dương độ 1 cục.

Giờ Đinh Mão Trục sử Hưu môn gia lên cung Tốn, tại Tốn có sao Thiên Phụ là tinh ở Địa bàn, Thiên phụ gặp mùa Đông tháng Tý thủy, Nguyệt Tý sinh Thiên phụ là Tử khí không nên động binh.

Vũ-Kỷ	Địa-Đinh	Thiên- Quý Kỷ
Hưu - Tân	Ất	Phù-Mậu Đinh
Hồ-Ất Canh	Nhâm	Xả-Bính Quý
Hợp-Tân Bính	Ấm-Canh Mậu	

68.SAO TỐT MÀ VƯỢNG TƯỚNG: TRĂM TRẬN CÔNG THÀNH.

Sao tốt mà vượng tướng khí: hành quân vạn cử vẹn toàn.

VD: Ngày Giáp Tý, giờ Bính Dần, Kinh chapel, thượng nguyên, dương độ 1 cục.

Giờ Bính Dần thì Hưu môn Trục sử gia lên cung Chấn, là bản gia của sao Thiên xung địa bàn. Thiên xung gặp tháng Mão là vượng khí,

Thiên xung là sao cát gặp vượng khí thì rất tốt, giờ này cử binh vạn cử vạn thắng.

69. THIÊN BÔNG RẤT DỮ: CHỈ NÊN THỦ THÀNH VÀ YÊN DÂN.

(Sao Thiên Bông **Xuân - Đông** thì tốt, **Thu - Hạ** thì hung).

Thiên bông thủy là Đại hung tinh, chỉ nên giữ yên biên cảnh, giữ thành trì, vỗ yên binh sĩ, an phần mộ, xây lăng tẩm. Nếu xây dựng, gả cưới bị thương.

70. XUÂN ĐÔNG RA QUÂN TƯỚNG TÁ ĐẠI THẮNG:

Thiên Bông thủy tinh vượng ở tháng Dần Mão. Tướng ở tháng Hợi Tý.

Kinh rằng: Đại hung tinh vượng tướng khí hóa cát. Lại có câu: “Đại hung tinh vượng tướng biến ra trung bình.

71. HẠ THU RA TRẬN, SĨ TỐT TỬ HÌNH:

Thiên bông hưu ở tháng Tị Ngọ, Tử ở tháng Thân Dậu.

Kinh rằng: Bông Trụ đại hung tinh, tướng binh chiến đấu tất vô công.

72. THIÊN NHUẾ RA QUÂN THÌ THẤY KHỐN:

Sao nhuế thuộc Thổ là Đại hung tinh, thuần âm, chỉ nên tụ họp bè bạn, tu nhân tích đức. Nếu đem quân ra trận, sĩ tốt tử vong, Nguyệt kỳ theo nó có thể trừ nguy, tinh kỳ theo thì có thể giải sự công kích làm tan vũ lực

Thu vượng, 4 tháng Thìn Tuất Sửu Mùi thì tướng...

73. THIÊN TRỤ XUẤT TRẬN: QUÂN NGỰA TIÊU TAN.

Nhật kỳ gặp thì ẩn nấp không tìm ra, tinh kỳ gặp thì cát, nguyệt kỳ thì hung.

Sao Thiên Trụ là Tiểu hung tinh, chỉ nên diễn binh, cố thủ, ẩn tích tàng hình. Kinh rằng: “Thiên Trụ chi tinh, cương khí tại nội, bất khả dương binh, xuất tại xa mã toàn khuynh”. Nếu dẫn quân đi ra mà thấy có mây xanh thì có sự loạn trong quân. Xe gãy, ngựa gục quân sĩ chết. Vượng tướng ở tháng... có mây đỏ thì bị hại, mây xanh thì gián điệp hại, mây vàng thì có sự kinh hoàng.

74. THIÊN XUNG NGÀN DẠM RA QUÂN: TRĂM NGƯỜI ĐỊCH VẠN NGƯỜI.

Sao Thiên xung giá thú thì tốt, thượng quan thì bị hao tài, chức nhà binh: lợi người. Nếu gặp Tam kỳ và Hưu môn thì nên dùng vào việc quân. Gặp Nhật và tinh kỳ thì cát, gặp Nguyệt kỳ thì thường. Việc binh được hanh thông.

Thiên xung gặp mùa Xuân Hạ thì vượng tướng. Thu Đông thì không công.

75. THIÊN NHẬM BÓN MÙA GIÚP SỨC, BẮT GIẶC VỀ ĐÌNH.

Thiên nhậm Thổ là Đại cát tinh: Vượng ở tháng Thân Dậu, tướng ở bốn tháng Thìn Tuất Sửu Mùi.

Sao Thiên nhậm thì nên xin yết kiến quý nhân. Hành quân giá thú, tu tạo thì bất lợi. Trao đổi tiền tài hàng hóa, dựng vợ gả chồng mà được kỳ thì cũng tốt. Đem quân đi ngàn dặm, muôn sự đều tốt. Các thần thánh giúp đỡ, giặc tự quy hàng, gánh trời là tướng 4 mùa. trời đất phù trì, giặc chấp tay.

Âm-Canh Tân	Hợp-Tân Ất	Hỗ-Ất Kỷ
Xà-Bính Hưu-Canh	Nhâm	Vũ-Kỷ Đinh
Phù-Mậu Bính	Thiên-Quý Mậu	Địa-Đinh Quý

76. THIÊN PHỤ NÊN LUYỆN BINH TẬP TRẬN:

Thiên Phụ mộc tinh, nên ủy lại tướng sĩ, tập trận, đem quân nghìn dặm muôn sự đều tốt. Kinh rằng: “Thiên phụ Tôn một thần kỳ tinh, lệnh thần ủy lạo tập kỳ binh”.

77. THIÊN ANH CHỖ ĐỘNG CHÚNG GIAO BINH:

Thiên Anh hỏa tinh, nên xuất nhập viễn hành, giá thú. Không nên xuất binh. Kinh rằng: “Thiên anh chỉ thị thành vượng dinh, bất khả dương, quy đa ngoài....., lại nói: “Thiên anh Ly hỏa....., là vông bỗ....., duy nghi công tra triều minh chu, nhược hoặc dương binh bị chấp câu”.

78. THIÊN CẦN RA TRẬN BỐN MÙA, ĐỊCH QUÂN QUI PHỤC:

Thiên Cần Thổ tinh, nên tế tự kỳ phúc, tiêu diệt quân hung, thưởng công công tước, trăm sự đều tốt, hành quân bốn mùa đều tốt, có thần giúp không đánh mà được, địch nhân quy phục.

79. THIÊN TÂM ĐEM QUÂN ĐI NGÀN DẶM, THU ĐÔNG CÔNG THÀNH, nên thư phù, hợp ước.

Thiên Tâm là Tiểu cát tinh, được kỳ thi đại cát. Vượng ở tháng Hợi Tý, Tướng ở tháng Thân Dậu.

Ra quân Thu Đông thì thắng lớn, bờ cõi ngàn dặm đất thu về. Gặp Xuân Hạ thì hung.

80. KHAI MÔN CHINH THẢO VẠN SỰ HẠNH THÔNG:

Cửa Khai là cát môn. Thu Đông Vượng nên đi xa chinh phạt.

Cửa Khai là thời vận đại thông, trăm công ngàn việc đón rước, giao dịch ăn uống, yết quý nhân, mưu vọng giá thú đi đồ tốt vô cùng. Ra quân các phương oai võ. Thương mại, xây dựng dinh thự. Ra cửa đó thì gặp Quý nhân hay rượu chè. Muôn dặm đem quân bất giặc cùng.

81. HƯU MÔN TRI BINH LÀ RẤT TỐT:

Hưu môn thuộc Thủy là cát môn, tập nghiệp tri binh,.....trăm sự đều tốt. Kinh rằng: “nhất dục hưu môn vạn sự hanh, sở nguyện cầu chi khả xứng tinh, tam kỳ môn ngoại dân binh khí, vạn thắng....toàn công tất thành”.

82. SINH MÔN RA TRẬN ĐỂ AI TRANH:

Sinh môn thuộc Thổ là cát môn, nên yết kiến và doanh tạo, chinh thảo theo Sinh môn ra đại thắng. kinh rằng: “Sinh môn thì Sinh Sinh chi dục, cầu tài tu tạo tổng toàn hân, Sinh môn chi thương chủ dương vũ, đại lợi hành sự bách chiêu van”.

83. THƯƠNG MÔN ĐI BẮT HAY SẴN BẮN, NÓI ĐẾN HÀNH BINH ƯU HOẠN SINH:

Thương môn thuộc mộc, nên săn bắn chài lưới, xuất hành gặp đạo tặc. Kinh rằng: “Thương môn động chúng viễn kinh uy, ngư lập phùng chi chúng sự trị, bách chiến dương binh lao phí lực, hành đa ưu hoạn tiến binh nguy”.

84. ĐỔ MÔN KIẾP THAI TÀNG HÌNH, ĐI HAY LẤN LỢI:

Đổ môn thuộc Mộc, nên ăn cắp phục dành hung nghịch, thâu doanh cướp trại thì đại lợi, nếu cử binh động chúng đi tất là mê lẫn đường. Kinh rằng: “Đổ môn tổn tắc khi âm phong, tốt tong kỳ hạ chỉ tây đông, thâu doanh ăn tích hành đại lợi, nhược cử binh hành mê muội hung”, chỉ nên đi ngầm mà không nên rõ rệt.

85. CẢNH MÔN DĂNG THƠ HIỂN KẾ, ĐỐT TRẬN PHÁ VÂY THÀNH:

Cảnh môn thuộc Hỏa, tiểu cát tinh, nên dâng thư hiến kế, đốt trận phá vây. Kinh rằng: “Cảnh môn hưu dung chính đương huy, thương chủ hiến kế lợi đa từ, lô trận phá thành câu lô khi, nghi tổng môn hạ phá binh vi”.

86.TỬ CHỦ VIẾNG THĂM, ĐI HAY GẶP BỆNH:

Tử môn thuộc Thổ nên làm những việc hình phạt, điều tang tống tử, xuất hành gặp bệnh, chỉ lợi việc hung, không lợi việc cát, hành binh rất hung.

87.KINH BẮT KẺ GIAN, ĐI CÓ SỢ KINH:

Kinh môn thuộc Kim, chỉ nên tìm bắt kẻ gian, đấu tranh.....đi kiến hạn có kinh khùng, xuất nhập không lợi.

88.TỪ ĐÌNH ĐÌNH XA ĐÁNH ĐỊCH QUÂN, TRĂM TRẬN TRĂM THẮNG:

Đình Đình là Quý thần trên trời, từ Đình Đình mà đánh ra phương xung thì thắng: “Pháp đem nguyệt tướng gia chính thời” thấy sao Thần hậu ở đâu thì sao Đình Đình ở đấy. Bạch gian là kẻ gian ở trên trời, Bạch gian gia ở vào tứ mệnh thân là Dần Thân Tị Hợi.

Ngày Dần Ngọ Tuất thì bạch gian ở Hợi, ngày Hợi Mão Mùi thì Bạch gian ở....

Ngày Thân Tý Thìn ở phương Tị, Ngày Tị Dậu Sửu ở phương Thân.

89.NGUYỆT TƯỚNG TRONG 12 THÁNG:

Tháng giêng	: Đẳng minh Hợi.	Tháng bảy	: Thái ất Tị
Tháng hai	: Hà khô Tuất.	Tháng tám	: Thiên cương Thìn.
Tháng ba	: Tòng khô Dậu.	Tháng chín	: Thái xung Mão.
Tháng tư	: Truyền tống Thân.	Tháng mười	: Công tào Dần.
Tháng năm	: Tiểu cát Mùi.	Tháng mười một	: Đại cát Sửu.
Tháng sáu	: Thắng quang Ngọ	Tháng mười hai	: Thiên hậu Tý.

VD: giờ Dần tháng giêng dụng sự, đem nguyệt tướng Đẳng minh Hợi gia lên Dần tính đi, thấy Thần hậu ở Mão thì là Đình Đình ở Mão vậy. Lại như tháng giêng giờ Tý dụng sự, đem nguyệt tướng Đẳng minh Hợi gia Tý tính thuận đi, thì thấy ở Thần hậu gia Sửu thế là Đình Đình ở Sửu.....Kinh Rằng: “Bội đình đình kích bạch gian là vậy”.

90.THEO NGUYỆT KIẾN, THEO PHƯƠNG SINH KHÍ, MỘT MÌNH ĐỊCH ĐƯỢC MUÔN BINH:

Nguyệt kiến nghĩa là tháng giêng kiến dần, tháng hai kiến Mão.....tính thuận đi đến tháng 12 kiến Sửu.

Sinh khí nghĩa là tháng giêng Sinh khí ở phương Tý, tháng 2 ở Sửu, tính thuận đi đến tháng 12 ở Hợi. Theo phương Nguyệt kiến Sinh khí ra....vào mà đánh phương đối xung thì đại thắng.

Ông tướng đem quân ở rừng núi ra đánh đại....., một Đội theo phương Nguyệt kiến ra, một đội theo phương Đình Đình ra, một đội theo phương Sinh khí ra mà đánh, thì một địch muôn người, trăm trận trăm thắng. kinh rằng: “Nhược chi hiểm đạo mưu toàn thắng, tam bộ phân binh đại phá uy”.

91.XEM DỤNG BINH CHỦ KHÁCH:

Động là Khách, Tĩnh là Chủ. Trong quẻ thì Thời can là tướng hiệu dụ binh, Trục sử là Chủ bạn binh. Thái Âm là chủ phục binh. Nguyệt Can là Khách tướng hiệu. Nhật can là khách bạn binh. Lục Canh là Khách dụ binh. Huyền vũ là khách phục binh. Hễ thấy Sinh Vượng là Mạnh, Hưu Tù là yếu.

PHÉP DỤNG BINH

VD: Mình là hội tướng mệnh, xem hành quân vào ngày Đinh Mùi, giờ Ất Tị, Đại hàn Dương độn hạ nguyên 6 cục.

Đem Giáp Thìn Lục Nhâm Trục phù ở Khâm gia lên Địa hạ Lục Ất thời can ở trung ngũ (ký khôn). Thấy Canh với Đẳng xà lâm Đoài cung gặp can Kỷ ở đó, như vậy là giặc muốn đem quân đánh chặn đường lương thực mà vây chặt quân ta, may được ở cung Trục sử có Giáp Mộc sinh Hợi tướng mệnh thiên bàn Đinh hỏa, tắt là quân ta nhất tâm chống lại, lúc này quân phục binh ở vị Thái âm mà đánh phá vậy.

VD: Mình là Hội tướng mệnh, xem hành quân vào ngày Giáp Tý, giờ Tân Mùi, Hạ chí Thượng nguyên Âm độn 9 cục.

Đem Giáp Tý Lục Mậu Trục phù gia lên Địa hạ Lục Tân thời can ở Kiền. Thấy Trục sử Canh môn đến Khôn cung thiên bàn gặp Cửu địa ở Cấn và Kỷ Địa bàn. Thế là giặc ở yếu địa cổ thành lũy đợi. Đi lấy chỗ lập trận mà đen quân chặn sau quân ta, chặn đường lương thực, may được cung Trục sử, Canh môn thiên bàn Đinh hỏa sinh Hợi tướng mệnh thiên bàn Mậu thổ có cái tượng ba quân tuân lệnh, lúc này ta đem quân nghênh địch, phục súng đạn ở phương Tây nam, có vị Thái âm ở đó thì tắt thắng lợi.

92.XEM CHỦ BINH:

Xét Địa bàn kỳ nghi với Thiên bàn kỳ nghi sinh hay khắc.

Lấy tướng mệnh làm chủ tướng binh, hãy thấy hạ thần sinh bản mệnh thượng thân thì ba quân đồng tâm. (Nếu khắc thượng thân thì không đồng tâm). Canh, Huyền vũ lâm vào mệnh vị hay là Trục sử môn lâm Bính tắt có giặc cướp trại, còn sự được thua xem thường hành kỳ nghi sinh hay khắc, khi dụng binh thiết kế, xem mệnh cung thiên bàn kỳ nghi, Thí dụ: được Ất kỳ thì chủ về việc nhân...

93.XEM KHÁCH BINH (XÉT THEO ĐỊA BÀN KỲ NGHI SINH KHẮC):

Lấy Lục thần làm Canh là địch. Thấy Nhật can, Nguyệt can thượng thân sinh Canh thượng thân là khách binh nhất...., nếu khắc Canh thượng thân thì không có viện binh. Canh gia Bính Đinh là đại hại. Còn xem sách tướng tinh, tinh dữ....đặng thế nào thì xem ở thiên bàn Canh sở lâm thượng hạ cửu tinh tam kỳ.

94.XEM CHỦ KHÁCH ĐƯỢC THUA: xét theo địa bàn kỳ nghi sinh khắc.

Chủ tướng binh cùng khách tướng binh, hai thượng thân sinh nhau ấy là họa. Nếu chủ khắc khách là chủ thắng, như khách khắc chủ là khách thắng. Chủ khách hành quân xem ở bài Phú hành quân tam kỳ. Xem chủ khách ở phương nào thì xem ở Thiên bàn lâm dưới kỳ nghi là gì? Như Giáp, Ất phương Đông, Bính Đinh phương Nam, lâm Mậu là ở bình nguyên, lâm Kỷ là ở phù sa, Bính là ngọn núi cao, Đinh là chỗ quái thạch, Ất là chỗ hoang vu, rậm rạp. Nhâm là ở sông ngòi. Quý là sinh lầy. Canh Tân là ở đường xá, miếu tù.

Hành quân lấy tướng mệnh là chủ, liệu địch cần xét ở Lục Thân, nếu Canh lâm mà là đại cách tốt là quân ra nửa đường thua tan. Cứ lấy Canh bản vị thượng thân làm bảng phân phương.

95.XEM ĐẦU QUÂN:

Lấy Thiên xung làm người võ sĩ, lấu Trục phù làm ông chủ soái. Thấy Trục phù cung sinh Thiên xung cung hoặc là cung Thiên xung sinh cung Trục phù thì một lần đi là được. Nếu hai cung khắc nhau là không được. Nếu Thiên xung lâm Trục phù thì đi đầu quân tắt

làm bộ trưởng ngay, sau hấn làm to, bị phục ngâm là về không, bị phản ngâm là dở đi dở lại không được.

96.XEM CÔNG THÀNH:

Lấy Lục Canh làm kẻ đánh, lấy Thiên Cầm là kẻ thủ, Lục Canh được vượng tướng, lại được Khai môn gia vào cung ngũ trung thì thành ấy tất đánh được. Lại xem địa bàn lâm cung nào, nếu được vượng tướng và cát môn thì thành tuy bị phá nhưng người chủ tướng thì không bắt được, không được vượng tướng thì người chủ tướng phải chết.

97.XEM THỦ THÀNH:

Lấy Thiên Cầm làm kẻ thủ, Thiên bồng, Lục Canh làm kẻ đánh. Cung Thiên cầm có Khai, Hưu Sinh, Cảnh môn hoặc có Lục Bính lại gặp vượng tướng thì chắc thành giữ được, nếu không được vượng tướng và cát môn, lại gặp Thiên bồng, Lục Canh gia vào cung trung thì hấn là thành không giữ được.

98.XEM ĐẠO TẠC:

Địch binh đi lại phải phân giới hạn. Từ tiết Đông chí trở đi lấy Khảm Cấn Chấn Tốn làm giới hạn bên trong, mà Khôn Ly Đoài Kiền làm bên ngoài.

Lục Canh bị lục cung khắc (Canh thiên bàn bị cung khắc) là giặc đóng trại không yên ôn, hấn là vì kinh sợ mà lui.

Lục Canh mà khắc Lục cung, lại gặp Thiên bồng Huyền vũ hoặc Bạch hổ thì hấn là có đại chiến.

Lục Canh mà gặp Cửu thiên hấn là đại trưng thanh thế, mở cờ goiing trống mà tiến.

Lục Canh gặp Cửu địa thì hấn là giặc im cờ lặng trống mà đến. Muốn coi xem giặc bao giờ đi, nếu thấy Lục Canh ở vào bốn cung bên trong thì hấn là không đi, mà ở vào bốn cung bên ngoài là đi. Xét Can Chi ở Địa bàn cung Lục Canh gia lâm thì sẽ biết ngày tháng năm của giặc đi hay đến, như gia vào năm tốt là một năm mới đi lui..v.v.v

Thấy Bạch nhập Huỳnh: tuy là điềm có giặc đến nhưng nếu thấy ở vào bốn cung ngoài thì giặc cũng không đến.

Thấy Huỳnh Nhập Bạch thì tuy chủ là điềm giặc lui binh, nhưng nếu thấy gia vào bốn cung trong thì giặc cũng chẳng lui.

99.XEM GIẶC ĐẾN THÀNH CÓ GIỮ ĐƯỢC KHÔNG:

Lấy Thời can làm Khách, thời Chi làm chủ (tức là cung Trục phù và Trục sử) xem sinh khắc thế nào. Nếu như cung thừa Chi địa bàn bị cung Trục phù, Trục sử lục cung khắc chế, mà cung thời Chi lại có Lục Canh Huyền vũ lâm vào thì nên bỏ thành. Hoặc là cung Trục sử dù bị hạ khắc thì thành này cũng không nên ở, nên lui ngay. Nếu cung Trục Phù với cung Trục sử cùng sinh vượng, tỉ hòa hoặc là cung Trục phù tự thụ hình khắc thì đầu địch có đến cũng không thắng lợi được, mình cứ giữ mà không hại gì.

100.XEM ĐƯỢC THUA:

Phân chiến trận lấy Cảnh môn Kinh Môn là chủ. Kinh rằng: “Cảnh nên nghĩ phá trận, Hưu trị loạn chi pháp yếu, Kinh môn lấy trục phù lập cung làm chủ. Lục Canh lạc cung làm Khách. Cung Trục phù khắc cung Lục Canh thì Chủ thắng. Cung Lục Canh khắc cung Trục phù là Khách thắng. Lại thấy nếu bên nào vượng tướng thì bên ấy thắng, bên nào Hưu Tù thì thua.

Chủ gặp Cảnh môn Kinh môn hay cung Khai môn tướng sinh thì Chủ thắng. Khách được Cảnh môn Kinh môn hay Khai môn tướng sinh thì Khách thắng. Cung Chủ cung Khách tương sinh hẳn là giảng hòa. Chủ Khách đều gặp vượng tướng đều được Cảnh Kinh hai môn, lại không hình khắc nhau thì sức tương đương, hai bên sợ nhau không đánh đều lui. Nếu Lục Canh làm trực phù thì thế là Chủ Khách đồng cung, hai bên không phân thắng bại. Nhật Can gia Canh thì Chủ thắng, Canh gia Nhật Can thì Khách thắng..

Thiên-Đinh Át	Phù - Canh Nhâm	Xà - Kỷ Đinh
Địa - Nhâm Bính	Mậu	Âm - Quý Canh
Vũ - Át Tân	Hổ - Bính Quý	Hợp - Tân Kỷ

VD: Ngày Bính Tân, giờ Nhâm Thìn, Cốc vũ, Thượng nguyên, dương độ 5 cục.

Thấy Thiên Trạ đi với Lục Canh làm Trực phù, như vậy là hai bên bất phân thắng bại, tự rút lui.

HÀNH QUÂN TAM KỲ PHÚ

Để xét địch tình lại mình trận thế. Chính binh theo cửa Khai Hưu Sinh mà đánh phải từ nơi Phù Sử Cửu thiên.

Có binh theo cửa khai Hưu Sinh mà mai phục phải ở nơi Hợp Âm Cửu địa.

Xem ba cát môn ở Thiên bàn, môn nào có cát kỳ, Cát thần dựa vào mà đánh ra.

Đại tướng đóng ở Giáp Bính Mậu.

Đại tướng thăm ở Át Đinh kỳ.

Phạm độ chớ phạm vào Lục Tân, lim thủ nên nương vào Lục Quý.

Nhâm là tự trộm, đóng quân doanh ở đây không yên.

Canh là tổ giặc, thúc binh gia chôn này rất kỵ.

Trạ Bồng Nhuế Hổ kéo xe binh sợ có tai ương.

Kinh Tử Thương Xà đóng....sợ mà chuẩn bị.

Đã tường binh lược, lại xét địa hình.

Thuận xét tướng mệnh gia cung gì, để xem hậu lộ.

Nghịch xem tướng mệnh cái chi có, để xem tiến trình.

Tướng mệnh phi gia cung nào, cung ấy là hậu lộ, xem tướng mệnh vị ở địa bàn có kỳ nghi gì của thiên bàn gia lên thì lấy địa bàn bản vị của kỳ nghi ấy làm tiền lộ.

Gặp Nhật can hẳn là gặp Khách thắng.

(Bản tướng mệnh thượng thân bản vị thấy có Nhật can gia vào thì quân ra đi sẽ gặp quân địch).

Gặp Tuế chi tức là gặp cổ thành.

Gặp Mậu đất bình nguyên, nên chiếm để công để thủ.

Gặp Bính là nơi hiểm cố, nên Hỏa lâm Vũ làm kinh.

Gặp Quý là chốn sa bùn, nên hợp can qua sĩ tốt.

Gặp Át là nơi bụi rậm, phục ngâm cung nọ tinh binh.

Gặp Đinh tuy là nơi quái thạch, nhưng thế bền nên khai suy phù.

Gặp Át tuy là chốn phù sa, nhưng thế rộng khá đông quân doanh.

Gặp Nhâm là sông ngòi hiểm sâu, chỉ nên cố thủ.

Gặp Tân là núi non lở chồm, không lợi chiến chinh.

Địa thế tốt nên quay về Lục Giáp.

Địa thế xấu đùng cổ phạm Lục Canh.

ĐỊA HA CỬU SINH PHÚ

Lục Canh lâm vào chốn đó (thiên bản vị).

Địch tình biết rõ tức thì,

Thiên Tâm là kẻ trượng phu địch quốc.

Thiên xung là người trưởng tử xuất sư.

Sao Phụ rằng tư nhân, nhưng nhân gia chắc gì đã khỏi,

Sao Bồng gần như trí, nhưng trí lẫn chẳng sá kẻ chi.

Thiên nhuế là kẻ ít mưu mà tồi.

Thiên Trụ là người rất ác mà si.

Thiên Nhậm là người quý trọng, tài đủ trấn áp người, nhưng câu nệ hay không biết hợp hiển.

Thiên Anh là người minh cát, tài đủ suy xét vật nhưng hà khắc mà ít rùi rì.

Gặp Đằng xà là hư trương thanh thế.

Thấy Bạch hổ là cậy binh uy.

Gặp Thái âm gian đảo tiến sự thất giới.

Lâm Huyền vũ thâm doanh thích khách ít ai bì.

Mạnh như sấm sét là Cửu thiên rất khó thăm dò địch đôi gia.

Hiểm như núi song là Cửu địa dễ dầu dòm ngó giặc gian phi.

Lục hợp hẳn nó đã gặp người mỗi dẫn.

Trục phù hẳn rõ đã biết thấu cơ vi.

Gặp Nhâm Thủy chiến, gặp Tân đoản đao, đều là phòng xí, trướng xà, thuộc chúng để làm binh mưu rất khéo.

Gặp Bính Hỏa công, gặp Ất cung nỏ, đều là đón loan múa phụng lấy làm thương sách rất ky.

Mậu thuộc dương nên dùng cương quyết đột biến binh tàn cho được.

Đinh thuộc Âm nên dùng hiểm, toàn đất cô chiến trận có khi.

Quý thời tỏ lối đi về

Kỷ thời chặn đường vận tải, đậy thành bền lũy để tương trì.

Tập mệnh bạch tùng loài chuột bọ quấy ngầm nơi trai mau.

Bạch thanh áp nhật, giống chó dê quấy rối chốn kinh kỳ.

Thực hư xem nơi sinh khắc.

Nhiều ít xét ở vượng suy.

Cứ theo chỗ thiên bản Lục Canh lâm đến, lấy số thiên bản, số địa bản, số bát môn mà suy tính, thấy sinh vượng thì hàng ngàn, hàng vạn. Nếu hưu tù thì hàng trăm. Bị mộ tử tuyệt thì hàng chục.

ĐỒ THIÊN CỬU DIỆU PHÚ

Cái đạo làm tướng, biết mệnh làm đầu,

Một cái hòa chế hai nghĩa, tham ân tình chưa chắc đã đủ.

Một cái Hưu Tù Vượng Tướng, xét huyền diệu đã chắc vào đầu.

(Trên sinh dưới là **nghĩa**, mà khắc dưới là **chế**, dưới sinh trên là **hòa**, mà dưới khắc trên là **hại**).

Hết cần là mệnh của hành niên, nghĩa sinh khắc: làm chuẩn đích.

Rất khẩn là mệnh cung khách chủ, nhờ cát hung ta sẽ bảo nhau.

Bạch dân áp mệnh mà gặp tù, phòng ngự không nên xuất lược.

Huyền xa khắc mệnh không bị áp an toàn cùng trọn trước sau.

Mục thần bị nhật nguyệt khắc mà lui chổng.

Mục thần được nhật nguyệt mà bách chiến, giặc đương hăng hấn ra trận mà đánh lâu.

Địa mạch thể cường, bàn tay cũng nên vùng ra trận.

(Chi mệnh cung)

Địa mạch trợ thiếu (**trợ thiên?**), nắm tay không chớ có đương đầu.

(Hành niên Trực sử thượng thần sinh mệnh, thượng thần gọi là thể cường, bị khắc là thiếu trợ).

Tuế can khắc chế mệnh cung, khó được rỗng mây hội ngộ.

(thượng thần)

Tuế can sinh phù mệnh thương, dễ thay cá nước duyên cầu.

Đã xét tai tường cho kỹ.

Lại xem thiết sách mới mau.

Tinh tú ở trên cung mệnh, **nghiêm ra dùng binh đao chổng**.

Kỳ nghi ở dưới mục thần, xét ra ứng dịch cho mau.

VD: Ất dung Nhâm âm, Bính dùng ngôn ngữ, Đinh dùng gươm thét, Mậu dùng văn thư, Kỷ về tiền lương, Canh dùng giáo mác, Ất dùng cung nỏ, bính hỏa công, Đinh súng đạn, Kỷ xe pháo, Canh trường sang, Tân đoán đao, Nhâm thủy công, Quý bồi thủy trận.

NGƯ THỦY CHIẾN PHÚ

Gặp mệnh có khí

Đem quân ra biển

Xét trực sử thịnh hay suy

Xem mệnh cung thái hay bĩ.

Trực sử sinh mệnh là vận đạt, tắt chủ thuyền hiệp lực gửi thuyền vùng mỗi hạ long.

Trực sử khắc mệnh là vận cung, tắt chủ thuyền bội, mong thuyền đắm chớ khoái chí.

Xem Trực sử cung, kỳ nghi thượng hạ, có bao giờ không, kỵ Long đào tẩu, kỵ Hồ xướng cuồng, kỵ Xà yêu kiều, kỵ Tước đầu giang là bốn hung cách, có số gió to. Kỵ ngày Bính Tý, Quý Sửu, Quý Mùi là ngày thương thủy long, phải phòng thủy loạn.

ĐỘN GIÁP KIỂM ĐẦU – QUYỀN 2

XEM NIÊN MỆNH

1.XÉT ĐỂ THÀNH:

Tuế chi là để thành. Phàm người làm tướng học độn giáp phải xét để thành để biết cát hung trong một năm.

VD: Năm Tân Dậu, tháng giêng, ngày Nhâm Thân, giờ Đinh Mùi, Tiết Lập xuân, Trung nguyên, dương độ 5 cục.

Đem Lục Nhâm Giáp Thìn, Thiên Anh Trục phù gia lên Địa hạ Lục Đinh thời can ở Khôn. Dậu địa bàn là để thành, nay thấy tại Dậu có Đằng xà gia vào địa hạ Lục Canh ở Dậu Tuế chi để thành. Đằng xà chủ về nổi lo, hoảng hốt, hư hao, nay gia vào đó tất để thành có giặc vây hãm, nên kinh thành bỏ hoang. Mặt khác ở để thành cung Dậu có Mậu thiên bàn Thổ giao khắc Quý thủy thượng thần ở Tân thiên vị cung Cấn. Tất là để thành bỏ hoang. Mà người lãnh đạo cũng phải chuyển đi nơi khác. Nếu xem gia trạch thì Tuế chi là Chủ nhà, tất là nhà hay bị trộm cướp mà chủ nhà sợ mà bỏ đi.

Mậu	5	Tân	8	Ất	4
Kỷ	6	Nhâm	9	Bính	3
Canh	7	Quý	1	Đinh	2

Xung-Bính Tứ-Địa Ất	Phụ-Ất Kinh-Thiên Nhâm	Anh-Nhâm Khai-Phù Đinh-Mậu
Nhậm-Tân		Nhuế- Đinh(Mậu) Hưu-Xà Canh
Cảnh-Vũ Bính	Mậu	
Bồng- Quý Đỗ-Hổ Tân	Tâm-Kỷ Thương-Hợp Quý	Trụ-Canh Sinh-Âm Kỷ

2.NGHĨA TRONG THIÊN VỊ: (Ngửa Trông Thiên Vị??)

Tuế Can là thiên vị. Phàm người làm tướng học độn giáp phải xem Thiên vị để biết chính lệnh triều đình.

VD: Năm Tân Dậu, tháng chạp, ngày Đinh Sửu, giờ Canh Tuất, Tiết Lập xuân, dương độ 2 cục.

Đem Lục Nhâm Giáp Thìn, Thiên Tâm Trục phù gia lên Địa hạ Lục Canh thời can ở Tốn. Trục phù Thiên tâm gia cung Tốn là Trục phù phản ngâm. Đến năm Nhâm Tuất Tại Kiền có Tuế can Nhâm là Thiên vị và Tuất Hợi là Để thành. Vậy đoán rằng: năm Nhâm Tuất, ngày Tuất Hợi vua mang bệnh nặng. Thấy có Bạch hổ và Cảnh môn gia vào Thiên vị ở Kiền, mà cung Kiền có Tuất Hợi. Bạch hổ là thần bệnh tật nay gia vào tất Vua có bệnh nặng. May sao Nhâm Thiên vị khi bay đến Tốn gặp Trục phù ở đó cho nên bệnh tuy trầm trọng nhưng không sao. Nếu xem về Cha mẹ thì Tuế can là bố mẹ, thấy như thế thì bố mẹ bị ốm đau, tuy rằng bệnh có trầm trọng nhưng cũng qua khỏi.

Mậu	2	Tân	5	Ất	1
Kỷ	3	Nhâm	6	Bính	9
Canh	4	Quý	7	Đinh	8

Tâm-Nhâm Hưu-Phù Canh	Bồng-Ất Sinh-Xà Bính	Nhậm-Đinh Thương-Âm Mậu
Trụ-Quý Khai-Thiên Kỷ	Tân	Xung-Kỷ Đỗ-Hợp Quý
Nhuế-Mậu Kinh-Địa Đinh	Anh-Bính Tứ-Vũ Ất	Phụ-Canh Cảnh-Hổ Nhâm

3. THÀNH KHẮC NGÔI VUA, THÌ THÀNH BỎ HOANG MÀ NGÔI VUA CŨNG PHẢI RỜI XA:

Thành là Tuế chi, mà Ngôi vua là Tuế can. Xem thấy Tuế chi thượng thần khắc Tuế Can thượng thần, thì Thành bỏ hoang, mà Ngôi vua cũng phải di chuyển ra ngoài.

VD: Năm Tân Hợi, ngày Ất Sửu, giờ Bính Tuất, Lập xuân, Thượng nguyên, dương độ 8 cục.

Đem Lục Canh Thiên bồng Trục phù gia lên Địa hạ Lục Bính thời can ở Kiền. Thế là Canh gia Bính ở Hợi Tuế chi để thành gọi là “Bạch nhập Huỳnh” cách là cách giặc vào Thành, năm nay tất có giặc vào thành, còn Tuế can Tân là Thiên vị ở Khôn, thấy Ất kỳ đến gia vào gọi là Ất gia Tân là “Thanh long đào tẩu” cách, tất nhiên là Thiên vị đã bỏ thành mà ra ngoài, lấy nghĩa là Lục Canh kim ở Đế thành khắc Lục Ất mộc ở Thiên vị, có lẽ vua phải bỏ thành mà chạy trốn vì Ất gia Tân cũng là Long đào tẩu cách, là cách chạy chốn.

		Trục- Ất
Quý	Kỷ	Tân
	Đinh	Tâm-Bính
Nhâm		Ất
	Nhâm-Mậu	Bồng- Canh
Mậu	Canh	Bính

4. CAN NĂM THƯỢNG THẦN KHẮC CHI NĂM THƯỢNG THẦN THÌ NGÔI VỊ BỊ PHẾ BỎ, MÀ ĐẾ THÀNH BỊ NGƯỜI KHÁC TRỊ:

Tuế can thượng thần khắc Tuế chi thượng thần thì Thiên vị có lo ngại mà Đế thành có vua mới đến ngự.

VD: Năm Bính Ngọ, ngày Giáp Tý, giờ Ất Sửu, tháng giêng, thượng nguyên, dương độ 8 cục.

Đem Lục Mậu Giáp Tý Thiên nhâm trực phù gia lên Địa hạ Lục Ất thời can ở Đoài. Thấy Lục Nhâm gia Bính Tuế Can địa hạ ở Kiền, lại thấy Đằng xà gia vào cung Kiền có can Bính Thiên vị. Tại Tuế chi Ngọ, thấy Lục Bính đến gia vào, tại Ngọ cũng có Cửu địa, Sinh môn.

Trục- Ất	Tâm-Bính Sinh-Địa	Bồng-Canh
Quý	Kỷ	Tân
Nhuế-Tân		Nhâm- Mậu
Nhâm	Đinh	Phù Ất
Anh-Kỷ	Phụ-Quý	Xung- Nhâm
Mậu	Canh	Xà Bính

Năm nay Thiên vị ốm chết mà trong nước có vị Vua mới tuổi Sửu hay Dần lên ngôi. Lấy nghĩa là Lục Kỷ ở cung Ly là địa hạ Tuế chi phi gia sang Cấn là địa hạ Trục phù, mà Bính Tuế can thượng thần bị Nhâm thủy Tuế chi thượng thần khắc là Thủy khắc Hỏa vậy.

5. ĐƯỢC TRƯỜNG SINH ĐỂ VƯỢNG NÊN CÓ SỰ THAY NGÔI:

Thiên thượng Can năm và Thiên thượng Chi năm tương sinh hay tương hợp thì trong triều mới có sự thay đổi ngôi vua.

VD: Năm Mậu Tý, ngày Kỷ Mùi, giờ Ất Sửu, tháng giêng, Lập xuân, Trung nguyên, dương độ 2 cục.

Lúc ấy Trục phù Giáp Tý Mậu sao Thiên nhũ bay trên địa hạ Lục Ất can giờ ở Khâm 1 cung. Thấy Cửa Hưu, Lục Kỷ bay trên Can Mậu là ngôi vua ở Khôn, Mậu lại còn là địa hạ Trục phù.

Còn ở Khâm, thành vua chi Tý thì có trục phù Mậu và cửa Đổ cùng ngôi vua tương sinh (Kỷ Thổ trên khôn là trường sinh, Mậu Thổ trên Khâm là Đế vượng, cả hai cùng sóng hợp là tượng vua tôi cùng sống hòa hợp để giữ yên kỷ cương nước nhà).

Bồng-Ất Kinh-Hợp Canh	Nhâm-Đinh Khai-Hổ Bính	Xung-Kỷ Hưu-Huyền Mậu
Tâm-Nhâm Tử-Âm Kỷ	Tân	Phụ-Canh Sinh-Địa Quý
Trụ-Quý Cảnh-Xà Đinh	Nhuế-Mậu Đổ-Phù Ất	Anh-Bính Thương-Thiên Nhâm

Tuy nhiên, trên Can mậu ngôi vua có Huyền vũ là chi ông vua thích chinh chiến và gái đẹp. Huyền vũ chủ về mờ ám trộm cắp cho nên có nghĩa có kẻ gian vào thành làm loạn và lên ngôi được 1 ngày. Bởi sao vậy: bởi cung Khôn số 2, gặp tháng giêng Dần mộc khắc Thổ là tử khí nên bị giảm đi một số còn một số cho nên nói là một ngày.

6. ĐƯỢC VƯỢNG TƯỚNG THÌ VUA TÔI NHÂN NGHĨA:

Thiên thượng Can năm và Thiên thượng Chi năm vượng tướng và hòa hợp thì vua minh mẫn, nhân hậu, còn bề tôi thì trung hậu nghĩa khí.

Vd: Năm Canh Dần, ngày Tân Dậu, giờ Nhâm Thìn, Tiết lập xuân, Hạ nguyên, dương độ 2 cục.

Lúc ấy Trục phù Giáp Thân Canh sao Thiên Phụ bay trên địa hạ Lục Nhâm thời can ở Càn.

Địa hạ can năm ở Tốn, nên ngôi vua Canh ở Tốn, tại Tốn cũng có Nhâm và Bạch hổ. Nhâm thủy gặp tháng Mộc là vượng.

Tại Càn có Chi năm là thành vua, trên có Thiên bàn Mậu Thổ gặp tháng mộc là tử khí.

Tâm-Nhâm Cảnh-Hổ Canh	Bính	Mậu
Đổ Kỷ	Tân	Quý
Nhuế-Mậu Thương-Âm Đinh	Ất	Phụ-Canh Phù Nhâm

Ngôi vua có Hổ trên Tốn là hổ xương cuồng, hổ gào thì mạnh, có tượng duyên may gặp gỡ. Nên vua mới, tôi giỏi có ý định thay đổi lại việc chính trị.

Nhưng Thành vua ở Càn có sao Thái âm là sao có tượng dờ dang nên công việc bỏ dở nửa chừng. Vua mới tuổi Tuất hay Hợi.

7. CỬU THIÊN - KỶ- MÔN ĐỀU Ở THANH VUA THÌ NỘI NGOẠI ĐỀU YÊN LÀNH:

Cửu Thiên cùng với ba kỳ Ất – Bính – Đinh và ba Cửa Khai Hưu Sinh cùng gia vào Thành vua (chi năm) thì đối nội và đối ngoại đều yên lành.

VD: năm Kỷ Hợi, ngày Bính Thìn, giờ Quý Tị. Lập xuân, trung nguyên, dương độ 5 cục.

Lúc này trực phù Giáp Thân Canh sao Thiên Trụ gia lên địa hạ Lục Quý thời can ở Khâm. Canh gia Quý là Đại cách.

Thấy trên ngôi vua (Can năm Kỷ) và thành vua (Chi Hợi) đều có kỳ Đinh, cửa khai và Cửu thiên gia vào tại cung Càn. Cho nên năm ấy đất nước nội ngoại đều được yên ổn.

Ất	Nhâm	Đinh
Bính	Mậu	Canh
Tâm-Kỷ Sinh-Xà Tân	Trụ-Canh Phù Quý	Nhuế-Đinh Khai-Thiên Kỷ

Chỉ hiềm Kỳ Đinh vào Càn là nhập Mộ, mà Càn là cung của Thành vua và ngôi vua, mặt khác kỳ Đinh và khai môn lại tương khắc cho nên có tượng vua không được yên. Mà Can Kỷ tại Càn bay sang Cấn (Kỷ đến Cấn là bệnh địa) nên đến tháng Sửu Dần vua sẽ gặp nạn.

8. TRÊN THÀNH CÓ LỤC HỢP - KỶ - CỬA CÙNG CHE THÌ QUAN VÀ DÂN ĐỀU HOAN HỖ:

Trên thành vua có Lục hợp, Tam kỳ và ba cửa cùng gặp là điềm Quan và dân đều vui vẻ yên ổn làm ăn.

VD: Năm Quý Tị, ngày Đinh Mão, giờ Canh Tuất, Lập xuân, thượng nguyên, dương độ 8 cục.

Lúc ấy, Trực phù Giáp Thìn Nhâm sao Thiên xung gia trên địa hạ Lục Canh thời Can ở Khâm.

Chi năm Tị là Thành vua, cùng Can Năm Quý là ngôi vua cùng ở cung Tốn, trên có kỳ Đinh, cửa Sinh và sao Lục hợp. Đinh tới Tốn gọi là Tam kỳ nên công. Nên đoán rằng: năm ấy lúa đậu được mùa, lộc quan xứng, dân yên.

Tân-Đinh Sinh-Hợp Quý	Thương Kỷ	Tân-Đinh
Anh-Kỷ Hưu-Âm Nhâm	Đinh	Ất
Phụ-Quý Khai-Xà Mậu	Xung-Nhâm Kinh-Phù Canh	Bính

9. TRỰC PHÙ CÙNG ẤT BÍNH ĐINH TAM KỶ GIA LÂM CAN NĂM TẮT CÓ LỆNH ÂN XÁ:

VD: Năm Giáp Tý, ngày Mậu Tý, giờ Bính Thìn, Lập xuân, trung nguyên, dương độ 5 cục.

Đem Lục Quý Trực phù Thiên bồng gia lên địa hạ Lục Bính thời can ở Chấn. Lục Quý gặp mùa Xuân được vượng khí, sinh hợp với Ất kỳ ở Giáp can năm gửi ở Mậu khôn cung. Xét Trực phù ở Khâm số 1 được vượng khí tính lợi là số 2, lại gia lên Lục Bính chủ về văn thư, tất là có sắc lệnh nhà vua ban ân xá, gặp tháng Dần tù khí, tất trong triều Vua bị băng hà, nên hẳn là có lập ấu chúa lên 2 tuổi, mà có lệnh ân xá. Vị ấu chúa này tốt, quý tuế can mà hội mệnh chi bởi vì Quý làm

Ất	Nhâm	Đinh-Mậu
Bồng-Quý Phù Bính	Mậu	Canh
Tâm-Kỷ Thiên Tân	Quý	Nhuế-Đinh Kỷ

Phù đầu gia lên Chấn, mà Giáp là Can năm gia lên Kiền, Thiên Tâm thiên bàn lại gia sang cung Cấn, gặp được Cửu Thiên, việc ân xá tất vào tháng Mão vậy.

VD: Năm Ất Mão, ngày Giáp Dần, giờ Ất Sửu, Lập xuân, trung nguyên, Dương độn 5 cục.

Đem Lục Mậu Trục phù gia lên Địa hạ Lục Ất thời can ở Tốn. Thấy Lục Mậu Trục phù cũng là Lục Đinh và Sinh môn đều gia lên Can năm. Như vậy là Đinh kỳ đặc sử tất trong năm có ân xá, tha tù. Và hiệu lệnh lại ở Tốn cung chủ việc thần minh hiệu lệnh, lại gặp được Sinh môn cửa cát. Phương Chi năm ở Mão là để thành thấy có Cửu thiên và Hưu môn gia vào tất có.....vậy.

Cầm-Mậu- Đinh Sinh-Phù Ất	Trụ-Canh	Tâm-Kỷ
Anh-Nhâm Hưu-Thiên Bính	Mậu	Đinh-Mậu
Tân	Quý	Tử Kỷ

10. CỬU THIÊN CÙNG TAM CÁT MÔN GIA CAN NĂM TẤT LÀ DÂN THUẦN TỤC MỸ:

Cửu Thiên cùng với Khai Hưu Sinh là ba cát môn mà gia lâm Tuất can, tất là vua làm gương tiết kiệm mà thành phong tục tốt đẹp.

VD: Năm Đinh Dậu, ngày Ất Sửu, giờ Ất Dậu, Lập xuân, thượng nguyên, dương độn 8 cục.

Đem Lục Canh Trục phù Thiên bồng gia lên Lục Ất thời can ở Đoài. Thấy Lục Bính Nguyệt kỳ, Hưu môn và Cửu thiên gia lên Lục Đinh Tuất can ở Khôn. Như vậy là Bính kỳ đặc sử, lại gặp Cửu thiên, Hưu môn chủ việc vua tôi tiết kiệm, áo vải, cơm rau, phong tục ngày ngày thuần mỹ ra. Tại phương Chi để thành Dậu tuế chi lại có Trục phù và Sinh môn tất là các vị đại thần làm gương để cảm hóa dân chúng, tuy có Lục Canh gia vào, nhưng Canh là Phù đầu nên không hại gì.

Quý	Kỷ	Tâm-Bính Hưu-Thiên Tân-Đinh
Nhâm	Đinh	Bồng-Canh Sinh-Phù Ất
Mậu	Canh	Nhâm-Mậu Bính

11. SINH ÁT CÙNG LÂM CAN NĂM THÌ TRONG NĂM MIỄN GIẢM THUẾ KHÓA:

Sinh môn thuộc Thổ chủ về việc miễn thuế và phát chuẩn cứu đói. Át kỳ thuộc mộc chủ việc thuế má, ăn uống, may mặc. Thấy Sinh môn và Át kỳ đều gia vào Tuất can thì năm ấy tất có miễn giảm thuế cho dân.

VD: Năm Bính Dần, ngày Ất....giờ Đinh Sửu, Lập xuân, thượng nguyên, dương độn 8 cục.

Đem Lục Kỷ Trục phù Thiên anh gia lên địa hạ Lục Đinh thời can ở 5 cung ký ở khôn. Thấy Lục Ất, Thái âm và Sinh môn đều gia lên Bính tuế can ở Kiền. Năm nay ở vào phương Tây Bắc có nạn chuột bọ, đao

Quý	Kỷ	Anh-Kỷ Khai-Phù Tân-Đinh
Cảnh Nhâm	Đinh	Ất
Mậu	Canh	Trụ-Ất Sinh-Âm Bính

binh nên bị mất mùa. Tất có lệnh miễn giảm thuế cho dân, nhưng cái lệnh này ban trước định sau, ban tìm hai rồi mới thi hành, mà việc tất vào khoảng ngày tháng Dần Sửu Mùi Dậu. Lấy nghĩa là tinh ông sao Thái âm hay có sự.

12. SINH MÔN, BÌNH KỶ CÙNG LÂM CAN NĂM TẤT CHẤN HUNG VĂN HỌC:

Sinh môn thuộc Thổ là chức Tư đồ. Bình kỷ thuộc Hỏa chủ về bộ lễ, văn học, chính sự. Thấy Bình kỷ cùng với Sinh môn cùng gia vào Tuất can tất trong năm ấy có việc chỉnh đốn văn học, khoa học lý tài hoặc bổ nhiệm học quan.

VD: Năm Mậu Thìn, ngày Ất Hợi, giờ bính Tuất, Lập xuân, hạ nguyên, dương độn 2 cục.

Đem Lục Canh Trục phù Thiên phụ gia lên địa hạ Lục Bình thời can ở Ly. Thấy Bình nguyệt kỳ và Hưu môn cùng gia lên Mậu Thổ Can năm ở Khôn. Như vậy là Bình kỷ trên Khôn là đắc sử và Hưu môn đến Khôn là chỗ trường sinh. Tất trong năm có giao quyền, bổ chức văn học hoặc có chấn hưng văn học, học quan, trùng tu miếu mạo, gặp Đăng xà thuộc hỏa là nhân dân cũng hưởng ứng và biết quý trọng việc học.

Xung-Kỷ Kinh-Thiên Canh	Phụ-Canh Khai-Phù Bình	Anh-Bính Hưu-Xà Mậu
Kỷ	Tân	Quý
Đinh	Đỗ Ất	Nhâm

13. ẤT HƯU GIA ĐẾ THÀNH: MƯA ĐỀU GIÓ THUẬN, MÙA MÀNG BỘI THU

Ất kỷ thuộc Mộc chủ về hoa cốc, nông trang. Hưu môn thuộc thủy chủ về mây mưa lạnh rét. Ất kỷ và Hưu môn cùng lâm vào Tuất chi Đế thành tất năm ấy mưa nước thuận hòa, hoa cốc phong đăng.

VD: Năm Ất Mão, ngày Canh Tý, giờ Đinh Hợi, Lập xuân, Trung nguyên, Dương độn 5 cục.

Đem Lục Canh Trục phù Thiên Trụ gia lên địa hạ Lục Đinh thời can ở Khôn. Thấy Lục Ất Nhật kỳ và Hưu môn gia lên Mão Tuất chi đế thành. Đoàn rằng: Năm nay mưa nhiều nước dư, dâu tốt, lúa lên, phong đăng bách bội, chỉ hiềm Huyền vũ lâm vào Tuất chi đế thành nên có nhiều trộm cướp. Còn Ất tuế can ở cung Tốn gặp Sinh môn và Cử địa, chủ.....ngôi thiên vi thuyên chuyển vô thường.

Anh-Nhâm Sinh-Địa Ất	Nhuế-Đinh Thương-Thiên Nhâm	Trụ-Canh Đỗ-Phù Đinh-Mậu
Phụ-Ất Hưu-Huyền Bình	Mậu	Canh
Tân	Nhậm-Tân Kinh-Hợp Quý	Kỷ

14. KHAI BÌNH GIA THIÊN VI ĐÁNH ĐÔNG DẸP BẮC DƯƠNG OAI VÕ KHÍ:

Khai môn thuộc Kim chủ về việc can qua, binh giáp. Bình kỷ thuộc Hỏa chủ về tương suy, đao kiếm. Khai môn và Bình kỷ hợp giao ở Tuất can thiên vi thì năm ấy tất có Thiên tử muốn mở mang bờ cõi, dương oai võ sĩ đi viễn chinh.

VD: Năm Đinh Mão, ngày Canh Dần, giờ Ất Dậu, Lập xuân, Hạ nguyên dương độn 2 cục.

Đem lục Canh Trục phù gia lên Lục Ất thời can ở Khảm. Thấy Lục Bính nguyệt kỳ và Khai môn đều lâm vào Đinh Tuế can thiên vi ở Cấn thế là Bính Hỏa ở Dần là đất trường sinh, gặp Khai môn là Kim, Kim gặp Hỏa thành nhuệ khí. Năm nay tất Thiên tử chơi kiếm kích, sinh sự đi viễm chinh. Nhưng Kim đến Cấn là gặp đất tuyệt địa, lại gặp Đẳng và nên tất đem quân đi xa mà quân khí suy nhược kinh hãi vậy.

		Bồng-Ất Đỗ-Huyền Mậu
Canh	Bính	
Nhuế-Mậu Hưu-Âm Kỷ	Tân	Quý
Anh-Bính Khai-Xà Đinh	Phụ-Canh Phù Ất	Nhâm

15. THIÊN VI Ở KHAI MÔN, CỬU THIÊN: QUÂN XUẤT THÀNH CÔNG:

Khai môn thuộc kim chủ việc võ. Cửu thiên thì lợi đường binh tiến đánh. Theo từ phương Lục xung mà đánh đại mạng Khai môn cùng Cửu thiên đều gia vào Tuế Can, năm ấy xuất binh có công.

VD: Năm Đinh Dậu, ngày Mậu Ngọ, giờ Canh Thân, Lập xuân, dương độn Trung nguyên 5 cục.

Đem Lục Quý trục phù Thiên bồng gia lên địa hạ Lục Canh thời can ở Đoài. Thấy Cửu thiên và Khai môn gia vào Đinh tuế can thiên vi ở Khôn. Khai môn Kim đến Khôn là đất lâm quan nên binh sĩ tất vượng, lại gặp Cửu thiên lâm đến chủ diệt, đem quân tiến đánh rất tốt. Chắc đến tháng sau tháng bảy Kim khí vượng tướng thì Thiên tử mở mang bờ cõi, đem quân đi đánh đại thắng, đại lợi.

		Tâm-Kỷ Khai-Thiên Đinh-Mậu
Ất	Nhâm	
	Mậu	Bồng-Quý Hưu-Phù Canh
Bính		
Tân	Quý	Kỷ

16. THIÊN VI CÓ KHAI MÔN, THÁI ÂM TINH HUNG LẠI PHẾ:

Khai môn chủ về binh khí. Thái âm có tính hay bỏ dở. Khai môn và Thái âm gia vào Tuế can thiên vi, năm ấy tất là đẩy quân ra nửa đường thôi.

VD: Năm Kỷ Hợi, ngày Mậu Dần, giờ Ất Mão, Lập xuân, Hạ nguyên, dương độn 2 cục.

Đem Lục Quý Trục phù Thiên Trụ gia lên địa hạ Lục Ất thời can ở Khảm. Thấy Thái âm và Khai môn lâm vào Kỷ tuế can ở Mão. Đoán rằng: năm nay Khai môn chủ binh khí, lại thấy Thái âm có cái tượng dở dang, tất là ra quân vừa khởi để thành lại hoãn lại. Phương Mão lại có Ất kỳ gia lâm Mão gặp Khai môn Kim và Thái âm kim khắc, nên phương Mão nhân dân đói, mà quân lương không đủ nên bỏ về?

	Xung-Kỷ Sinh-Hổ	
Canh	Bính	Mậu
Bồng-Ất Khai-Âm Kỷ	Tân	Quý
Tâm-Nhâm Kinh-Xà Đinh	Trụ-Quý Từ-Phù Ất	Nhuế-Mậu Cảnh-Thiên Nhâm

17. THIÊN THƯỢNG ĐẾ THÀNH LÂM ĐỊA HẠ TRỰC PHÙ: HẸN CÓ NƯỚC ĐẾN CHÀU

Địa hạ trực phù là khách binh, là các nước bên ngoài. Thấy Thiên thượng Tuế chi để thành gia vào địa hạ Trực phù cung. Năm ấy hèn có ngoại ty đến châu Vua.

VD: Năm Bính Tuất, ngày Mậu Thìn, giờ Bính Thìn, Lập xuân, dương độn, thượng nguyên 8 cục.

Đem Lục Quý Trực phù Thiên phụ gia lên địa hạ Lục Bính thời can ở Kiền. Thấy Tuất tuế chi để thành là Bính gia lâm vào cung Địa hạ Trực phù là Quý tại Tốn. Năm nay tất có nạn quốc ở phương bắc, vì trong nước binh đao, ôn dịch mà vào cầu nơi phủ. Bởi vì Khai môn là Chủ binh khí lại lâm Tốn, thế là môn chế cung rất hung. Mà Bạch hổ là Kim lâm Tốn là đất Trường sinh, và lại Kim gặp tháng Dần là Hưu tù, tất trong nước có nạn binh đao và bệnh tật mà họ phải đến nhờ nương tựa vậy.

Tâm-Bính Khai-Hổ Quý	Kỷ	Tân-Đinh
Nhâm	Đinh	Ất
Mậu	Canh	Phụ-Quý Đỗ-Phù Bính

18. CUNG THIÊN VI CÓ THIÊN – PHÙ THƯỜNG TRỰC GIA LÂM, HẸN CÓ TƯỚNG LÂM NGUY.

Thiên thượng trực phù là chủ đại tướng quân. Nếu thấy gia vào Tuế can thiên vi. Năm ấy tất có đại tướng bị nguy.

VD: Năm Đinh Hợi, ngày Kỷ Dậu, giờ Đinh Mão, Lập xuân, Thượng nguyên, Dương độn 8 cục.

Đem Lục Mậu Trực phù Thiên nhậm gia lên địa hạ Lục Đinh thời can ở trung ngũ ký ở Khôn. Thấy Thiên thượng Trực phù Lục mậu gia lên Đinh tuế can thiên vi ở khôn. Năm ấy tất có võ tướng ở phương Đông Bắc tiếm vị dụng kế, mặt khác Thiên bàn Lục Mậu thuộc thổ ở thiên vi giao khắc với Lục Quý thủy ở Đế thành. Tất là võ tướng này xung chế được

Quý	Kỷ	Nhậm-Mậu Sinh-Phù Tân-Đinh
Nhâm	Đinh	Ất
Nhuế-Tân Tứ-Hổ Mậu	Canh	Phụ-Quý Đỗ-Âm Bính

ba năm. Đến năm Dần thì giải vi. Kinh rằng: “Thiên phù để thành khắc tù thế truyền nhất nhi”. Đế thành có tân quân mà lại lâm Cấn, ở cung Cấn có Sửu Dần cho nên nói là năm Dần. Từ đấy về sau để thành bỏ hoang. Vua không ra triều, nghĩa là thiên vi khắc đế thành lại gặp phản ngâm, sau tất bề tôi làm phản, dấy loạn trong nước liên miên làm hại.

19.ĐẾ THÀNH KHẮC THIÊN-PHỦ: TẮT CÓ PHẢN TƯỚNG CHIẾU HÌNH

Tuế chi đế thành thượng thần khắc Thiên phủ. Tắt có người tướng nguy bị giết.

VD: Năm Bính Ngọ, ngày Giáp Tý, giờ Bính Dần, Lập xuân, thượng nguyên, dương độn 8 cục.

Đem Lục Mậu Trục phủ Thiên nhậm gia lên địa hạ Lục Bính thời can ở Kiền. Thấy Lục Ất nhật kỳ ở Tuế chi đế thành giao khắc với Thiên thượng Trục phủ Mậu Thổ ở Kiền Tuế can thiên vi. Năm nay tắt có người võ tướng ở phương Đông Bắc tiếm xung lâm nguy, vì Lục Mậu Cấn cung Đông Bắc cho nên gọi là người Đông Bắc, chắc là tháng Mùi Thân Tuất Hợi thì bị giết nghĩa là Thiên phủ Mậu lâm Kiền (kiền có Tuất Hợi) lại thấy cung Kiền gia sang Khôn (Khôn có Mùi Thân) cho nên nói là tháng Mùi Thân Tuất Hợi vậy.

	Trụ-Ất Từ-Huyền	Tâm-Mậu
Quý	Kỷ	Tân-Đinh
Nhâm	Đinh	Ất
Mậu	Sinh-Xà Canh	Nhậm-Mậu Phủ Bính

20.ĐẾ THÀNH SINH THIÊN – PHỦ TẮT CÓ TÂN QUÂN XUNG TRIỆU:

Tuế chi Đế thành thượng thần sinh Thiên – Phủ tắt có Tân quân đương triều mà xung chỗ Đế thành.

VD: Năm Bính Dần, ngày Bính Tý, giờ Bính Thân, Lập xuân, hạ nguyên dương độn 2 cục.

Đem Lục Tân Thiên thượng Trục phủ gia lên Lục Bính thời can ở Ly. Thấy Dần Tuế chi Đế thành có Lục Kỷ gia lâm, Kỷ Thổ sinh Trục phủ Lục Tân Kim có cái tượng tương sinh hòa hợp. Tắt ở phương Tây nam có ông Tân quân đến xung chế đương triều. Người này hẳn là tuổi Mùi mà là người con nuôi, nghĩa là Lục Tân Thiên – Phủ ở ngôi trung cung kỷ ở Khôn, cho nên biết là người tuổi Mùi mà là con nuôi vậy. Tại Dần Tuế chi có Huyền vũ vậy, tắt có giặc đem binh phạm vào cung khuyết, vào khoảng tháng Tý, giặc là người ở phương Đông Bắc nhưng Kỷ thổ khắc Huyền vũ thủy, cho nên đến ngày tháng năm Kỷ giặc bị diệt.

	Cầm-Tân Phủ	Trụ-Quý
Canh	Bính	Mậu-Tân
Kỷ	Tân	Tâm-Nhâm Từ-Ấm Quý
Xung-Kỷ Hưu-Huyền Đinh	Ất	Nhâm

21.THIÊN – PHỦ KHẮC THIÊN VI. THIÊN VI KHẮC THIÊN PHỦ CHÓNG MẮT NGÔI VUA

Thiên – Phủ khắc Thiên vi, thì ông vua oai quyền bạo ngược. Thiên vi khắc Thiên – Phủ ngôi vua chóng mất.

VD: Năm Bính Ngọ, ngày Ất Sửu, giờ Bính Tuất, Lập xuân, dương độn, thượng nguyên 8 cục.

Đem Lục Canh Trục phủ sao Thiên bồng gia lên Lục Bính thời can ở Kiền. Thấy Tuế can Thiên vi Bính Hỏa khắc Thiên – Phủ Canh Kim. Thấy Đinh kỷ và Lục Tân lâm vào Đế thành là

	Nhuế-Tân Thương-Vũ	
Quý	Kỷ	Tân-Đinh
Phụ-Quý Hưu-Hợp Nhâm	Đinh	Ất
Mậu	Canh	Bồng-Canh Phủ Bính

Ngọ hỏa, khắc nhau như vậy, lại gặp Huyền vũ cùng lâm Đế thành. Năm nay tất ngôi thiên vi bị mất, mà có Tân quân lên ngôi, nhưng bị Bính Hỏa và Ngọ Hỏa đều khắc Thiên – Phù Canh Kim. Tất ông Vua mới ám muội, năng lực không đủ, mà ngoài thành bình hòa công phá, ngôi Thiên vi cũng phải di dời. Trong khoảng đó có người phương Tây Bắc chuyên quyền làm loạn, lấy nghĩa là cung Khôn ở Tây Nam có Huyền vũ tại Khôn làm loạn vậy. Loạn này phải đến ba năm mới xong, bởi vì cung Khôn số 2, cung Trung, Đinh ký ở khôn số 5 hợp thành 7 số, Tân nghi ở Khôn thuộc Kim gặp tháng Dần bị tù khí, 2 số giảm 1, Đinh ký thuộc Hỏa gặp tháng Dần là tử khí, năm số giảm còn 2.5 số, cộng lại còn 3 số, cho nên gọi là ba năm vậy.

VD: Năm Ất Sửu, ngày Canh Thìn, giờ Ất Dậu, Lập xuân, thượng nguyên, dương độ 8 cục.

Đem Lục Canh Trục phù sao Thiên Bồng gia lên địa hạ Lục Ất thời can ở Đoài. Thấy Thiên – Phù Lục Canh Kim khắc thiên vi Ất Mộc, mà Canh lâm Đoài là đất Đế vương, lại gặp sao Thiên bồng thủy tinh là sao rất hung, nhưng được Kim Thủy tương sinh. Xét Thiên Bồng là sao Tham lang, chủ tu chế mọi việc, tất ông vua này là người uy quyền bạo ngược, tàn hại nhân dân. Lại xét Đế thành Sửu Tuất chỉ có Quý thủy, Thương môn và Lục hợp gia lâm gọi là hung bạch, tất là trong triều chính lệnh hà khắc, thần dân rất khổ vì bạo ngược vậy.

Quý	Kỷ	Tân-Đinh
Nhâm	Đinh	Ất
Mậu	Canh	Bính

22. THIÊN VI SINH THIÊN – PHÙ, THIÊN – PHÙ SINH THIÊN VI: LÂU BỀN BẢO VI

Thiên vi sinh Thiên phù thời ngôi Vua lâu dài, Thiên – Phù sinh Thiên vi Vua có hiền đức.

VD: Năm Bính Tý, ngày Giáp Dần, giờ Bính Dần, Lập xuân, Trung nguyên, dương độ 5 cục.

Đem Lục Mậu Giáp Tý Trục phù sao Thiên Cầm gia lên địa hạ Lục Bính thời can ở Chấn. Thấy Tuế can Thiên vi là Bính Hỏa sinh Thiên – Phù Mậu Thổ, lại gặp Sinh môn nên có cái tượng tương sinh hòa hợp. Tất có ngôi Thiên tử bình chính ở trong triều, mà Vua là người con nuôi vậy.

Ất	Nhâm	Đinh-Mậu
Cầm-Mậu Sinh-Phù Bính	Mậu	Tử-Hổ Canh
Tân	Quý	Kỷ

VD: Năm Giáp Tý, ngày Đinh Mão, giờ Mậu Thân, Lập xuân, thượng nguyên dương độ 8 cục.

Đem Lục Nhâm Giáp Thìn Thiên Xung Trục phù gia lên địa hạ Lục Mậu thời can ở Cấn. Thấy Thiên – Phù Nhâm Thủy sinh Thiên vi Giáp mộc (chữ Mậu dùng thay cho Giáp Tý) như vậy là hòa hợp tương sinh, tất có người ở

Quý	Kỷ	Tân-Đinh
Nhâm	Đinh	Thương-Vũ Ất
Xung-Nhâm Tử-Phù Mậu	Canh	Bính

phương Đông Nam tuổi Mão hay Thìn làm Vua, xưng chế có hiền đức, từ ái vậy.

23. THIÊN – PHÙ CÙNG VỚI THIÊN VI ĐỂ THÀNH HỢP VƯỢNG TƯỚNG: VẠN TUẾ LÂU DÀI

Thiên thượng Trục phù tuế can Thiên vi và thượng thần ở Tuế chi, hai vị thượng thần cùng với Thiên – Phù cùng hợp vượng tướng thì ngôi cao Hồ hướng Dân muôn năm.

VD: Năm Ất Mão, ngày Nhâm Ngọ, giờ Ất Ty, tháng Giêng, Lập xuân, thượng nguyên, dương độ 8 cục.

Đem Lục Nhâm Trục phù sao Thiên xung gia lên địa hạ Lục Ất thời can ở Đoài. Thấy Trục phù Lục Nhâm Thủy gia vào Tuế can Thiên vi Ất Mộc, có tượng sinh hợp, tất có người ở phương Đông tuổi Mão Sửu Dân làm Vua. Vào khoảng năm Mão, ngày tháng Thân Dậu thì có Thiên – Phù chính sự hiệu lệnh mới ra đời. Xét

Thương-Vũ Quý	Kỷ	Tân-Đinh
Trụ-Ất Sinh-Hổ Nhâm	Đinh	Xung-Nhâm Tứ-Phù Ất
Mậu	Canh	Bính

Thiên vi Ất Tuế can có Nhâm Thủy gia lên, mà Đế thành Mão tuế chi có Ất kỳ Mộc gia lên, cùng với Thiên – Phù Nhâm đều được tượng tương sinh hòa hợp, lại gặp tháng Dân là vượng tướng khí, tất là ngôi vua được hưởng lâu dài vậy.

24. THIÊN – PHÙ CÙNG VỚI THIÊN VI ĐỂ THÀNH KHẮC TÙ, TRUYỀN THỂ MỘT HAI ĐỜI NHI DI

Thiên thượng Trục phù lâm vào Tuế Can hay Tuế Chi. Nếu thượng thần đều khắc Thiên – Phù, mà lại gặp Hưu Tù khí, tất là đời truyền một hai Vua mà thôi.

VD: Năm Canh Dân, ngày Kỷ Mão, giờ Canh Ngọ, tháng giêng, Lập xuân, dương độ 8 cục.

Đem Lục Mậu Trục phù Thiên Nhậm gia lên địa hạ Lục Canh thời can ở Khảm. Thấy Thiên – Phù Mậu Thổ sinh Tuế can Kim, nhưng Thiên – Phù Mậu Thổ còn giao khắc xuống Nhâm Thủy ở Dân Tuế chi, vì lại gặp Dân nguyệt là bị tù khí nên tuy có Tân quân làm vua, đời vua truyền để 10 năm thôi, đến năm tháng Canh Bính Tý Dân thì giải ra, lấy

Quý	Kỷ	Trụ-Ất Sinh-Huyền Tân-Đinh
Nhâm	Đinh	Ất
Xung-Nhâm Tứ-Xà Mậu	Nhậm-Mậu Cánh-Phù Canh	Bồng-Canh Đỗ-Thiên Bính

nghĩa là Canh ở Khảm cung phi gia sang Kiền gặp Bính kỳ, Canh lâm Bính vi phá bại, lại do Bính Hỏa khắc Canh Kim vậy. Và lại ở Đế thành cung Cấn có Dân, thấy Đằng xà lâm vào, có cái tượng đời nhiều loạn ly, Vua truyền 3, 4 đời thôi. Mà Đế thành cũng hoang phế. Đến năm Mão có người phương Đông Nam tuổi Sửu lên xưng đế làm vua, người này là người ở trong thôn, hang, chỗ sâu cùng thủy tận, về chỗ đông nhiều năm ít lên làm vua.

25. BÍNH, HUYỀN, THÀNH GIA TỚI: TƯỢNG NĂM GIAN PHI

Lục Bính nguyệt kỳ thuộc Hỏa, chủ về việc giữ chính lệnh trong triều, là ông thượng tướng, là ông khôi giáp. Thấy Bính kỳ cùng Huyền vũ lâm vào Tuế chi để thành, tất là ông tướng gian hung làm ngơ việc nước.

VD: Năm Đinh Mùi, ngày Nhâm Tuất, giờ Ất Ty, Lập xuân, dương độ 2 cục.

Dem Lục Nhâm Trục phù sao Thiên Tâm gia lên địa hạ Lục Ất thời can ở Khảm. Thấy Bính kỳ và Huyền vũ lâm vào Mùi Tuất chi đế thành. Năm nay tất có người phương Nam làm tướng, làm biến loạn cả triều cương, dùng tướng không được người giỏi, đến nỗi để giặc phương Nam vào thành làm loạn trong năm năm. Lại thấy Bạch hổ Đăng xà gia vào thành, tất là đế thành trong ngoài đều bỏ hoang, lấy nghĩa là Bính kỳ ở Ly về phương Nam gặp Lục Canh, gọi là Bạch Nhập Huỳnh, chủ có giặc đến, mà Huyền vũ từ Nam vào thành cho nên nói là người phương Nam làm tướng, mà người phương nam làm loạn vậy. Xét Tuất chi có Lục Bính từ cung Ly đến, Ly số 9 mà Bính Hỏa gặp tháng Dần là tù khí, cho nên 9 số giảm còn 4, 5 số, ở Ly lại có Bạch hổ và Huyền vũ ở đây ra có cái tướng long xà, cho nên nói năm năm đại loạn có long xà vào thành vậy.

Canh	Phụ-Canh Tử-Hổ Bính	Anh-Bính Kinh-Vũ Mậu-Tân
Kỷ	Tân	Khai-Địa Quý
Bồng-Ất Thương-Xà Đinh	Tâm-Nhâm Phù Ất	Nhâm

26. BÍNH KỲ CỬU THIÊN LÂM ĐẾ THÀNH: TƯỚNG ĐỀU HIỀN SĨ:

Tuế chi là đế thành, là nơi đảm đương những việc triều đình chính sự, hiệu lệnh. Bính kỳ là thượng tướng, Cửu thiên là hiền tướng. Thấy Bính kỳ cùng Cửu thiên đều lâm vào Đế thành tức là trong triều có nhiều hiền thần, hiền tướng vậy.

VD: Năm Mậu Tý, ngày Bính Dần, giờ Mậu Tý, Lập xuân, Thượng nguyên, Dương độn 8 cục.

Dem lục Canh Trục phù sao Thiên Bồng gia lên Địa hạ Lục Mậu thời can ở Cấn. Thấy Lục Bính Cửu Thiên cùng lâm vào Tý tuế chi Đế thành. Tất là người Tây Bắc vào cầm quốc chính kỷ cương, nhân sự, đạo tặc yên ổn, thiên hạ thái bình, bởi vì có Đế thành chủ về việc thần minh

Quý	Kỷ	Tân
Nhâm	Đinh	Ất
Bồng-Canh Phù Mậu	Tâm-Bính Thiên Canh	Trụ-Ất Địa Bính

hiệu lệnh, phương chi Lục Bính, Lục Bính ở Kiền gia lên Lục Canh ở Khảm (Tý tuế chi Đế thành) gọi là Huỳnh nhập Bạch, chủ việc đạo tặc rút lui, cho nên nói là Kỷ cương chấn cư, đạo tặc yên hơi. Tuy Lục Canh phi gia lục Mậu tuế can Thiên vị, Canh là Trục phù có gia cũng không hại gì.

27. CANH HUỖN GIA ĐẾ THÀNH: TRIỀU BỊ ĐẠO TẶC HẠI THƯƠNG:

Canh là gian thần, huyền vũ là đạo tặc thần.

Canh gia Kiền thì võ tướng là kẻ trộm.

Canh gia Tốn thì văn thần là kẻ trộm.

Canh gia Khảm thì đưa ở gái là kẻ trộm.

Canh gia Đoài thì Thê thiếp là kẻ trộm.

Canh gia Ly thì người con thứ là kẻ trộm.

Canh gia Cấn thì đưa ở gái bé là kẻ trộm.

Canh gia Chấn thì người con trai lớn là kẻ trộm.

Canh gia Khôn thì người đàn bà già là kẻ trộm.

Nếu thấy Lục Canh cùng Huyền vũ lâm vào đế thành thì hẳn là triều bị đạo tặc hại.

VD: Năm Quý mao, ngày Bính Thìn, giờ Đinh Dậu, Lập xuân, trung nguyên dương độn 5 cục.

Đem lục Tân Trục phù sao Thiên nhậm gia lên địa hạ Lục Đinh thời can ở Khôn. Thấy Lục Canh cùng Huyền vũ lâm vào Mão tuế chi Đế thành, lại gặp Kinh môn khắc Chấn cung Mộc (gọi là hùng bạch), tất là Triều tề bị người con gái ở phương Tây, lúc đêm tối lên vào làm hại vậy. Phương chi Đế thành Môn Phù phản ngâm rất xấu. Canh – Kinh môn – Thiên trụ đều thuộc Kim gặp tháng Dần bị tù khí. Kinh rằng: “Tù da dương hoan ban hưởng, phụ mẫu sơ sinh chi địa”, Canh trường sinh ở tù thuộc Tốn cung, tất là người con gái ấy ở Tốn phương có thù hằn, trốn tránh đến nay mới báo thù vậy. Nhưng cái tai này phát ra vào khoảng tháng năm Canh hay Bính mà bị hại ở chỗ phương Đông nam, nghĩa là trong cung Đoài có Dậu là thanh thi tu, thế mà Dậu gia sang tuế chi Đế thành.

Tâm-Kỷ Khai-Địa Ất	Nhâm	Nhậm-Tân Sinh-Phù Đinh-Mậu
Trụ-Canh Kinh-Vũ Bính	Mậu	Canh
Tân	Anh-Nhâm Cảnh-Hợp Quý	Kỷ

28. CANH – VŨ LÂM THIÊN VỊ (TRÊN NGÔI THẤY CANH – VŨ): Vua bị kẻ gian hạ thủ

* Canh – Vũ - Cảnh môn lâm thiên vị: Bị hại bởi thuốc.

* Canh – Vũ - Tử môn lâm thiên vị: Bị hại bởi rượu.

* Canh – Vũ - Đổ môn lâm thiên vị: Bánh có thuốc.

VD: Năm Ất Tị, ngày Quý Hợi, giờ Canh Thân, Lập xuân, hạ nguyên, Dương độn 2 cục.

Đem lục Quý Trục phù gia lên Lục Canh thời can ở Tốn. Thấy Đổ môn, Lục Canh, Huyền vũ gia vào Ất tuế can Thiên vị ở khảm. Tất có vị vũ tướng ở phương Đông Nam, ngầm sai khiến người thân người hầu đồ cơm có thuốc độc. Âm mưu của người này bị phát giác nên bị Vua giết. Nghĩa là Canh ở cung Tốn có Kinh môn và

Trụ-Quý Phù-Kinh Canh	Tâm-Nhâm Khai-Xà Bính	Bồng-Ất Hưu-Âm Mậu
Nhuế-Mậu Tử-Thiên Kỷ	Tân	Nhậm-Đinh Sinh-Hợp Quý
Anh-Bính Cảnh-Địa Đinh	Phụ-Canh Đổ-Huyền Ất	Xung-Kỷ Thương-Hổ Nhâm

Thiên trụ trục phù đều là Kim trùng khắc Tốn mộc, mặt khác Thiên thượng Ất Tuế can lâm vào Khôn cung gọi là Ất kỳ nhập mộ, lại gặp Thái âm kim khắc tất có người con gái (thái âm là đàn bà) biết việc tố cáo, cơm bánh bày ra mà Vua không ăn. Nói vua không ăn nghĩa là Ất kỳ nhập Mộ, nói người con gái nghĩa là Thái âm chủ về con gái có quan chức, có ban đoan là người trung quân cung thế.

29.KHAI KINH VỚI CANH HUYỀN THIÊN GIA RẤT KỶ DAO SANG CHÓC KHÍ:

Khai môn thuộc Kim chủ về trường sang giáo mác. Kinh môn Kim chủ về giao dui kiếm. Thấy Khai hay Kinh môn cùng với Canh Huyền lâm vào Thiên vị, phong thiên tu bi dao sang so thường.

VD: Năm Ất Tị, ngày Bính Đinh, giờ Canh Tý, Lập xuân, Trung nguyên, Dương độn 5 cục.

Đem lục Tân Trục phù sao Thiên nhâm gia lên địa hạ Lục Canh thời Can ở Đoài. Thấy Khai môn cùng lục Canh, Huyền vũ đều lâm vào Ất tuế can thiên vị ở Tốn, tất có người phương Tây võ tướng dấy quân vào cửa khuyết môn, vì Canh ở Đoài cung đến, Canh Kim ở Đoài là ở đất Đế vượng cho nên đoán là vị võ tướng ở phương Tây vậy.

Trụ-Canh Khai-Huyền Ất	Nhâm	Bồng-Quý Sinh Đinh-Mậu
Bính	Mậu	Nhâm-Tân Phù Canh
Tân	Quý	Kỷ

30.ĐỔ HỔ GIA LÂN THIÊN VI: NGỬA LỞ BỆNH SINH:

Đổ môn chủ bệnh soi đầu. Thấy Đổ môn cùng bạch hổ lâm vào Thiên vị tất Quốc vương sinh bệnh soi đầu, ghê lở.

VD: Năm Tân Sửu, ngày Mậu Dần, giờ Đinh Tị, Lập xuân, Hạ nguyên, Dương độn 2 cục.

Đem lục Quý Trục phù Thiên Trụ gia lên địa hạ lục Đinh thời Can ở Cấn. Thấy Đổ môn cùng Bạch hổ lâm vào Tân tuế can Thiên vị ở Khôn. Hẳn là ông vua trong nước có bệnh chân dàu. Xét Tân tuế Can thuộc Kim gia vào Khảm là tù địa, gặp Kinh môn thuộc Kim gia vào Khảm cũng tù địa, tuy có Cửu thiên đến đây cũng khó mà hóa giải được.

Bồng-Ất Canh	Nhâm-Đinh Bính	Xung-Kỷ Đổ-Hổ Mậu-Tân
Tâm-Nhâm Kỷ	Tân	Quý
Trụ-Quý Phù Đinh	Nhuế-Mậu-Tân Kinh-Thiên Ất	Nhâm

31.KINH HỔ THIÊN LAI CÓ TẬT BỆNH KHÍ:

Kinh môn chủ về bệnh tật, cổ tật, ốm đau. Thấy Kinh môn cùng bạch hổ đều gia Tuế can Thiên vị, tất vua có bệnh, ốm đau.

VD: Năm Bính Ngọ, ngày Đinh Ty, giờ Canh Tý, Lập xuân dương độn, 5 cục.

Đem lục Tân Giáp Ngọ Thiên nhậm trục phù gia lên địa hạ lục Canh thời can ở Đoài. Thấy Kinh môn và Bạch hổ lâm vào Bính tuế can thiên vị ở Chấn. Năm nay tất vua có ốm đau. Xét Kinh môn kim gia lên Chấn cung mộc là Môn khắc Cung gọi là

Ất	Tâm-Kỷ Hưu-Địa Nhâm	Sinh Đinh-Mậu
Nhuế-Mậu Kinh-Hổ Bính	Mậu	Nhâm-Tân Phù Canh
Anh-Nhâm Tân	Quý	Xung-Bính Đổ-Xà Kỷ

Bách rất hung. Phương Chi Bính tuế can phi gia Kiền gọi là Bính kỳ nhập Mộ, lại gặp Đằng xà và Đỗ môn tất là có bệnh tật ốm đau, gặp ách vậy.

32. THIÊN VI PHI GIA THIÊN, TRỰC: BỆNH TUY NẶNG CŨNG KHÔNG SAO

Cửu Thiên là vị phúc đức quý thần, chủ về thọ sống lâu, chủ lúa được mùa, thiên hạ nhân dân an nghiệp. Trực phù là vi trường sinh, quý thần chủ thọ, lợi vật an dân, đầu là cát thần thấy tuế can phi gia gặp Cửu thiên hay Trực phù là bệnh vua có nặng cũng sống.

VD: Năm Tân Dậu, tháng chạp, ngày Đinh Sửu, giờ Canh Tuất, Lập xuân, dương độn 2 cục.

Đem Lục Nhâm Giáp Thìn sao Thiên tâm gia lên địa hạ Lục Canh thời can ở Tốn 4 cung.. Thấy Thiên thượng lục Canh và Bạch hổ lâm vào Nhâm Tuất tuế can (năm sau) thiên vi ở Kiền. Vậy hẳn là năm Nhâm Tuất đến tháng Canh Tuất vua có bệnh. Xét tuế can thiên vi phi gia lên Tốn cung gặp Trực phù và Hưu môn có cái lễ hòa hợp tương sinh nên bệnh tuy nặng nhưng tắt qua

khỏi, vì ở cung Kiền có Tuất Hợi, mà Thiên thượng có Canh, địa hạ có Tuất cho nên đoán là tháng Canh Tuất, bệnh này uống thuốc khỏi vì có Cảnh môn chủ về thuốc thang.

33. THIÊN VI PHI GIA ĐỊA, XÀ: BỆNH TUY THƯỜNG MÀ CHẾT

Cửu địa là đại hung thần chủ về việc ách nạn. Đằng xà là đại hung thần chủ việc sợ hãi, quái mộng. Thấy Tuế can chi gia vào Cửu địa hay đằng xà thì Vua tuy gặp bệnh nhẹ nhưng mạng nhỏ cũng chết.

VD: Năm Giáp Tý, ngày Đinh Tị, giờ Đinh Mùi, Lập xuân, Trung nguyên, dương độn 5 cục.

Đem lục Nhâm Giáp Thìn Thiên Anh Trực phù gia lên Lục Đinh thời Can ở Khôn. Thấy Giáp Tuế Can thiên vi phi gia Đoài cung gặp Đằng xà. Năm nay ngày tháng Đinh Canh tất vua có bệnh. Xét Đinh hỏa lâm Dậu là Tử địa, lại bị hạ bán Canh kim khắc lên tuế can Giáp mộc, hạn là gặp thương, lục Nhâm trực phù lâm Khôn là

Trường sinh địa, Lục Mậu lâm Dậu là mộc dục địa, lại gặp Đằng xà, nên bệnh này lúc đầu tuy nhẹ nhưng sau biến chứng tất chết, dù có Trực phù lâm vào Giáp tuế can thiên vi cũng không cứu được.

Tâm-Nhâm Hưu-Phù Canh	Bính	Mậu-Tân
Khai Kỷ	Tân	Quý
Đinh	Anh-Bính Ất	Phụ-Canh Cảnh-Hổ Nhâm

Ất	Nhâm	Anh-Nhâm Phù Đinh-Mậu
Cảnh-Huyền Bính	Mậu	Nhuế-Mậu Hưu-Xà Canh
Tân	Quý	Kỷ

34.ĐẾ THÀNH CÓ THÁI ÂM LÂM TỐI, BỀ TÔI CHUYÊN QUYỀN

Thái âm chủ các vị thần thiếp, ở nước thời có nguyên thần chuyên chính, nơi thiếp chuyên quyền.

VD: Năm Giáp Thân, ngày Quý Sửu, giờ Quý Sửu, Lập xuân, thượng nguyên, dương độ 8 cục.

Đem lục Nhâm Trục phù sao Thiên xung gia lên địa hạ lục Quý thời can ở Tốn. Thấy Thái âm và Tử môn lâm vào Thân tuế chi đế thành ở Khôn. Thái âm kim đến khôn là lâm vào quan địa, xét Lục Kỷ ở Ly lâm Khôn Thân đế thành. Nên đoán rằng: năm nay tất có người quyền thần

từ phương Nam chuyên chế quốc chính. Lại xét Lục Tân ở Khôn Thân Đế thành phi gia Đoàn cung gặp Ất kỷ gọi là “Bạch hổ xướng cuồng”, lại gặp Kinh môn rất hung, người quyền thần chuyên chính vào khoảng ngày tháng năm Tân mà Đế thành kinh loạn vậy.

Xung-Nhâm Đỗ-Phù Quý	Kỷ	Anh-Kỷ Tử-Âm Tân
Nhâm	Đinh	Nhuế-Tân Kinh-Hợp Ất
Mậu	Canh	Bính

35.ĐẾ THÀNH CÓ ĐĂNG XÀ GIA VÀO: TƯỚNG THẦN BỎ CHẠY.

Đăng xà chủ về truất bại, sợ hãi. Thấy Đăng xà gia vào Tuế chi đế thành tức là có người thần tướng phế bỏ.

VD: Năm Canh Tý, ngày Tân Mùi, giờ Kỷ Hợi, Lập xuân, Trung nguyên, Dương độ, 5 cục.

Đem lục Tân Trục phù sao Thiên nhậm gia lên địa hạ Lục Kỷ thời can ở Kiền. Thấy Đăng xà và Bính nguyệt kỷ lâm vào Khảm có tuế chi đế thành. Đoán rằng: năm nay tất có ông đại tướng bị phế chức, sang năm lại được phục nguyên chức vị, nghĩa là Bính kỷ đến Khảm gọi là Bính kỷ thụ chế, nhưng cũng gọi là Bính kỷ đắc sử, sự việc tiền trở hậu thành,

Sinh-Hổ Ất	Nhâm	Đinh-Mậu
Bính	Mậu	Bồng-Quý Cảnh-Thiên Canh
Tân	Xung-Bính Kinh-Xà Quý	Nhậm-Tân Tử-Phù Kỷ

mà Đăng xà hỏa đến Khảm Tý cung là Thai địa, hạn đến năm Dần gặp Trường sinh địa được phục chức. Kinh môn kim đến Khảm là Tử địa, đến Tị là sinh địa, hạn năm Dần ngày tháng Tị được phục chức. Lại xét Tý tuế chi phi gia vào Đoàn cung trù lên tuế can ở đây gọi là loạn trừ tất hung, hạn là ông tướng này ngày sau thường chuyên quyền Phế lập là còn....., nói là phế lập lấy nghĩa tuế chi là bề tôi mà tuế can là vua, thấy tuế chi phi gia áp chế tuế can vậy, nói là con mắt nghĩa là cung Đoàn chủ về trừng thử.

36.Ở TUẾ CHI CÓ LÂM KIỀN ĐOÀN TRUNG THU ĐAU BỆNH NĂM ẤY NHIỀU

Cung Đoàn chủ hoàng trùng chuột bọ, cung kiền chủ đao binh, cướp trộm. Thấy Đoàn gia vào Tuế chi, nếu lâm gia vào hạn tuế chi thì cả nước đều tai hại, lâm vào địa hạ tuế can thì biên giới có tai hại, nếu gặp Tân nghi thượng thần và cung trung hay ở cung Đoàn, Kiền thì nhiều tai hại, với lại gặp vượng tướng thì nhiều tai ương, nếu hưu tù thì ít.

VD: Năm Mậu Ngọ, ngày Đinh Sửu, giờ Canh Tý, Lập xuân, Hạ nguyên, Dương độn, 2 cục.

Đem Lục Tân Trục phù gia lên địa hạ lục Canh thời can ở Tốn. Thấy Lục Quý ở Đoài cùng Đằng xà Canh môn đều gia vào Ngọ tuế chi ở cung Ly. Đoán rằng: năm nay thiên vong tu trường, trong nước bốn phương đều có quan dịch, chuột bỏ vậy. Lục Quý thủy gặp tháng Dần là vượng khí, hạn trong nước nhiều chuột bỏ mà phương nam nhiều hơn. Lại xét Mậu tuế can ở Khôn gặp Tử môn Thái âm, đầu năm có đao binh bệnh tật vì Kiền gia lâm, giữa năm có Đoài cung và Đằng xà gia vào Tuế chi có nạn dịch lệ và chuột bỏ, cuối năm phi gia sang tốn gặp Canh là thần đạo tặc, chủ có nhiều trộm cướp.

Câm-Tân Đỗ-Phù Canh	Trụ-Quý Cảnh-Xà Bính	Tâm-Nhâm Tử-Âm Mậu-Tân
Khai Kỷ	Tân	Quý
Đinh	Ất	Nhâm

VD: Năm Kỷ Mùi, ngày Mậu Thìn, giờ Mậu Ngọ, Lập xuân, thượng nguyên, dương độn 8 cục.

Đem lục Quý Trục phù sao Thiên Phụ gia lên địa hạ Lục Mậu thời can ở Cấn. Thấy Bính kỳ ở Kiền cùng Bạch hổ Khai môn gia vào Mùi tuế chi ở Khôn. Đoán rằng: Năm nay tất có nạn đao binh, phương chi Bính kỳ ở Kiền phi gia đến Khôn gặp Khai môn gọi là Bính kỳ đắc sử, nhưng Kiền cùng Bạch hổ và Khai môn đều thuộc kim gặp tháng Dần là phế khí, ba vị kim lâm vào Mùi là quan đới địa, tất đến năm sau nơi

Nhuê-Tân Tử-Âm Quý	Trụ-Ất Kinh-Hợp Kỷ	Tâm-Bính Khai-Hổ Tân-Đinh
Anh-Kỷ Cảnh-Xà Nhâm	Đinh	Ất
Phụ-Quý Đỗ-Phù Mậu	Canh	Bính

Bính Đinh được, nghĩa là Kiền số 6 gia Khôn số 2 hợp với cung trung số 5 đều thừa hưu tù khí, giản dị 6 số còn sáu cho nên nói là 6 năm vậy. Cái loạn này trước khởi ở Tây Nam rồi đến Đông Nam sau đến Đông Bắc, nghĩa là trước Khôn Tây Nam phi gia sang Tốn Đông nam, lại từ Tốn gia sang Cấn Đông Bắc. Năm nay Kỷ tuế Can ở Ly gặp Ất kỳ, Kinh môn và Lục hợp, hạn là lúa tốt được mùa, nhưng sợ không được bình an và có nhiều gió to, nghĩa là lấy Ất kỳ đến Ly là đắc sử, gặp Dần nguyệt được tướng khí cho nên lúa tốt được mùa, có kinh môn là có sự sợ hãi bất an, có Lục hợp tất có gió to. Giữa năm Mùi tuế chi gặp Kiền cung có đao binh loạn động. Cuối năm Kỷ tuế can phi gia sang Chấn gặp Đằng xà nên có binh đao loạn động kim hại.

37.Ở TUẾ CHI TRỪM CÓ CẤN, LY DỊCH LỆ HẠN TẠI NĂM ẤY VẬY

Ly cung chủ đại hạn, Cấn cung chủ tật bệnh. Thấy Ly Cấn hai cung gia lên tuế chi, hẳn năm ấy có đại hạn hỏa tai, dịch lệ.

VD: Năm Canh Thân, ngày Ất Tị, giờ Bính Tuất, Lập xuân, Hạ nguyên, dương độn 2 cục.

Đem Lục Canh Thiên Phụ Trục phù gia lên Lục Bính thời can ở Ly. Thấy Thiên Anh, lục Bính nguyệt kỳ và Đằng xà, Sinh môn gia lên Thân tuế chi ở Khôn, và lại Bính kỳ đến Khôn gọi là Bính kỳ đắc sử. Năm nay Bính kỳ đắc sử và Thiên anh là hỏa tinh đều gia vào Thân tuế chi nên tất có đại hạn và nhiều dịch lệ, nghĩa là Sinh môn chủ ôn dịch vậy.

Canh	Phụ-Canh Hưu-Phù Bính	Anh-Bính Sinh-Xà Mậu-Tân
Kỷ	Tân	Nhuế-Mậu Thương-Âm Quý
Đinh	Ất	Trụ-Quý Đỗ-Hợp Nhâm

Năm Dậu năm đại hạn đến giữa năm tháng Mùi Thân Dậu lấy nghĩa là Ly gia sang tuế chi Thân ở Khôn, Thân lại gia sang đoài, được Quý thủy vượng tướng, thượng bàn có Thân Mùi vàlà Đoài có Dậu vậy. Cuối năm ở Đoài lại gia sang Kiền gặp Lục Nhâm hạn có đao binh mà ít mưa.

VD: Năm Đinh Mão, ngày Ất Dậu, giờ Quý Mùi, Lập xuân, Trung nguyên, dương độn, 5 cục.

Đem lục Kỷ Thiên tâm Trục phù gia lên lục Quý thời can ở Khâm. Thấy lục Tân ở Cấn và Thương môn, Thái âm gia lâm Mão tuế chi ở Chấn, và lại Tân Kim gặp Dần nguyệt là phê khí, Tân kim hạ khắc Mão tuế chi rất xấu. năm nay nhân dân gặp ôn dịch và đau bụng, nghĩa là Thái âm chủ đau bụng, thương môn chủ ôn dịch, đầu năm ở Chấn nhân dân đại dịch lệ, giữa năm Chấn phi gia sang Tốn gặp Lục Hợp đến tạm yên, cuối năm ở Tốn gia sang Ly gặp Bạch hổ lại có binh đao tật dịch.

38.KHẨM LÂM TUẾ CHI, RÉT LẠM LẠNH NHIỀU:

Khâm cung chủ rét lạnh. Thấy Khâm gia lên tuế chi tất năm ấy rét nhiều và lúa đậu trồng sớm mất mùa.

VD: Năm Tân Mùi, ngày Giáp Thân, giờ Bính Dần, Lập xuân, Trung nguyên, dương độn 5 cục.

Đem lục Mậu Trục phù sao Thiên cầm gia lục Bính thời can ở Chấn. Thấy Thiên bồng lục Quý thủy ở Khâm và Lục hợp cùng Canh môn gia lâm Mùi tuế chi ở Khôn. Quý thủy đến Khôn là đất Trường sinh gặp tháng Dần được vượng khí, gặp Lục hợp chủ có gió to. Năm nay gió to mưa nhiều nước lạnh, lại có mưa đá, nghĩa là Khâm đến Khôn mà trong

Ất	Nhâm	Bồng-Quý Cảnh-Hợp Đinh-Mậu
Cầm-Mậu- Đinh Sinh-Phù Bính	Mậu	Nhậm-Tân Tử-Hổ Canh
Tân	Quý	Xung-Bính Kinh-Vũ Kỷ

Khôn có Thân là Kiền tông là thạch thân, thế là đá sinh trong nước, cho nên nói là mưa đá. Năm nay năm Dậu ở Khôn gặp Khâm rất nhiều, mưa đá nhiều, làm hại cây cối, cây sớm mất mùa. Giữa năm Khôn Mùi gia sang Chấn gặp Đinh kỳ và Sinh môn nên dân bình an, có hạn thiên tai. Cuối năm Chấn gia sang Kiền gặp Huyền vũ và Bính kỳ nhập Mộ nên chắc có giặc cướp.

39.TÔN LÂM TUẾ CHI MƯA NHIỀU NƯỚC CHẢY

Tôn cung chủ về mây mưa. Thấy Tôn gia vào tuế chi, năm ấy tắt mưa nhiều.

VD: Năm Nhâm Tuất, ngày Bính Dần, giờ Kỷ Sửu, Lập xuân, thượng nguyên, dương độn 8 cục.

Đem lục Canh trực phù sao Thiên Bồng gia lên địa hạ lục Kỷ thời can ở Ly gọi là “Trực phù phản ngâm”. Thấy lục Quý ở Tôn và Hưu môn, Lục Hợp gia lên Tuất tuế chi ở Kiền. Xét Hưu môn thủy, Quý nghi cũng thủy, thủy lâm Tuất Kiền là Lâm Quan địa, lại gặp tháng Dần là vượng khí. Đoán rằng: năm nay tắt mưa nhiều, hiềm chi Nhân dân cũng có bệnh, nghĩa Quý lâm Kiền là thần cao sáu thước, nghĩa là Thiên vong tu tương cho nên nói là mưa nhiều mà nhân dân có bệnh vậy. Đầu năm Tuế chi có Tôn lục Quý lâm, mưa gió nhiều, có chút ôn dịch. Giữa năm ở Kiền phi gia sang Tôn gặp Cửu thiên, ở Canh môn và Lục Quý, nhân dân bình an, có bệnh không đến nổi chết, mà mưa cũng nhiều. Cuối năm ở Tôn là gia sang Kiền gặp Bính kỳ nhập Mộ, Hưu môn Lục hợp nên cũng có trộm cướp không yên, mà mưa nhiều.

Tâm-Bính Cảnh-Thiên Quý	Bồng-Canh Tử-Phù Kỷ	Tân-Đinh
Nhâm	Đinh	Ất
Mậu	Anh-Kỷ Canh	Phụ-Quý Hưu-Hợp Bính

40.CHẤN GIA TUẾ CHI: NHIỀU SẮM SÉT, NGƯỜI TÔN THƯƠNG:

Chấn cung chủ về sấm sét. Thấy Chấn cung lam vào Tuế chi, năm ấy tắt có sấm sét nhiều đến hại người.

VD: Năm Tân Dậu, Ngày Mậu Thìn, giờ Bính Thìn, Lập xuân, Thượng nguyên, dương độn 8 cục.

Đem Lục Quý Thiên Phụ Trực phù gia lên lục Bính thời can ở Kiền. Thấy lục Nhâm thiên Xung ở Chấn và Cửu thiên, Thương môn gia lên Dậu Tuế chi ở Đoài. Xét Thương môn là mộc đến Dậu là gặp Thai địa, Nhâm nghi thủy đến Dậu là Mộc dục. Năm ấy cây cối tốt tươi được mùa nhưng có sấm sét làm hại. Ở Thiên bàn có Cửu thiên, ở địa bàn cung Đoài có Ất nhật

Hỗ-Bính Quý	Vũ-Canh Bồng-Khai Kỷ	Địa-Mậu Nhậm-Hưu Tân-Đinh
Hợp-Ất Nhâm	Đinh	Thiên-Nhâm Xung-Thương Ất
Âm-Tân Mậu	Xà-Kỷ Canh	Phù-Quý Bính

kỳ, hạng là sét đánh nơi cung đình hay chợ búa, hai người hiền đạt, chứ không phải người thường nơi cung Đình là Ất kỳ với Cửu thiên gặp nhau, Đoài là chủ về nơi chợ búa cùng với Cửu thiên cho nên gọi là Đại thị hay thành thị. Nói là không phải người thường, vì Đoài là chung nhân gặp Cửu thiên cho nên nói người hiền đạt là chung nhân có làm quan.

41.KHÔN LÂM TUẾ CHI: CÓ MƯA ĐÁ, HOA MÀU TÔN HẠI:

Khôn cung chủ về mưa mù, mưa đá. Thấy Khôn gia lên tuế chi năm ấy có mưa đá tổn thương lúa mạ mọi vật.

Năm Canh Tuất, ngày Nhâm Thìn, giờ Canh Tuất, Lập xuân, Trung nguyên, Dương độn, 5 cục.

Đem lục Nhâm Trục phù gia lên lục Canh thời can ở Đoài. Thấy lục Đinh lục Mậu ở Khôn và Đằng xà, Canh môn gia lên Tuất tuế chi ở Kiền. Xét Đinh kỳ Đằng xà ở Kiền đều thuộc hỏa, đến Kiền gặp tuyệt địa và nhập Mộ. Đoán rằng: năm nay có vị Tể tướng chết. Kinh rằng: “Đế thành xa phung phí” tượng khí lại có mưa đá to, vì Khôn gia vào Tuất tuế chi. Giữa năm ở Kiền gia sang Cấn gặp Kinh môn và lục

Nhâm Trục/Vũ	Cánh 4 Tân Át	Xung Địa	Tử 9 Bính Nhâm	Phụ Thiên Mậu	Kinh 2 Át Đinh
Bồng Trần/Hổ	Đỗ 3 Quý Bính	Mậu		Anh Phù	Khai 7 Nhâm Canh
Tâm Hợp	Thương 8 Kỷ Tân	Trụ Âm	Sinh 1 Canh Quý	Nhuế Xà Mậu	Hưu 6 Đinh Kỷ

Tân, nhân dân bất an và có trộm cướp. Cuối năm ở Chấn gia sang Tốn gặp lục Tân Lục Át gọi là “Hổ xướng cuồng” và Huyền vũ, hẳn là sang năm có giặc cướp dấy binh vào khoảng ngày tháng năm Tân Át, đao binh dấy lên rất kinh hãi vậy.

42. TRỤC THIÊN LÂM CHỐN ẤY: HẸN NƠI ẤY BÌNH YÊN.

Trục phù là Quý thân trên trời, có cái Đức giữ nước an dân. Cửu thiên là phục thân của thượng đế, có cái Đức cường binh lợi vật. Phàm xem tốt xấu, thấy Trục phù Cửu thiên lâm đến cung nào hẳn là chốn ấy bình an.

VD: Năm Quý Hợi, ngày Quý Mùi, giờ Quý Sửu, Lập xuân, thượng nguyên, dương độ 8 cục.

Đem lục Nhâm Trục phù sao Thiên xung gia lên Lục Quý thời can ở Tốn. Năm nay Trục phù ở Tốn Đông nam, Cửu thiên ở Chấn phương Đông. Tất là Chấn Tốn hai phương nhân dân bình an, Huyền vũ ở khảm bắc phương gặp lục Bính gia lục Canh gọi là Huỳnh nhập Bạch.

Phù-Nhâm	Xà-Quý	Âm-Kỷ
Quý	Kỷ	Tân-Đinh
Thiên-Mậu	Đinh	Hợp-Tân
Nhâm		Át
Địa-Canh	Vũ-Bính	Hổ-Át
Mậu	Canh	Bính

Năm nay ở phương Bắc có giặc cướp nhưng rồi tự giải tán. Bạch hổ ở Kiền Tây

Bắc, dân có bệnh ôn dịch, đao binh, tử vong. Lục hợp ở Đoài phương Tây có gió to. Thái âm ở Khôn phương Tây Nam có bệnh đau bụng, Đằng xà ở Ly phương Nam có sự kinh hãi bất an.

43. XÀ HỔ PHƯƠNG NÀO: PHƯƠNG ẤY DÂN GIAN BỊ ÁCH

Đằng xà, Bạch hổ đại hung lâm phương nào là phương ấy có nhiều sự kinh hãi tạt ách.

VD: Năm Quý Sửu, ngày Kỷ Mão, giờ Nhâm Thân, Lập xuân, thượng nguyên, dương độ 8 cục.

Đem Lục Mậu Trục phù gia Lục Nhâm thời can ở Chấn. Thấy Đằng xà và Kinh môn lâm vào Tốn Đông nam, hẳn đến ở Tốn phương nhiều sự kinh hãi bất an. Bạch hổ và

Xà-Nhâm Kinh Quý	Âm-Quý	Hợp-Kỷ
Quý	Kỷ	Tân-Đinh
Phù-Mậu	Đinh	Hổ-Tân Hưu Át
Nhâm		
Thiên-Canh	Địa-Bính	Vũ-Át
Mậu	Canh	Bính

Sinh môn ở Đoài phương Tây gặp Lục Tân gia Ất gọi là Bạch hổ xướng cuồng, hắc là phương Tây Đoài có đao binh tật bệnh kinh động bất an. Huyền vũ ở Kiền Tây Bắc gặp Ất kỳ thụ chế hắc là phương Kiền có đao tặc gây rối, trở ngại rồi sau mới được hanh thông vậy.

44.HUYỀN VŨ GIA VÀO PHƯƠNG ẤY: NƠI ẤY HẮN CÓ ĐAO BINH

Huyền vũ là đao tặc thần. Phàm xem năm tốt xấu mà thấy Huyền vũ đến phương nào thì phương ấy có đao binh phát động.

Năm Giáp Tý, ngày Đinh Tị, giờ Đinh Mùi, Lập xuân, trung nguyên, dương độn 5 cục.

Đem Lục Nhâm Trục phù sao Thiên anh gia lên Lục Đinh thời can ở Khôn. Thấy Huyền vũ gia ở phương chính Đông gặp Lục Tân gia Lục Bính gọi là Bạch nhập Huỳnh, phương này hắc có đao tặc không yên, Bạch hổ ở Cấn Đông Bắc gặp Lục Quý gia Cấn là thân cao 8 thước, gọi là “Thiên vong tỵ trường” lại gặp địa bàn Lục Tân tật phương này nhân dân nhiều ôn dịch tật bệnh và nạn binh đao.

Địa-Bính	Thiên-Ất	Phù-Nhâm
Ất	Nhâm	Đinh-Mậu
Vũ-Tân	Mậu	Xà-Mậu-Đinh
Bính		Canh
Hổ-Quý	Hợp-Kỷ	Âm-Canh
Tân	Quý	Kỷ

45.LỤC HỢP THẤY PHƯƠNG NÀO: PHƯƠNG ẤY NGƯỜI NHIỀU MỤN MÂY:

Lục hợp chủ ôn dịch chẩn đậu. Phàm xem năm tốt xấu thấy Lục hợp lâm cung nào là phương ấy nhiều dân bệnh phát mụn mây ngứa lở.

VD: Năm Canh Thân, ngày ẤT Tị, giờ Bính Tuất, Lập xuân, hạ nguyên, dương độn 2 cục.

Đem Lục Canh Trục phù Thiên Phụ gia lên lục Bính thời can ở Ly gọi là “Bạch nhập Huỳnh”. Thấy Lục hợp và Đỗ môn gia ở Kiền phương Tây Bắc có bệnh chẩn đậu. huyền vũ ở Cấn Đông Bắc phương này có nạn binh đao làm loạn. Bạch hổ ở Khảm phương Bắc nhân dân tật bệnh.

Thiên-Kỷ	Phù-Canh	Xà-Bính
Canh	Bính	Mậu-Tân
Địa-Đinh	Tân	Âm-Tân
Kỷ		Mậu Quý
Vũ-Ất	Hổ-Nhâm	Hợp-Quý
Đinh	Ất	Đỗ Nhâm

46.THÁI ÂM PHƯƠNG ẤY NHIỀU BỆNH ĐAU BỤNG

Thái âm cung chủ về tật bệnh đau bụng. Phàm xem năm tốt xấu thấy Thái âm gia vào phương nào thì phương ấy có bệnh đau bụng.

VD: Năm Quý Hợi, ngày Quý Mùi, giờ Quý Sửu, Lập xuân, thượng nguyên, dương độ 8 cục.

Đem Lục Nhâm Trục phù gia lên Lục Quý thời can ở Tốn. Thấy Thái âm gia Khôn Tây nam, hắc phương Khôn có nhân dân đau bụng hay cả phương Đinh, Tân cũng có bệnh ấy, nghĩa là Khôn có Tân và Đinh cung trung ký ở Khôn, mà giữa năm mắc bệnh nhiều hơn.

Phù - Nhâm		Âm-Kỷ
Quý	Kỷ	Tân-Đinh
Nhâm	Đinh	Ất
Mậu	Canh	Bính

47.CỬU ĐỊA PHƯƠNG NÀO NHIỀU BỆNH HUYẾT VẬY:

Cửu địa cung chủ về đàn bà, bệnh huyết khó đẻ, về đàn ông thì dao sang huyết thương. Xem năm tốt xấu thấy Cửu địa lâm cung nào thì phương ấy có tật bệnh huyết, ở dương cung thì đàn ông còn ở âm cung thì đàn bà bị đau.

VD: Năm Giáp Tý, ngày Bính Dần, giờ Mậu Tý, Lập xuân, thượng nguyên, dương độ 8 cục.

Lấy Lục Canh Trục phù Thiên Bồng gia lên Lục Mậu thời can ở Cấn. Thấy Cửu địa Thương môn và Ất kỳ lâm vào Kiền Tây Bắc. Xét Ất đến Kiền là thụ chế, có cái tướng tiền ưu hậu kỷ, hắc là ở Kiền phương nhân dân có bệnh huyết, Kiền thuộc dương cung, đàn ông bị bệnh, nhưng lại có cả Thiên trụ Thái âm ở đây đàn bà cũng bị bệnh vậy.

		Anh-Kỷ Hưu-Hỗ Tân-Đinh
Quý	Kỷ	Nhuế-Tân Sinh-Vũ Ất
Nhâm	Đinh	Trụ-Ất Thương-Địa Bính
Bồng-Canh Cảnh-Phù Mậu	Canh	

48.TUẾ CHIẾN BÍ LƯỢC CHỜ CÓ TRUYỀN QUANH:

Tuế chiến bí lược có nhiều chỗ tiết lộ thiên cơ, nên kính cẩn giữ làm của báu. Truyền cho con cháu phải thấy người có đức tinh hiền lương, có trí mưu, khiêm tốn, có long bác ái dong chúng, không tham tài, không hiếu sắc, hiếu sinh ô sát, tốt là người hiền tướng, mới nên truyền. Nếu người tiểu thuật biến mưu, không có đức phục chúng, tham tài hiếu sắc, hiếu sát ô sinh, thì không nên truyền, nếu cố truyền thì tai vạ đến mình, cũng nên cẩn thận lắm thay.

ĐỘN GIÁP HẬU SINH CŨNG NÊN NGÃM KỸ:

Độn Giáp bí lược người hậu sinh đặc đạo cũng nên suy nghĩ kỹ, trăm cái suy xét kỹ lưỡng thì có thể siêu phàm nhập thánh, thoát tục thành tiên, vào lửa không nóng, vào nước không chìm, gặp đá ẩn thân vào đá, gặp cây tàng hình vào cây, trên ngao du tiên giới, dưới suốt đến Long cung mà Thành Tiên vậy.

XEM TRONG NĂM CÓ GIẶC KHÔNG

Canh Huyền lâm vào Đế thành, lâm vào Nhật can hay Thời can chủ trong năm ấy có nhiều đạo tặc, gặp cát môn và lâm vào địa hạ Mậu Kỷ thì giặc vào kinh thành. Nếu gặp khắc hay Đổ môn thì giặc chỉ ở chỗ đi cướp bóc mà thôi. Lâm Mậu Kỷ Dậu vào thành lâm Giáp Ất giặc ở phương Đông, Bính Đinh ở phương Nam, Canh Tân ở phương Tây, Nhâm Quý ở phương Bắc, người học nên tinh tường suy xét. Như Canh Huyền lâm vào

Mậu Kỷ, mà Mậu Kỷ ở vào Đế thành hay Nhật can thì tất là giặc vào thành. Phép tuế chiến trước hết xem ngày Lập xuân để xem sự hay dở trong một năm. Rồi xem đến các ngày giao khí tiết từng tháng, các tuần cùng Trục sử môn để rõ cái ngày tháng mà sự việc nó phát xuất ra cứ tuế chi bản vị thuộc về bốn tháng đầu năm, tuế chi phi gia để cung nào thì cung ấy thuộc về bốn tháng giữa năm. Lại xem ở cung ấy lại phi gia đến cung nào thì cung ấy thuộc bốn tháng cuối năm, xem Kỳ môn Quý thần cát hay hung ở thượng hạ bản thì biết thời kỳ của nó.

SỐ TRỜI MUỐN BIẾT PHẢI XÉT THỜI CUNG

Xét cung Trục phù Sử môn xem thượng hạ kỳ nghi kim tinh thủy tinh có khí thì mưa, vô khí mưa ít. Hỏa tinh Mộc tinh có khí thì tạnh, vô khí thì mưa. Hữu khí là tương sinh, vô khí là tương khắc. Sao tuy rằng đã định, ngày chẳng giống nhau cùng hòa hại đem Thượng thần ra suy thì mới rõ cái bí hiểm.

Dưới sinh trên là Hòa, dưới khắc trên là Hại.

Nghĩa Ché đem hạ thần ra xét, thấy diệu vợi vô cùng.

Thượng sinh hạ là Nghĩa, thượng khắc hạ là Ché.

Phản ngâm cũng theo lệ ấy để cầu ký bản

Phản ngâm cũng theo cái lệ Hòa Hại Nghĩa Ché, mà cầu cái gốc bái cung, như Giáp lấy Dần làm gốc, Ất lấy Thìn, Bính lấy Tị, Đinh lấy Mùi, Canh lấy Thân, Tân lấy Tuất, Nhâm lấy Hợi, Quý lấy Sửu làm lệ.

Phục ngâm không theo lệ ấy mà ký xung,

Như Giáp Canh xung, Ất Tân xung, Bính Nhâm xung, Đinh Quý xung, Mậu Kỷ không có xung.

Rắn bơi hồ biển hiểm rộng ngàn, vào Hỏa có chẳng mưa tầm tã.

Nhâm lâm vào Khâm cung là Hồ hải, chứ khôn gmưa, lâm vào Bính Đinh hay Ly Ngọ Dậu thuộc Hỏa chủ mưa to.

Chim đậu đồng gò khan giọt nước, gia Kim thì thấy nước mênh mông.

Bính gia Khôn Cấn, Mậu Kỷ là chim đậu gỗ, chủ không mưa, gia Canh Tân chủ đại vũ.

Thanh long xem chung đại vũ.

Ất là Thanh long gia vào Mậu Kỷ chủ mưa to, gia Khô là nhập Mộ không mưa, gia Canh là Thanh long đào tẩu có cuồng phong.

Bạch hổ là có liệt phong.

Tân là bạch hổ gia Ất là bạch hổ xướng cuồng có gió lớn, gia Bính Đinh Nhâm Quý có mưa to, gia Mậu Kỷ Canh Tân gió nhỏ.

Thiên môn lâm Kiền kim, cây heo lục phùng, suy mới mong mưa.

Mậu là Thiên môn gia Kiền có tiểu hạn, gia Giáp Ất gọi là phùng suy mới có mưa.

Địa hộ vào Tốn Mộc, lúa xanh, khi ngô thương thấy cầu vòng.

Lục Kỷ là địa hộ lâm Tốn thì mưa, gặp Canh Tân Thiên Nhậm Thiê nhuế có cầu vòng, gặp Giáp Ất Nhâm Quý và ở vào tam tứ cung thì cầu vòng hiện ở bên Tây, gặp Bính Đinh và ở Cửu cung thì hiện ở bên Đông chủ có hạn.

Canh gia Chấn, nhà tranh gió thổi vào thùn thụt.

Chấn là Mão phương có Giáp Ất ở đây, Canh gia Giáp Ất có gió, gia Bính Đinh có mưa.

Giáp gia Khôn cả trực mưa nước chảy rờn rờn.

Giáp gia Canh Tân có gió, gia Khôn Cấn Mậu Kỷ có mưa, gặp Bính Đinh chủ hạn.

Lục Quý là Âm hộ tinh, tùy chỗ gia mà mưa phùn đau cơ.

Quý gia Canh Tân có thời vũ, gia Bính Đinh có mưa to, gia Mậu Kỷ mưa nhỏ.

Lục Đinh là Âm tinh tú, tùy nơi đến mà mưa tưới lúa bông.

Đinh gia Canh Tân Nhâm Quý có mưa, gia Mậu Kỷ Bính Ất Giáp có hạn đến nhị bát lục thất cung thì vượng.

Gió đi mưa liền ứng.

Phong đến có mưa.

Mây rây mưa theo cùng.

Vân đến có mưa.

Xét ngũ hành ở chôn thập can, để Minh Hưu Cửu.

Đặt cửu tinh vào trong bát quái để nghiệm phong hung,

Huyền vũ gia thời khắp góc lửa đan đồ lẫn quẩn.

Huyền vũ gia thời can, trực sử môn cung.

Bạch hổ áp tuế, dây kỳ trung xu loại xung tung.

Canh gia Tuế chi khắc thành thời không soài trị.

Sử khắc thành thời quốc lộc chung.

Tuế thiên can vì là Bó, Sửu là Trực sử môn, Thành là Tuế chi, Bó sự thượng thần khắc thành chủ vận nước sắp mất.

XEM MƯA

Lấy sao Thiên Cầm làm chủ sứ mệnh, Thiên Trạ làm vũ khí, Thiên Xung là Lôi thần, Thiên Trạ làm Phong bá, Đằng xà làm điện quang, Thiên bồng làm thủy thần, Giáp Thìn Nhâm làm Long thần.

Thiên Cầm lâm vào các cung vượng tướng, Thiên Trạ Giáp Thìn Nhâm lâm vào Nhật thần, thất cung, hay là lại lâm vào Giáp Thìn Nhâm chủ đại vũ. Đi với Giáp Dần Quý lại lâm Giáp Dần Quý ở 3,7 cũng chủ có mưa nhỏ.

Giáp Thìn Nhâm lâm vào Cấn cung là Long giáng lôi môn chủ có sấm mưa.

Hạ lâm địa bàn có Đằng xà chủ có chớp. Gặp Thương môn lâm địa bàn có Đằng xà chủ có sấm sét. Lâm vào Không vong Mộ khổ chủ có âm u mây mù không mưa.

Mùa Đông xem sao Thiêm Tâm Thiên trạ tinh đi với Nhâm Quý tại hạ lâm Nhâm Quý hoặc Huyền vũ Bạch hổ chủ thủy Thổ ngưng kết làm tuyết, lâm vào không vong mộ khổ chủ có âm hàn. Lại xem có Bạch hổ xướng cuồng chủ có đại phong. Thanh long đào tẩu chủ có gió lên mây tan không mưa.

Bạch nhập Huỳnh chủ có mưa đá.

Huỳnh nhập Bạch chủ tạnh. Nếu sao Thiên trạ lâm vào 1, 3, 7 cũng không đi với Nhâm Quý là hạn, không gặp Nhâm Quý mà gặp Đằng xà chủ có cầu vòng không mưa. Lâm cung gặp Chu tước hoặc lâm vào Không vong chủ đại hạn không mưa.

XEM TUYẾT

Lấy Kiên cung và Đoài cung làm chủ, sao Thiên tâm (Kiên) cùng Nhâm hay Quý đến Đoài, hay Thiên Trạ (Đoài) cùng Nhâm hay Quý đến Kiên đều chủ có tuyết. Lấy những can ở các Lục cung ấy mà định kỳ có tuyết.

ĐỘN GIÁP KIỂM ĐẦU – QUYỂN 3**BÀI CA GIÁP ẮN ĐẦU KHÓA**

1. Can trời rộng xét. Mệnh đất cầu tinh.
 2. Mệnh đất đuổi can trời họa theo ngoài đây
Can trời đuổi mệnh đất nạn tự trong sinh.
 3. Đất hợp trời việc gì cũng thỏa.
Trời hợp đất mong muốn đều thành.
 4. Tôn trời trên mệnh can: bằng an không ngại.
Tôn Hợp úp mệnh can: công việc thông hanh
 5. Thái âm trên can mệnh thì việc bỏ dỡ
Đằng xà trên can mệnh thì sợ kinh
 6. Huyền vũ trên mệnh can: phòng trộm đến
Bạch hổ trên can mệnh: đáng sợ bệnh sinh
 7. Lục hợp trên can mệnh: việc cầu có lợi
Cửu địa gặp: tai nạn nảy ngành
 8. Canh mang xám(huyền vũ) mà trên mệnh can: phòng gian trong trướng.
Quý gặp rùa (h.vũ) mà úp mệnh can: ngừa kẻ cướp doanh
 9. Quý Hổ trên can thì họa mọc
Quý rắn(xà) trên mệnh:sự biến sinh
 10. Quý che mệnh mà 4 bức lưới cao:bệnh nặng
Quý che mệnh mà lưới cao vài thước: bệnh ấy thường khinh
 11. Tân che: đứng ngòi: phòng tội vạ
Nhâm úp: đi lại vương mình
 12. Ất phủ can trời: người sang giúp đỡ
Bính che mạng đất:việc khôn sợ kinh
 13. Gặp Đinh: cát thần che chở
Gặp Mậu: muôn dặm ruổi dong
 14. Sáu Kỷ trên mệnh can:(việc) kín thì lợi,(việc) hở thì không lợi
Canh trên mệnh can:nhà chẳng an,mà nước cũng chẳng lành
 15. Hưu trên mệnh :giữ:nguy, hoà: tốt
Sinh trên can:Giữ:bại, hòa: mừng
 16. Thương trên mệnh:giữ:không tốt, hòa:cũng không tốt
Đỗ trên mệnh:hoà:việc thành,giữ:việc không thành
 17. Canh trên mệnh:giữ, hòa: nữa tốt
Tử trên mệnh:hoà, giữ: nguy mình
 18. Mệnh thấy Kinh: hoà: rất sợ, giữ: cùng rất sợ
Mệnh thấy Khai: hòa: nên vinh, giữ: cũng nên vinh
- * Can trời là can năm sinh của mình, nên xem kỹ can của mệnh mình, để biết lành dữ mà giữ gìn, một đời phúc lộc.
- * Mệnh đất tức chi năm sinh của mình. Hễ xem lành dữ cho một người, trước xem can trời là chủ yếu, rồi mới xem chi đất để hỗ trợ.
- *HÒA: (thí dụ cửa Sinh thuộc thổ, mà ở trên cung Bính Đinh Mậu Kỷ Canh Tân Càn

Khôn Ly Cấn, gọi là hoà: tốt).

*GIỮ: thí dụ cửa Sinh thuộc Thổ, ở trên cung Nhâm Quý Giáp Ất Khảm Chấn Tốn là cửa bị khắc, gọi là giữ: xấu

Diễn giải bài ca giáp ẩn đầu khóa:

1.CAN TRỜI RỘNG XÉT:

Can trời là can năm sinh của mình, nên xem kỹ can của mệnh mình, để biết lành dữ, mong giữ gìn, một đời phúc lộc.

Lại có sách viết rằng: Thiên Can là bản mệnh tuế can của vị tướng quân. Phàm người học độn giáp, trước xem kỹ bản mệnh tuế can của mình để biết lành dữ, mới giữ được nhất sinh họa phúc rồi mới đi tong quân, sau xét đến bản mệnh của Chủ tướng cát hung, nếu không biết cái họa phúc của mình sao gọi là người có học độn giáp được.

Mậu 9	Tân 6	Ất 1
Kỷ 8	Nhâm 5	Bính 2
Canh 7	Quý 4	Đinh 3

TD:năm Quý Hợi, tiết Lập đông, tháng 10, trung nguyên, âm độn, cục 9, ngày Đinh tị, giờ Canh tỵ. Xem cho người tuổi Đinh Hợi.

Lúc ấy Trục Phù là Giáp Ngọ Tân trên can giờ Canh ở cung Đoài 7 là cách Thiên Ất phi cung. Tuổi của chủ là tuổi Đinh Hợi.

Can mệnh Đinh ở cung chấn 3 trên có can Quý - Hổ - cửa Tử mà Quý gia Đinh là "Xà yêu kiều": ắt phải có tật bệnh kinh sợ.

Anh-Mậu Kinh-hợp Quý	Nhuế-Bính Khai-Âm Mậu	Trụ-Canh Hưu-Xà Bính
Phụ-Quý Tử-Hổ Đinh	Nhâm	Tâm-Tân Sinh-Phù Canh
Xung-Đinh Cảnh-Vũ Kỷ-nhâm	Nhậm-Kỷ Đỗ-Địa Ất	Bồng-Ất Thương-Thiên Tân

Mệnh đất Hợi ở cung càn 6 gặp Ất gia Tân là Long đào tẩu: giữ việc binh động không yên.

Mừng được Quý Thủy, Hổ Kim tại Can năm gặp mùa Đông là vượng tướng. Kinh rằng: "Đại hung tinh thừa vượng biến vì cát". Mệnh ở Hợi gặp Cửu Thiên: tuy có kinh sợ nhưng không đáng ngại.

Duy quẻ này gặp cách Thiên Ất phi cung cách: nên ngồi nhà thì hay, đi ra ngoài chắc sẽ có lo ngại.

MỆNH ĐẤT CẦU TINH:

Mệnh đất tức chi năm sinh của mình, hãy xem lành dữ cho một người, trước xem Can năm sinh, sau xem Chi năm sinh. TD:năm Quý Hợi, tiết Lập đông, Trung nguyên, âm độn, cục 9. Ngày Bính Tuất, giờ Ất Mùi. Người xem tuổi Kỷ Sửu.

Lúc ấy, Phù Giáp Ngọ Tân – sao Thiên Tâm gia lên địa hạ can giờ Ất ở cung 1 khảm. Tân gia Ất là hổ xướng cuồng. Can Kỷ và mệnh Chi Sửu cùng ở cung 8, trên có kỳ Ất, Cửu thiên và cửa Khai, mà Ất gia Kỷ là cách "nhật kỳ nhập bộ bị thổ ám muội", còn Khai môn trên 8 là nhập mộ. Nên tuy tháng này có tin mừng, nhưng sau lại không mừng được.

2.MỆNH ĐẤT ĐUÔI CAN TRỜI: HỌA THEO NGOÀI DẠY

Xung-Đinh Sinh-Vũ Quý	Phụ-Quý Thương-Hổ Mậu	Anh-Mậu Đỗ-Hợp Bính
Nhậm-Kỷ Hưu-Địa Đinh	Nhâm	Nhuế-Bính Cảnh-Âm Canh
Bồng-Ất Khai-Thiên Kỷ	Tâm-Tân Kinh-Phù Ất	Trụ-Canh Tử-Xà Tân

Mệnh đất là ở trong, là ta. can trời là ở ngoài, người ngoài.

Mệnh đất đuổi can trời là ta mưu hại người, nên nói là họa theo ngoài dấy.

VD: Năm Nhâm tuất, Xuân phân, thượng nguyên, độn dương, cục 3, ngày Quý mùi, giờ Mậu Ngọ. Người xem tuổi Quý Mão.

Lúc ấy, Trục Phù Giáp Dần Quý - sao Nhâm trên can giờ Mậu ở cung Chấn 3.

Can trời là Quý ở Cấn 8, trên có Can Bính, CỬ Thiên, của Hưu. Mệnh đất là Mão ở cung Chấn 3, trên có Lục Quý, Trục Phù, của Sinh. Quý Thủy ở Mệnh đất khắc Bính Hỏa ở Can trời (cung 8), là Mệnh đất đuổi Can trời: tháng ấy mình có ý mưu hại người. Can trời Quý ở cung Chấn 3 bị Mậu Thổ ở dưới khắc lên: thì trong nhà thì chồng mưu hại vợ, ở trong cơ quan thì cấp trên có ý hại cấp dưới. May mà Can Quý ở Cấn 8 có kỳ Bính – CỬ Thiên – Cửa Hưu, Mệnh đất ở Chấn 3 có Trục Phù – Cửa Sinh: nên mệnh này có thể được bình yên, có mừng chứ ít lo.

Đáng ngại là Can năm là Nhâm ở cung Đoài 7, trên có Can Canh – Bạch Hổ - của Tử: nên trong nhà có lo lắng về cha mẹ.

CAN TRỜI ĐUỔI MỆNH ĐẤT NẠN TỰ TRONG SINH:

Can trời là Người, mệnh đất là ta, Thấy can trời đuổi mệnh đất là có người ngoài mưu hại ta, nên cẩn thận đề phòng.

VD: năm Quý Dậu, Lập hạ, thượng nguyên, dương độn, cục 4, ngày Kỷ Dậu, giờ Ất Sửu. Người xem tuổi Ất tị.

Lúc bây giờ, phù giáp tý Mậu - sao Phụ trên can giờ Ất ở cung Chấn 3, Can trời là Ất ở cung Chấn 3, trên có Can Mậu, bị Ất dưới khắc lên.

Mệnh đất là Tị ở cung Tốn 4 trên có Can Quý – Đàng Xà - Sinh môn. Đất Mậu ở can trời (ất), đuổi (khắc) Quý Thủy ở Mệnh đất (Tị): tháng này có người mưu hại ta. Và mệnh đất ở Tị có Mậu bay trên Ất (3) và bị Ất dưới khắc lên, nếu đoán trong nhà thì con cháu lừa dối người trên, trong công ty thì cấp dưới lừa dối cấp trên. Xà ở mệnh (Tị) thì phải đề phòng những việc đáng sợ xảy ra. Nhưng trên can Ất có Hưu môn là có sự mừng, tuy có sợ hãi nhưng sẽ qua.

3.ĐẤT HỢP TRỜI: VIỆC GÌ CŨNG THỎA.

Mệnh đất và can trời cùng hợp thì rất tốt.

VD: Năm Quý Hợi, Đại tuyết, trung nguyên, độn âm, cục 7. Ngày Đinh Hợi, giờ Bính ngọ. Người xem tuổi Canh Tý.

Lúc bấy giờ, Trục Phù Giáp Thìn Nhâm - sao Xung trên can giờ Bính ở Ly 9, Phù gia Bính là Long phản thủ. Can trời Canh trên cung Khôn 2, trên có Can Tân – CỬ Thiên - Cửa Khai.

Mệnh đất là Tý ở cung Khâm 1, trên có Sao Bạch Hổ- Can Mậu – Cửa Thương. Can Mậu gặp tháng Thủy là vô khí: tuy có

Mậu Thương-Xà Kỷ	Kỷ Đỗ-Âm Đinh	Đinh Cảnh-Hợp Ất-Canh
Quý Sinh-Phù Mậu	Canh	Ất Tử-Hổ Nhâm
Bính Hưu-Thiên Quý	tân Khai-Địa Bính	Nhâm Kinh-Vũ Tân

Quý Sinh-Xà Mậu	Bính Thương-Âm Quý	Tân Đỗ-Hợp Bính
Mậu Hưu-Phù Ất	Kỷ	Canh Cảnh-Hổ Tân
Ất Khai-Thiên Nhâm	Nhâm Kinh-Địa Đinh	Đinh Tử-Vũ Canh

Ất Tử-Xà Tân	Nhâm Kinh-Phù Bính	Tân Khai-Thiên Quý-Canh
Đinh Cảnh-Âm Nhâm	Canh	Bính Hưu-Địa Mậu
Kỷ Đỗ-Hợp Ất	Mậu Thương-Hổ Đinh	Quý Sinh-Vũ Kỷ

bệnh nhưng không đáng ngại. Can Mậu Thổ thiên bàn gia Khâm 1 cùng Tân kim thiên bàn ở Khôn 2 sinh cho nhau nên mọi việc đều tốt cả. Tân-Hổ-Khai gặp tháng đông là có khí nên tốt, Thương môn vô khí nên tuy có bệnh tật lo lắng nhưng không hại gì.

KHÓA NÀY:

Phù Nhâm là ta, trên có Thái Âm-Kỳ Đinh- Cửa Cảnh: Âm kim tháng thủy là vượng: việc làm nửa chừng bỏ dở. Đinh-Cảnh tháng thủy là tử khí: tháng này có cầu tài cũng không được (vì Nhâm khắc là tài).

Nếu xem cho vợ thì phải đoán là 2 đời:

Bính (+hỏa) là vợ cả, trên có Nhâm thủy, sao thiên xung Mộc, tháng Đông nên vô khí. Kinh môn: vợ trước là bà góa, sau lấy về làm vợ. Nếu không thì con trai của bà góa được lập làm con trai chồng (vì Thiên xung - mộc là hào tử tôn).

Đinh (- hỏa) là vợ sau, trên có Hổ-Mậu-Thương, Mậu Thổ tháng Đông là vô khí, nên lấy bà này ở nơi xa, có con không nuôi được, vì Hổ là kim khắc thương mộc là hào con cái.

Xem cho con cái thì tìm Ất ở cung 8 (mộc là hào con), trên có Kỷ-Hợp-Đỗ, Kỷ tháng Đông là vô khí lại là hào Quý. Lục hợp là mộc (hào con): cho nên nói có đẻ mà không nuôi được.

TRỜI HỢP ĐẤT: MONG MUỐN ĐỀU THÀNH:

Năm Canh Dần, Đại tuyết, trung nguyên, độn dương, cục 7. Ngày Nhâm Nhân, giờ Giáp Thìn. Người xem tuổi Nhâm Dần.

Lúc ấy, Phù Giáp Thìn Nhâm - sao Nhuế trên can giờ Nhâm ở cung 2.

Can trời là Nhâm ở cung 2, Bính từ cung 5, Dương độn gửi ở Khôn 2, Bính trên 2 là kỳ Bính đắc sử". Mệnh đất là Dần ở cung 8, trên có: Kỷ - Hổ - Sinh môn. Bính - Kỷ tương sinh là can trời hợp đất: mọi việc đều tốt, tuy Mệnh Dần có Hổ thì tuy có bệnh nhưng không đáng lo.

Đỗ-Địa Đinh	Cảnh-Thiên canh	Nhâm Tử-Phù Bính
Thương-Vũ Quý	Bính	Kinh-Xà Mậu
Kỷ Sinh-Hổ Kỷ	Hưu-Hợp tân	Khai-Âm Ất

4. TÔN TRỜI TRÊN MỆNH CAN: BÌNH AN KHÔNG NGẠI

Tức là thấy Trực phù và Cửu thiên trên can mệnh thì bình an, không có gì còn phải lo ngại.

VD: Năm Quý Hợi, Tiểu hàn, Trung nguyên, độn dương, cục 8. Ngày Đinh Tị, giờ Tân Hợi. Người xem tuổi Kỷ mùi.

Lúc ấy, Phù Giáp Thìn Nhâm là sao Xung trên can giờ Tân ở cung 2, chi đất là Mùi ở cung 2, trên có Trực phù. Can trời là Kỷ ở cung 9, trên có Thiên - Mậu - Kinh môn. Vậy là trên Can Mệnh có Thiên, trên địa Mệnh có Phù là được thần lành giáng phúc phù trì, tất sẽ được bình an không ngại.

Canh Tử-Địa Quý	Mậu Kinh-Thiên Kỷ	Nhâm Khai-Phù Tân-Đinh
Bính Cảnh-Vũ Nhâm	Đinh	Quý Hưu-Xà Ất
Ất Đỗ-Hổ Mậu	Tân Thương-Hợp Canh	Kỷ Sinh-Âm Bính

Tuy nhiên, Tân - Đinh địa bàn ở cung Khôn 2, nay gia lên cung Khâm 1, là "kỳ Đinh thụ chế", nên đề phòng về nạn nước, hay là vợ nhà có bệnh về máu huyết (vì Đinh là hào thê tài).

TÔN HỢP ÚP MỆNH CAN: CÔNG VIỆC HẠNH THÔNG

Trực phù và Lục hợp trên mệnh-can thì việc gì làm cũng đều trôi chảy.

Năm Giáp dần, Đông chí, trung nguyên, độn dương, cục 7. Ngày Nhâm Dần, giờ Giáp Thìn. Người xem tuổi Bính Tý.

Lúc ấy, Phù nhâm giáp thìn sao nhuế, trên can giờ là giáp ần trong nhâm trên cung 2, Tuổi Bính, ở cung 5, độn dương gởi ở cung Khôn 2, trên là Trực phù. Địa Mệnh Tý ở cung Khảm 1, trên có Hợp – Can Tân – Cửa Hưu. Vậy là can Bính, mệnh Tý có Trực phù - Lục hợp: là được thần lành phù trợ, cho nên mọi việc làm đều được trôi chảy, hanh thông.

Đỗ-Địa Đinh	Cảnh-Thiên Canh	Nhâm Tử-Phù Nhâm-Bính
Thương-Vũ Quý	Bính	Kinh-Xà Mậu
Sinh-Hổ Kỷ	Tân Hưu-Hợp Tân	Khai-Âm Át

5. THÁI ÂM TRÊN CAN MỆNH THÌ VIỆC BỎ DỠ

Xem việc mà thấy Thái âm trên can-mệnh thì mọi mong muốn, công việc làm ăn đều bị nửa chừng bỏ dở.

VD: Năm Giáp tý, Hàn lộ, Trung nguyên, Âm độn, cục 9. Ngày Giáp tuất, giờ Át Mùi. Người xem tuổi Tân Dậu.

Lúc ấy, Trực Phù Giáp Ngọ-Tân sao Tâm trên can giờ Át trên cung Khảm 1, mà Tân gia Át là Hổ xướng cuồng. Mệnh đất Dậu ở cung Đoài 7, trên có can Bính và sao Thái Âm. Can trời Tân ở cung kiền 6, trên có Đằng Xà và can Canh.

Đinh Sinh-Vũ Quý	Quý Thương-Hổ Mậu	mậu Đỗ-Hợp bính
Kỷ Hưu-Địa Đinh	Nhâm	Bính Cảnh-Âm Canh
Át Khai-Thiên Kỷ	Tân Kinh-Phù Át	Canh Tử-Xà Tân

Vậy là trong tháng này có mong mỏi làm ăn gì mà có sự sợ hãi nên hư việc.

ĐẰNG XÀ TRÊN CAN MỆNH THÌ CÓ SỰ KINH SỢ:

Khi xem việc, thấy Xà trên can-mệnh thì mọi việc làm đều có sự nghi ngờ, kinh hãi, hão huyền và tan rã không thành.

VD: Năm Kỷ Mùi, Tiểu hàn, Trung nguyên, độn dương, cục 8. Ngày Đinh Tị, giờ Tân Hợi. Người xem tuổi Át dậu.

Lúc ấy, Trực Phù Giáp Thìn Nhâm - sao Xung trên can giờ Tân ở Khôn 2 cung.

Can trời là Át và mệnh đất là Dậu ở cung Đoài 7, trên có Lục Quý- Sao Đằng xà và cửa Hưu: như vậy là trên can-mệnh có Xà: mọi việc mưu làm đều tan rã, dở dang, nếu cưỡng mà ra đi e gặp tật bệnh.

Canh Tử-Địa Quý	Mậu Kinh-Thiên Kỷ	Nhâm Khai-Phù Tân-Đinh
Bính Cảnh-Vũ Nhâm	Đinh	Quý Hưu-Xà Át
Át Đỗ-Hổ Mậu	Tân Thương-Hợp Canh	Kỷ Sinh-Âm Bính

6. VŨ TRÊN CAN MỆNH ĐỀ PHÒNG TRỘM ĐẾN

Khi xem việc mà thấy Vũ trên mệnh-can thì nên đề phòng trộm cắp. Xem Vũ lâm phương nào, thì kẻ trộm vào ngày tháng ấy, ở phương ấy, ở đất ấy đến.

VD: Năm Bính Tý, Lập đông, Trung nguyên, độn âm, cục 9. Ngày Đinh Tỵ, giờ Canh tỵ. Người xem tuổi Bính Dần.

Lúc ấy, Trục Phù Giáp ngọ Tân, sao Tâm trên can giờ là Canh ở cung 7, Trục Phù trên Canh là cách Thiên át phi cung.

Địa hạ Chi mệnh là Dần ở cung Cấn 8, trên có Huyền Vũ.

Địa hạ Can mệnh là Bính ở cung Khôn 2 trên có Xà.

Trong tháng này nên đề phòng kẻ gian đến từ phương Đông đến, vào ngày tháng Mão (vì Vũ theo Đinh là sao Xung từ cung Chấn bay trên Dần).

Mậu	9	Tân	6	Ất	1
Kỷ	8	Nhâm	5	Bính	2
Canh	7	Quý	4	Đinh	3

Mậu Kinh-Hợp Quý	Bính Khai-Âm Mậu	Canh Hưu-Xà Bính-
Quý Tử-Hổ Đinh	Nhâm	Tân Sinh-Phù Canh
Đinh Cảnh-Vũ Kỷ-Nhâm	Kỷ Đỗ-Địa Ất	Ất Thương-Thiên Tân

HỖ TRẮNG TRÊN CAN MỆNH PHÒNG BỆNH TẬT SINH:

Xem về sự bình an mà thấy có Bạch hổ trên Can hay mệnh thì phải đề phòng đau ốm, tật bệnh sẽ xảy ra.

VD: Năm Bính Ngọ, Lập đông, Trung nguyên, âm độn, cục 9. Ngày Đinh Tỵ, giờ Canh Tý. Người xem tuổi Đinh Mão.

Lúc ấy, Trục phù Giáp Ngọ Tân sao Thiên Tâm trên Can giờ là Canh ở cung 7, Trục Phù gia Canh là Thiên át phi cung cách.

Can trời Đinh và mệnh đất Mão ở cung Chấn 3, trên có Bạch hổ- Can Quý-Tử môn. Vậy là tháng này gặp đau ốm, bệnh tật. Hồ kim tháng Hợi là có khí, Tử môn tháng Hợi là vô khí: tuy có bệnh tật nhưng sẽ qua khỏi, vì sách nói: rất xấu mà gặp vượng khí cũng thành tốt.

Mậu Kinh-Hợp Quý	Bính Khai-Âm Mậu	Canh Hưu-Xà Bính
Quý Tử-Hổ Đinh	Nhâm	Tân Sinh-Phù Canh
Đinh Cảnh-Vũ Kỷ	Kỷ Đỗ-Địa Ất	Ất Thương-Thiên Tân

7.LỤC HỢP TRÊN CAN MỆNH VIỆC CẦU CÓ LỢI

Lục hợp là thần giữ việc trốn tránh, giữ việc buôn bán, tiền của, lương thực...H ể xem việc cầu mong, định việc mà thấy có cát thần và Lục hợp có khí trên Can-Mệnh: thì sự cầu mong có lợi, trăm việc đều tốt. Nếu gặp hung thần và Lục hợp vô khí thì có lo về bệnh tật.

VD: Năm Giáp Tý, Lập xuân, Trung nguyên, Dương độn 5 cục. Ngày Mậu Tý, giờ Bính Thìn. Người xem tuổi Giáp Thân.

Lúc ấy, Trục Phù Giáp Dần Quý, sao Bồng trên can giờ Bính trên cung Chấn 3, Trục Phù gia Bính là Long hồi thủ. Can trời là Giáp, ẩn trong Mậu trên cung Khôn 2. Mệnh đất là Thân ở trên cung Khôn 2, trên có sao Hợp- Can Ất- c ửa Đỗ.

Ất là sao Thiên phụ, Ất gia 2 là kỳ Ất vào Mộ, Ất mộc vào tháng mộc là có khí. Tháng này phòng lo đi xa hay cầu tài bất lợi, vì Ất nhập Mộ thì mưu sự khó thành.

Tân Sinh-Xà Ất	Bính Thương-Âm Nhâm	Ất Đỗ-Hợp Đinh-Mậu
Quý Hưu-Phù Bính	Mậu	Nhâm Cảnh-Hổ Canh
Kỷ Khai-Thiên tân	Canh Kinh-Địa Quý	Đinh Tử-Vũ Kỷ

Xem mệnh tốt xấu thì lấy Phù Quý là ta. Quý ở Khâm 1, trên có Canh - Cửu Địa - Kinh môn, Canh và Kinh thuộc kim vào tháng mộc là vô khí. Nên đề phòng tật bệnh, mà Canh gia Quý là Cách đại: mưu việc thì trì trệ không thông, đề phòng đạo tặc xâm hại.

Xem về quan sự: thì Mậu Kỷ Thổ là Quan (thổ khắc thủy): vô khí ở tháng mộc: đề phòng, tật bệnh, khẩu thiệt, kiện tụng.

Xem về thê thiếp: thì Bính Đinh (hỏa), Hỏa vượng thì nhiều vợ, hỏa vô khí thì ít vợ. Quẻ này thì Hỏa tháng mộc là vượng khí, ất hẳn có 2 vợ. Bính là vợ cả: Bính ở 3, trên có Phù-Quý-Hưu đều là thủy khắc Bính hỏa, tức là thượng khắc hạ: Chắc là phải 2 lần lấy vợ và vợ là con nhà quyền quý, nếu không phải, thì là vợ đã chia tay mà nay gặp lại và cùng nhau làm ăn trở nên giàu có. Đinh là vợ thứ: Đinh/2, trên có Ất - Đổ, mà Ất gia Khôn 2 là vào Mộ: vợ là con nhà nghèo, tiền bản hậu phú, người vợ này sau nay cũng sẽ bỏ đi, vì Đinh gia 2 bay sang cung Ki ền 6, Đinh gia 6 là vào Mộ.

CỬU ĐỊA TRÊN CAN MỆNH PHÒNG TAI NẠN NẢY SINH

Cửu địa giữ việc tai nạn ,chạy trốn. Thấy Cửu địa trên can-mệnh thì phải đề phòng tai vạ nảy mầm như phục tang, tử nạn....

VD: Lập xuân, Trung nguyên, độn dương, cục 5. Ngày Mậu Tý, giờ Bính Thìn. Người xem tuổi Giáp Tý.

Lúc ấy Trục Phù Giáp Dân Quý sao Bồng gia trên can giờ là Bính ở cung Chân 3, Trục Phù gia Bính là Long hồi thủ, Can trời là Giáp ở cung Khôn 2, trên có Hợp- Ất - cửa Đổ. Ất gia Khôn2 là vào Mộ: anh chị em có ít người, Mệnh đất là Tý ở cung Khâm 1, trên có Canh- Cửu địa - cửa kinh. Canh

gia Quý là Cách đại: Phải đề phòng tai vạ. Đinh mang Giáp ở cung Khôn 2 bay sang cung Kiền 6, Đinh gia Kiền 6 là vào Mộ, nên đến tháng Mùi Thân Tuất Hợi sẽ gặp bệnh ách.

8.CANH-VŨ TRÊN CAN MỆNH: PHÒNG GIAN TRONG TRƯỞNG:

Canh là quân trộm cướp, Vũ là thích khách, thấy Canh-Vũ mà trên can - mệnh thì cần lục Canh phải vô khí. Nếu Canh mà vượng tướng và khắc nhập, thì chắc chắn sẽ bị vén rèm người hại. Nếu Canh vô khí và khắc xuất thì không việc gì.

VD: Năm Giáp Tý, Lập thu, Thượng nguyên, Âm độn, cục 2. Giờ Kỷ Hợi. Người xem tuổi Bính Thìn.

Lúc ấy, Trục phù Giáp Ngọ Tân sao Nhậm gia trên can giờ kỷ ở cung Khâm 1. Can trời Bính và mệnh Thìn ở cung Tốn 4 trên có Canh-Vũ-Thương. Canh gia Bính là cách “Bạch nhập huỳnh hoặc”: nên đề phòng có trộm đến, kẻ trộm sẽ từ phương Nam đến,cần chú ý đề phòng có thể bắt được, vì lúc vây bắt thì Quý là lưới trời, từ cung 6 bay trên cung Đoài 7 là lưới cao 7 thước, kẻ gian không chạy thoát được.

QUÝ GẬP VŨ GIA TRÊN CAN MỆNH: NÊN PHÒNG KẺ CƯỚP DOANH

Quý là lưới trời, Vũ là quân trộm cắp, giữ về đồ binh, bệnh lây. Khi xem mà thấy Quý-Vũ vượng tướng gia trên can-mệnh: nên phòng có kẻ cướp trại, vào nhà. Nếu Quý-Vũ vô khí thì bệnh tật lây vào doanh trại, vào nhà.

Tân Sinh-Xà Ất	Bính Thương- Âm Nhâm	Ất Đổ-Hợp Đinh-Mậu
Quý Hưu-Phù Bính	Mậu	Nhâm Cảnh-Hổ Canh
Kỷ Khai-Thiên Tân	Canh Kinh- Địa Quý	Đinh Tử-Vũ Kỷ

Canh Thương-Vũ Bính	mậu Đổ-Hổ Canh	Nhâm Cảnh-Hợp Mậu-
Bính Sinh-Địa Ất	Đinh	Quý Tử-Âm Nhâm
Ất Hưu-Thiên Tân	Tân Khai-Phù Kỷ	Kỷ Kinh-Xà Quý

VD: Năm Giáp Tý, Mang chủng, Hạ nguyên, độn dương, cục 9. Ngày Ất Mùi, giờ Mậu Dần. Người xem tuổi Ất Dậu.

Lúc ấy, Trục phù Giáp Tuất Kỷ sao Bồng gia trên can giờ Mậu ở cung Ly 9. Can trời Ất ở cung Cấn 8, trên có Can Canh-Quý- Sao Vũ- cửa Cảnh.

Mệnh đất là Dậu ở cung Đoài 7, trên có sao Thái Âm –Can Tân - cửa Sinh. Quý -Vũ (thủy) gặp tháng Ngọ là vô khí. Sách nói: hưu khí bệnh hoạn gặp nạn quan nha. Nên đoán rằng tháng nay dễ bị gây sự kiếm cớ, kiện cáo ...

Chi Dậu có Âm-Tân (kim) tháng hỏa là kim vô khí: có kiện tụng, quan tai

Đáng mừng là có Sinh môn trên kỷ Bính hóa giải, nên tuy có bệnh tật, lo ngại nhưng không đáng ngại.

9. QUÝ GẶP HỔ CÙNG TRÊN CAN MỆNH THÌ HỌA ĐẾN

Quý là lưới trời, là thần chủ về bệnh tật. Hễ xem lành dữ mà thấy Quý Hổ trên can-mệnh thì phải phòng tật bệnh, tai họa đang nẩy mầm.

VD: Năm Giáp Tý, Thanh minh, Hạ nguyên, độn dương, cục 7. Ngày Giáp Tuất, giờ Canh Ngọ. Người xem tuổi Giáp Tý.

Lúc ấy Trục Phù Giáp Tý Mậu sao Trạ gia trên can giờ Canh ở cung Ly 9. Trục phù gia Canh là “Thiên ất phi cung cách”.

Mệnh Tý ở cung Khảm 1, trên có Hổ-Quý-Đỗ, Quý (thủy) - Đỗ (Mộc) gặp tháng Thổ là vô khí. Sách nói: tử nói việc chết chôn. Nên tháng này sẽ có bệnh hoạn sinh ra, lại bị sao Xung theo Quý từ Chấn 3 đến "hình" mạng Tý ở Khảm 1. Người này bị bệnh ở phương Đông (Quý ở Mão), đến ngày Mão thì nguy.

QUÝ – XÀ GIA MỆNH CAN SỰ BIẾN SINH:

Quý-Xà là 2 đại hung thần, chuyên giữ việc tật bệnh chết chóc. Khi xem lành dữ, thấy -Quý-Xà -Thương trên can - mệnh thì nên đề phòng tật bệnh, sợ hãi nẩy sinh.

VD: Năm Bính Tý, Xử thử, độn âm, cục 1. Ngày Tân Tỵ, giờ Bính Thân. Người xem tuổi Canh Dần.

Lúc ấy, Trục Phù Giáp Ngọ Tân sao Trạ gia trên can giờ Bính ở cung Chấn 3. Phù gia Bính là Long hồi thủ.

Can Canh và mệnh Dần ở cung Cấn 8, trên có Xà-Ất-Kinh môn. Xà hỏa, Ất mộc gặp tháng kim là vô khí. Nên đoán rằng: trong tháng này người này bệnh nạn liên miên, kiện cáo chồng chất. Bệnh không khỏi, kiện tụng thua.

Sách nói:

Tử khí: nói việc tử tang.

Đinh Kinh-Thiên Nhâm	Kỷ Khai-Phù Mậu	Ất Hưu-Xà Canh-Quý
Bính Tứ-Địa Tân	Quý	Tân Sinh-Âm Bính
Canh Cảnh-Vũ Ất	Mậu Đỗ-Hổ Kỷ	Nhâm Thương-Hợp Đinh

Nhâm Kinh-Thiên Đinh	Mậu Khai-Phù Canh	Ất Hưu-Xà Nhâm-Canh
Canh Tứ-Địa Quý	Bính	Tân Sinh-Âm Mậu
Đinh Cảnh-Vũ Kỷ	Quý Đỗ-Hổ Tân	Kỷ Thương-Hợp Ất

Nhâm Hưu-Thiên Đinh	Mậu Sinh-Địa Kỷ	Canh Thương-Vũ Ất-
Tân Khai-Phù Bính	Quý	Bính Đỗ-Hổ Tân
Ất Kinh-Xà Canh-Quý	Kỷ Tứ-Âm Mậu	Đinh Cảnh-Hợp Nhâm

Hưu khí nói về bệnh nạn.

Tù khí nói nạn quan tai.

Vượng tướng phòng nạn quan nha.

10. QUÝ GIA MỆNH CAN: MÀ BỐN BỨC LƯỚI CAO THÌ BỆNH NẶNG

Lưới cao là Quý ở các cung 6, 7, 8, 9. Khi xem bệnh mà thấy Quý gia trên mệnh -can vào các cung 6, 7, 8, 9: thì bệnh nặng. Nếu Thần gặp vô khí: thì sống. Nếu Thần gặp khí: đối, sát, hình: thì chết.

VD: Năm Quý Sửu, Đại tuyết, Hạ nguyên, độn âm, cục 1. Ngày Canh Dần, giờ Đinh Hợi. Người xem tuổi Canh Tuất.

Lúc ấy Trục Phù Giáp Thân Canh sao Nhâm gia trên can giờ Đinh ở cung Tốn 4. Can trời Canh ở Cấn 8, trên có Thái Âm – can Nhâm – cửa Tử môn.

Mệnh đất Tuất ở cung 6 trên có Hổ - Ất – Quý – cửa Đổ. Ất-Quý gặp tháng Tý là đối sát (Quý ở cung Khôn 2 có Mùi, Tý hại Mùi. Ất - Quý gia lên cung Kiền 6 có Tuất là Mùi hình Tuất. Tuất là Mệnh đất).

Quý gia Kiền 6 là lưới cao 6 thước: nên bệnh nặng. Can trời ở Cấn 8 có Tử môn, còn gặp đối, sát, hình nên bệnh phải nặng mà chết.

QUÝ GIA CAN MỆNH MÀ BỐN BỨC LƯỚI THẤP: BỆNH ẤY THƯỜNG KHINH

Khi xem bệnh mà thấy Quý gia lên mệnh ở lưới thấp (cung 1, 2, 3, 4) thì bệnh nhẹ. Hay là thấy Thần không gặp đối, sát thì sống. Có đối, sát, hình thì chết.

VD: Năm Quý Hợi, Đại tuyết, Hạ nguyên, độn âm, cục 1. Ngày Bính Tý, giờ Nhâm Thìn. Người xem tuổi Đinh Hợi.

Lúc ấy Trục phù Giáp Thân Canh sao Nhâm gia trên can giờ Nhâm ở cung Kiền 6. Can trời là Đinh ở Tốn 4, trên có Ất – Quý - Hổ. Quý gia Đinh là Xà yêu kiều. Mệnh Hợi ở cung Kiền 6 có Phù - Canh. Trên can Đinh ở Tốn 4 có Tị, trên Đinh có Quý, Quý là từ cung Khôn 2 có Thân, Tị và Thân hợp. Quý ở Tốn 4 là lưới cao 4 thước. Như vậy tuổi Đinh Hợi này có bệnh nhưng nhẹ. Vì trên Đinh còn có Hưu môn là thần phúc che chở.

Sách nói: Phù trên Chi bệnh chết cũng sống lại, cửa Hưu thì bệnh khỏi.

11. TÂN GIA LÊN CAN MỆNH PHÒNG TAI VẠ ĐẾN THÂN

Tân là lưới trời. Xem Mệnh mà thấy Tân trên can-mệnh: nên đề phòng tai vạ đến bên mình.

VD: Năm Giáp Dần, Lập thu, Thượng nguyên, độn âm, cục 2. Ngày Mậu Tuất, giờ Kỷ Mùi. Người xem tuổi Ất Mão

Lúc ấy Trục phù Giáp Dần Quý sao Tâm gia trên can giờ Kỷ ở cung Khảm 1, can Mệnh ở cung Chấn 3, trên có Tân – Cửu địa - Sinh, Tân gia Ất là Hổ xướng cuồng: cử động ra vào đều hung, cố ý làm thì xấu, ở yên thì lành, phải dự phòng.

Canh Khai-Phù Đinh	Bính Hưu-Thiên Kỷ	Đinh Sinh-Địa Ất
Mậu Kinh-Xà Bính	Quý	Kỷ Thương-Vũ Tân
Nhâm Tử-Âm Canh	Tân Cánh-Hợp Mậu	Ất-Quý Đổ-Hổ Nhâm

Ất-Quý Hưu-Hổ Đinh	Tân Sinh-Hợp Kỷ	Nhâm Thương-Âm Ất-Quý
Kỷ Khai-Vũ Bính	Quý	Mậu Đổ-Xà Tân
Đinh Kinh-Địa Canh	Bính Tử-Thiên Mậu	Canh Cánh-Phù Nhâm

Ất Thương-Vũ Bính	Bính Đổ-Hổ Canh	Canh Cánh-Hợp Mậu-Đinh
Tân Sinh-Địa Ất	Đinh	Mậu Tử-Âm Nhâm
Kỷ Hưu-Thiên Tân	Quý Khai-Phù Kỷ	Nhâm Kinh-Xà Quý

NHÂM GIA CAN MỆNH ĐI LẠI VƯƠNG MÌNH

Nhâm là thiên lao. Khi xem Mệnh lành dữ mà gặp Nhâm gia Thiên can địa chi bản mệnh: cố ý làm thì bị giam, phạt, tội vạ.

VD: Năm Giáp Tí, Kinh Trập, Thượng nguyên, độn dương, Cục 1. Ngày Tân Hợi, giờ Ất Mùi. Người xem tuổi Ất Dậu.

Lúc ấy Trục Phù Giáp Ngọ Tân sao Phụ gia lên can giờ Ất ở cung Ly 9. Tân gia Ất là Hổ xướng cuồng. Mệnh đất Dậu ở cung Đoài 7 trên có can Kỷ - Nhâm – sao Thái âm – cửa Cảnh. Nhâm gặp tháng Mão là tướng khí. Khí vượng tướng phòng nạn quan nha, nên tháng ấy bị bắt, gặp Thái âm nên người này nửa chừng được giải thoát.

Can trời Ất ở Ly 9 trên có Tân là Trục phù. Tân gia Ất là Hổ xướng cuồng nên có quan sự kinh động không yên. Vì Tân là Trục phù nên có Quý nhân phù trợ mà được yên ổn.

Canh Sinh-Thiên Tân	Tân Thương-Phù Ất	Ất Đỗ-Xà Kỷ - Nhâm
Bính Hưu-Địa Canh	Nhâm	Kỷ-Nhâm Cảnh-Âm Đinh
Mậu Khai-Vũ Bính	Quý Kinh-Hổ Mậu	Đinh Tử-Hợp Quý

12. ẤT PHỦ CAN MỆNH GẶP QUÝ NHÂN GIÚP ĐỠ

Ất là Nhật kỳ, là thần phúc. Khi xem lành dữ, mà thấy Ất đến gia lên can mệnh là điềm có Quý nhân giúp đỡ.

VD: Năm Ất Sửu, Lập xuân, Hạ nguyên, độn dương, cục 2. Ngày Mậu Thân, giờ Kỷ Mùi. Người xem tuổi Bính Ngọ.

Lúc ấy Trục phù Giáp Dần Quý sao Trụ trên can giờ Kỷ ở cung Chấn 3. Can trời Bính và mệnh đất Ngọ ở cung Ly 9, trên có Thái Âm – can Ất - Hưu môn. Ất mộc - Hưu thủy gặp tháng mộc là có khí: tất sẽ có quý nhân giúp đỡ. Tháng, năm này, tuổi này được bình yên, nhưng vì có Thái âm trên can mệnh nên làm việc gì cũng dở dang nửa chừng.

Nhâm Khai-Xà Canh	Ất Hưu-Âm Bính	Đinh Sinh-Hợp Mậu
Quý Kinh-Phù Kỷ	Tân	Kỷ Thương-Hổ Quý
Mậu Tử-Thiên Đinh	Bính Cảnh-Địa Ất	Canh Đỗ-Vũ Nhâm

BÍNH GIA MỆNH ĐẤT: VIỆC KHỐN SỢ KINH

Bính là Bột, là kỷ cương rối loạn, là chột nảy ra. Khi xem Mệnh mà thấy kỷ Bính trên can mệnh thì nên đề phòng những việc loạn trong cửa quan, mọi việc làm đều trái ý, trái lòng, điên đảo khó thành.

VD: Năm Giáp Tý, tháng giêng, Tiết Vũ thủy, Thượng nguyên, độn dương, cục 9. Ngày Quý Sửu, giờ Giáp Dần. Người xem tuổi Ất Dậu.

Đem Trục phù Giáp Dần Quý gia lên Địa hạ Lục Giáp thời can ở Trung ngũ ký ở Khôn 2. Thấy lục Bính nguyệt kỳ và Kinh môn, Đằng xà gia lên Dậu Địa mệnh tuế chi ở Đoài. Bính kỷ Hỏa và Kinh môn. Quẻ này là “Kim Hỏa tu tinh”, đến gia cung Đoài là cung Dậu tự hình chi hình tất ngày này, giờ này ở trong có cái nạn tai biến đánh nhau. Phương chi Bính Hỏa gặp tháng Dần bị tù khí, Kinh môn Kim gặp tháng Dần là Hưu khí, gặp Lục Kim hỏa đậu về khí, tất là việc xảy ra kinh sợ, rồi giải tán mà không đánh nhau nữa.

Nhâm Đỗ-Địa Nhâm	Mậu Cảnh-Thiên Mậu	Quý Tử-Phù Canh-Quý
Tân Thương-Vũ Tân	Quý	Bính Kinh-Xà Bính
Ất Sinh-Hổ Ất	Kỷ Hưu-Hợp Kỷ	Đinh Khai-Âm Đinh

13.GẶP ĐÌNH LÀ CÓ CÁT THẦN PHÙ HỘ

Đình kỳ là Ngọc nữ. Xem mệnh mà được kỳ Đình gia lên trên mệnh là có các thần đến che chở, mọi việc cử động ra vào đều tốt.

VD: Năm Đinh Sửu, Lập thu, Thượng nguyên, độn âm, cục 2. Ngày Quý Mùi, giờ Đinh Tị. Người xem tuổi Quý Tị.

Lúc ấy Trục phù Giáp Dần Quý sao Tâm gia lên Địa hạ can giờ Đình ở Trung ngũ ký ở Khôn 2 cung. Mệnh đất là Tị có Thái Âm – Can Đình – cửa Hưu. Đình kỳ gia Tồn 4 là Đình kỳ đặc sử, là Nhân độn, Hưu môn là thần lành tất tháng này được bình an, mong cầu đều tốt. Phàm xem được Tam kỳ đặc sử và Nhân độn thì tự có các vị thần đến phù hộ, có thể thừa thắng mà đánh địch quốc, cầu tài được lợi, việc kiện thắng lý, việc quan chóng xong, điền viên tiền ích.

GẶP MẬU ĐI ĐƯỜNG VẠN LÝ NHỆ TÊN:

Lục Mậu là Thiên môn, nên đi xa muôn dặm, trăm việc đều tốt. Xem thấy Lục mậu gia vào Bản mệnh, đường xa muôn dặm đi được hanh thông đại lợi.

VD: Năm Bính Dần, tháng hai, ngày Tân Tị, Giờ Mậu Tuất, Xuân phân, Thượng nguyên dương độn 3 cục. Xem cho tuổi Canh Thân.

Đem Lục Tân Trục phù sao Thiên Tâm gia lên Địa hạ Lục Mậu thời can ở Chấn 3. Thấy Lục Mậu Thiên bàn cùng Lục hợp và Canh môn cùng gia lên Canh tuế can, Thân Tuế chi ở Khôn 2 cung. Có Canh môn nên vẫn thụ hiền sách, tất ngày tháng này đi xa muôn dặm hanh thông khoái lạc, trăm sự sở cầu được toại.

14.SÁU KỶ TRÊN CAN MỆNH: KÍN THÌ LỢI, HỞ THÌ KHÔNG LỢI

Lục Kỷ là Địa hộ, là ngõ đất, nên dùng vào những việc có tính kín đáo, bí mật, tính toán. Xem thấy Lục Kỷ gia vào Thiên Can, Địa mệnh thì nên làm việc bí mật, nếu không sẽ gặp việc chẳng lành.

VD: Năm Giáp Tý, Đại hàn, Thượng nguyên, độn dương, cục 3. Ngày Mậu Thìn, giờ Kỷ Mùi. Người xem tuổi Canh Thân

Lấy Trục phù Giáp Dần Quý sao Nhâm gia lên Địa hạ Lục Kỷ thời Can ở cung Tồn 4. Can Canh và mệnh Thân cùng ở trên cung 2, trên có Âm - Kỷ - Đổ. Kỷ thô đến Khôn là gặp trường sinh ở Thân, tuy gặp tháng Sửu là tướng khí, nhưng cũng chỉ nên làm những việc âm thầm kín đáo, lẩn tránh thì tốt. Tháng này làm các việc bí mật thì trăm việc đều yên ổn, có thần giúp đại cát. Nếu làm những việc có tính cách minh bạch rõ ràng sẽ thất bại.

CANH TRÊN CAN MỆNH: NHÀ CHẴNG YÊN, NƯỚC CŨNG CHẴNG YÊN

Nhuế-Đình Hưu-Âm Bính	Trụ-Nhâm Sinh-Xà Canh	Tâm-Quý Thương-Phù Mậu-Đình
Anh-Canh Khai-Hợp Ất	Đình	Bồng-Kỷ Đổ-Thiên Nhâm
Phụ-Bính Kinh-Hổ Tân	Xung-Ất Tử-Vũ Kỷ	Nhâm-Tân Cảnh-Địa Quý

Bồng-Bính Thương-Xà Kỷ	Nhâm-Quý Đổ-Âm Đình	Xung-Mậu Cảnh-Hợp Ất
Tâm-Tân Sinh-Phù Mậu	Canh	Phụ-Kỷ Tử-Hổ Nhâm
Trụ-Nhâm Hưu-Thiên Quý	Nhuế-Ất Khai-Địa Bính	Anh-Đình Kinh-Vũ Tân

Quý Sinh-Phù Kỷ	Mậu Thương-Xà Đình	Kỷ Đổ-Âm Ất-Canh
Bính Hưu-Thiên Mậu	Canh	Đình Cảnh-Hợp Nhâm
Tân Khai-Địa Quý	Nhâm Kinh-Vũ Bính	Ất Tử-Hổ Tân

Canh là thiên lao, thiên ngục. Xem lành dữ mà thấy Canh trên Thiên can Địa mệnh thì: trong nhà đề phòng trộm cắp, kiện cáo. Ở nước thì phòng có nghịch tặc thích khách. Trong quân thì tùy tướng lẫn áp Chủ soái. Nói chung, lục Canh gia ở đâu thì ở đó có tai họa.

VD: Năm Giáp Tý, Đại tuyết, Hạ nguyên, độn âm, cục 1. Ngày Đinh Mùi, giờ Canh Tuất. Người xem tuổi Kỷ Tị.

Lúc ấy Trục Phù Giáp Thìn Nhâm -sao Tâm trên can giờ Canh ở Cấn 8. Trục Phù gia Canh là Thiên át phi cung cách. Thấy Thiên thượng Lục Canh và Kinh môn, Cửu địa lâm vào Tị tuế chi ở Tốn. Xét Lục Canh kim, Kinh môn cùng kim gặp Tý nguyệt là vượng khí. Kinh rằng: “vượng khí phòng nạn qua nha”. Mà Bính kỳ và Huyền vũ lại gia vào Kỷ tuế can ở Ly, tất tháng này ở nhà phòng việc quan đánh nhau kinh, hay ở quân phòng binh đao.

Canh Kinh-Địa Đinh	Bính Khai-Vũ Kỷ	Đinh Hưu-Hổ Át-Quý
Mậu Tử-Thiên Bính	Quý	Kỷ Sinh-Hợp Tân
Nhâm Cảnh-Phù Canh	Tân Đỗ-Xà Mậu	Át-Quý Thương-Âm Nhâm

Đại để Lục Canh gia vào đâu tai hại không phải là một. Lục Canh cùng Cửu thiên vào mệnh cung thì phòng người trên khiển trách, khắc nhập thì hung, khắc xuất thì phát, như là Canh gia Đinh Hỏa khắc Kim là khắc xuất, việc nước lo sau thì mừng. Canh gia Át là kim khắc Mộc là khắc nhập, bị trong phát lo ngại. Lục Canh cùng Cửu địa gia vào mệnh cung thì phòng ốm đau bệnh tật chết chóc, khắc nhập thì hung như Canh gia Giáp mệnh, khắc xuất thì cát như Canh gia Đinh mệnh, sinh nhập thì hung như Canh gia Tý mệnh, tất bệnh liên miên mà chết. Sinh xuất thì cát như Canh gia Tuất mệnh, bệnh nhẹ mà sống.

Lục Canh cùng Huyền vũ gia vào Mệnh cung phòng đạo tặc làm hại, khắc nhập sinh nhập mà đới hình, đới sát thì ngộ hại, khắc xuất sinh xuất mà không đới hình đới sát thì không hại gì.

Lục Canh cùng Bạch hổ gia vào mệnh cung phải phòng thời khư tật bệnh. Khắc nhập sinh nhập thì hung, như Canh gia Dần mệnh, Mão mệnh Hợi mệnh, Tý mệnh vậy. Sinh xuất khắc xuất thì cát như Canh gia Đinh mệnh, Bính mệnh Kỷ mệnh, Mậu mệnh vậy.

Lục Canh cùng Lục hợp gia vào mệnh phải phòng của cải mất mát. Khắc nhập sinh nhập thì người ngoài trộm mà khó tìm. Khắc xuất sinh xuất thì người ngoài lấy trộm mà dễ trông thấy. Khắc xuất mà đới hưu Tù cũng khó tìm. Khắc nhập mà đới vượng tướng cũng có thể còn tìm thấy. Lục Canh tù cũng khó tìm, khắc nhập mà đới vượng tướng cũng dễ thấy.

Lục Canh cùng Thái âm gia vào mệnh cung thì trước có nguyện với Thần linh điều gì mà chưa trả mà chết. Khắc nhập sinh nhập thì hung, khắc xuất sinh xuất cát, thấy Thái Âm gặp tướng khí thì tướng khí là cái cách phạt của thề nguyện. Thấy Thái âm vượng khí là cái nguyện ước của Thần linh.

Lục Canh cùng Đằng xà gia vào mệnh cung phải phòng Tổ tiên nội ngoại hoặc ma quỷ làm tai, khắc nhập sinh nhập thì nặng, khắc xuất sinh xuất thì nhẹ.

NÓI CHUNG:

Trên can mệnh mà có lục Canh và gặp:

*Phù: phòng bệnh hàn nhiệt.

*Thiên: Phòng người trên quả trách (khắc nhập thì hung, khắc xuất thì không việc gì)

*Địa: Phòng chết non, bệnh tật, tai ách (khắc nhập thì hung, khắc xuất thì nhẹ).

*Vũ: đề phòng trộm cắp, bị tai họa, bị người hại (khắc nhập thì hung, khắc xuất thì nhẹ).

*Hổ: phòng bệnh thời khí (đau bụng) (khắc nhập thì hung, khắc xuất thì nhẹ).

*Hợp: Phòng của cái, tiền nông mất mát (khắc nhập thì hung, khắc xuất thì nhẹ).

*Âm: trước kia cầu thần linh mà nay chưa trả lễ nên mắc nạn (khắc nhập thì hung, khắc xuất thì nhẹ).

Xà: phòng ma quỷ trong ngoài quấy hại, hay là tổ tiên nội ngoại quở phạt (khắc nhập thì nặng, khắc xuất thì nhẹ).

15. HƯU TRÊN MỆNH CHẾ HUNG HÒA CÁT

Hưu môn thuộc Thủy là Đại cát môn, là cửa lành, rất tốt. Gặp Giáp Ất Canh Tân Nhâm Quý gọi là **Hòa**. Gặp Chấn Mão Đoài Dậu Kiền Hợi Khảm Tý cũng tốt. Gặp Bính Đinh Mậu Kỷ Ly Ngọ Khôn Mùi Cấn Sửu gọi là **Chế** rất xấu. khi xem thấy Hữu môn gia vào Thiên Can Địa Chi cung mà thấy Hòa thì đón cát, thấy Chế thì đón hung.

VD: Năm Giáp Tuất, Lập xuân, trung nguyên, độn dương, cục 5. Ngày Mậu Tý, giờ Bính Thìn. Người xem tuổi Bính Thân.

Lúc ấy Trục phù Giáp Dần Quý -sao

Bồng gia lên can giờ Bính ở cung Chấn 3. Trục phù gia Bính là Long hội thủ.

Trên can trời Bính ở cung Chấn 3 có Hữu. Hữu môn nên vào yết quý nhân, lấy hòa hợp thì mọi việc đều tốt.

Tân Sinh-Xà Ất	Bính Thương-Âm Nhâm	Ất Đỗ-Hợp Đinh-Mậu
Quý Hưu-Phù Bính	Mậu	Nhâm Cảnh-Hổ Canh
Kỷ Khai-Thiên Tân	Canh Kinh-Địa Quý	Đinh Tử-Vũ Kỷ

SINH MÔN TRÊN MỆNH HÒA THÌ HỖ, CHẾ THÌ HẠI

Sinh môn thuộc Thổ là đại cát môn. Gặp Bính Đinh Mậu Kỷ Canh Tân Cấn Đoài Khôn Ly Cấn gọi là hòa: rất tốt. Tất có hỷ sự. Gặp Giáp Ất Nhâm Quý Khảm Chấn Tốn là Chế: rất xấu, đại hung. Xem thấy Sinh môn gia vào Thiên Can Địa chi được hòa thì đón cát, được chế thì đón hung.

VD: Năm Ất Sửu, Lập hạ, Thượng nguyên, độn âm, cục 9. Ngày Ất Mùi, giờ Bính Tý. Người xem tuổi Tân Hợi.

Lúc ấy Trục phù Kỷ Giáp Tuất - sao Nhậm trên can giờ Bính ở Khôn 2. Phù gia Bính: Long phản thủ.

Can Tân mệnh Hợi ở cung Kiền 6, có Sinh môn. Được Sinh môn thì nên thăng quan, xây dựng, kết hôn, cầu tài, chăn nuôi...đều tốt.

Tân Tử-Âm Quý	Ất Kinh-Xà Mậu	Kỷ Khai-Phù Bính
Canh Cảnh-Hợp Đinh	Nhâm	Đinh Hưu-Thiên Canh
Bính Đỗ-Hổ Kỷ	Mậu Thương-Vũ Ất	Quý Sinh-Địa Tân

16. THƯƠNG MÔN TRÊN CAN MỆNH: CHẾ HÒA ĐỀU KHÔNG TỐT

Cửa Thương thuộc Mộc là đại hung môn: không tốt. Thương môn trên: Giáp Ất Bính Đinh Nhâm Quý Chấn Tốn Khảm Ly gọi là **hòa**. Thương môn trên Mậu Kỷ Canh Tân Cấn Đoài Khôn Cấn gọi là **Chế**. Xem gia sự bình an thấy Thương môn trên Thiên can Địa chi bản mệnh dù Hòa hay Chế đều không tốt.

Thương môn mà được Kỳ thì chỉ có: đuổi bắt kẻ chạy trốn, trộm cắp, đi săn, đánh cá, đòi nợ, cờ bạc, vui đùa là tốt. Nếu

Xung-Mậu Cảnh-Phù Kỷ	Phụ-Kỷ Tử-Xà Đinh	Anh-Đinh Kinh-Âm Ất
Nhậm-Quý Đỗ-Thiên Mậu	Canh	Nhuế-Ất Khai-Hợp Nhâm
Bồng-Bính Thương-Địa Quý	Tâm-Tân Sinh-Vũ Bính	Trụ-Nhâm Hưu-Hổ Tân

lên quan, xuất hành, hôn nhân, buôn bán, xây dựng, chôn cất...thì xấu.

VD: Năm Giáp Thân, Tháng 2, ngày Giáp Tý, giờ Kỷ Tị, Xuân phân thượng nguyên dương độ 3 cục. Xem cho tuổi Quý Mùi gia sự cát hung.

Đem Lục Mậu Giáp Tý Thiên xung trực phù gia lên Địa hạ Lục Kỷ thời can ở Tốn 4 cung. Giờ Kỷ Tị thì Thương môn đến Cấn 8 cung. Như vậy là tại Cấn có Thương môn, Cửu địa và Lục Bính cùng gia lên Quý Tuất can. Mà Kinh môn, Thái âm và Đinh kỳ lại cùng gia vào Mùi tuế chi ở Khôn. Xét Thương môn gia lên Lục Quý Tuất Can bản mệnh mà đoán.

ĐỖ TRÊN CAN MỆNH: NẾU HÒA THÌ THÀNH, GẶP CHẾ KHÔNG THÀNH

Đỗ môn thuộc Mộc là thứ cát môn, Đỗ trên: Giáp Ất Bính Đinh Canh Tân Nhâm Quý Khâm ly Chấn Tốn: gọi là Hòa, cử động đều tốt. Đỗ môn trên Canh Tân Mậu Kỷ Khôn Cấn Càn Đoài là Chế, cử động đều bất thành.

Khi xem lành dữ mà thấy Đỗ môn trên Thiên can địa chi bản mệnh mà gặp hòa thì đón tốt, gặp Chế thì đón hung.

Cửa Đỗ là phương tàng hình, là nơi tránh tai lánh nạn, lấp huyết, đuổi bắt là tốt, còn ngoài ra đều không tốt.

VD: Năm Giáp Tý, tháng 4, ngày Giáp Tí, giờ Canh Ngọ, Lập hạ, thượng nguyên, Dương độ 4 cục. Xem cho người tuổi Đinh Hợi.

Tâm-Canh Kinh-Hổ Mậu	Bồng-Đinh Khai-Vũ Quý	Nhâm-Nhâm Hưu-Địa Bính
Trụ-Tân Tử-Hợp Ất	Kỷ	Xung-Ất Sinh-Thiên Tân
Nhuế-Bính Cảnh-Âm Nhâm	Anh-Quý Đỗ-Xà Đinh	Phụ-Mậu Thương-Phù Canh

Đem Lục Mậu Trục phù gia lên địa hạ Lục Canh thời can ở Kiền 6 cung. Giờ Canh Ngọ thì Đỗ môn gia lên cung Khâm. Tại Khâm thấy Đỗ môn và Đằng xà cùng Lục Quý gia vào Đinh Tuất can. Mà Thương môn cùng Trục phù gia vào Hợi tuế chi bản mệnh ở Kiền. Xét Đỗ môn mà đoán.

17.CẢNH TRÊN MỆNH: HÒA THÌ MỪNG, CHẾ THÌ HẠI

Cảnh môn thuộc Hỏa là tiểu cát môn. Gặp Cảnh môn trên Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ Chấn Tốn Khôn Cấn gọi là **Hòa**: cử động mọi việc đều nửa tốt. Gặp Canh Tân Nhâm Quý Cấn Đoài Khâm gọi là **Chế**: mọi việc đều nửa hung. Cửa Cảnh lợi về văn thư như: dâng thư, hiến kế sách, tuyển lựa tướng sĩ là tốt. Nếu được tam kỳ thì nên đặt mưu, phá trận, ra hiệu lệnh, phong thưởng thì tốt.

Xem bản mệnh thấy Cảnh môn gia mệnh cung mà Hòa thì đón cát, gặp Chế thì đón hung.

VD: Năm Bính Dần, tháng 7, ngày Bính Thân, giờ Canh Dần, Lập thu, Trung nguyên, Âm độ 5 cục. Xem cho người tuổi Đinh Dậu.

Phụ-Kỷ Kỷ	Anh-Kỷ Quý	Nhuế-Tân Tân
Xung-Canh Tử-Phù Canh	Mậu	Trụ-Bính Sinh-Hổ Bính
Nhâm-Đinh Cảnh-Xà Đinh	Bồng-Nhâm Đỗ-Âm Nhâm	Thương-Hợp Ất

Đem Lục Canh trục phù sao Thiên xung gia địa hạ Lục Canh thời can ở Chấn. Đến giờ Canh Dần thì Thương môn đến Kiền, thấy Cảnh môn - Đằng và lục Đinh tinh kỳ gia vào Đinh Tuất can Bản mệnh ở Cấn. Mà Sinh môn Bạch hổ Lục Bính nguyệt kỳ gia vào Dậu tuế chi ở Đoài. Xét Cảnh môn tại Cấn mà đoán. Bài này có thể luận như sau:

Xét tại cung Cấn 8 có can Đinh thượng thần cùng Cửa Cảnh và sao Đằng xà gia vào can Đinh Bản mệnh. Có thể đoán rằng: trong tháng có cuộc vui, trong cuộc vui có đôi điều hoảng hốt do nhận được tin không tốt về việc làm ăn, tuy vậy vì có Đinh kỳ thượng thần nên mọi chuyện cũng được tốt đẹp.

Tại cung Đoài 7 có Bính kỳ - cửa Sinh và sao Bạch hổ gia vào Tuế Chi bản mệnh. Bính gia Dậu là khắc nhập, Sinh chủ về tiền tài, Hổ chủ về bệnh tật. Có thể đoán rằng: trong tháng bị ốm đau bệnh tật, may nhờ có Sinh môn vượng khí tức là có tiền nên gặp thầy gặp thuốc mà qua khỏi.

TỬ GIA MỆNH HÒA CHẾ CẢ HAI XẤU RÀNH RÀNH

Tử môn trên Bính Đinh Mậu Kỷ Canh Tân là hòa. Tử môn trên Giáp Ất Nhâm Quý là Chế.

18.KINH MÔN TRÊN MỆNH: CHẾ HÒA CÙNG SỢ

Kinh môn **trên** Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm Quý là hòa. Trên Giáp Ất Bính Đinh là Chế.

KHAI TRÊN MỆNH: HÒA CHẾ CÙNG VINH

Khai môn trên Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm Quý là hòa. Trên Giáp Ất Bính Đinh là Chế.